nghệ thuật

TUẦN BÁO VĂN HỌC NGHỆ THUẬT
RA NGÀY THỨ BẢY

TÂM HỒN VÀ ĐẤT NƯỚC NGƯỜI QUA

VĂN THƠ THẾ GIỚI

165 vol 1 #4 (23/X - 30/X)

4

Số Thơ văn thế giới. Mở những cửa ngõ đúng hướng vào những miền sinh hoạt phồn thịnh nhất của văn học nghệ thuật quốc tế hiện đại. Giới thiệu những tác phẩm tiêu biểu của các tác giả lớn. Những tìm hiểu mới lạ về tâm hồn và đất nước người. Liên hệ giữa nghệ thuật thế giới và nghệ thuật Việt Nam.

ĐOAN CA KICH

THANH MINH THANH NGA

CHIỀU CAO NON THA

Của DIỆP NGUYỄ

NHỮNG SOẠN PHẨM TRÌNH DIỄN TRONG TH

HAI MÀU DA

CA KỊCH PHẨM HƯƠNG XA CỦA LÊ KHA

BÔNG HỒNG CÀI ÁO

Ca kịch phẩm xã hội của HOÀNG

MEN RƯỢU SA KÊ

Của NHỊ KIỀU HOÀNG LANG

Vở bi hùng ca kịch Phù Tang, trình diễn mở đầu cho giai đoạn vượt tiến của đoàn Thanh Minh Thanh Nga năm thứ mười sáu. Đánh dấu sự sát nhập của

THÀNH ĐƯỢC

THANH NGA

BÁN 7. $

nghệ thuật

TUAN BAO VAN HOC NGHE THUAT RA NGAY THU BAY

4

Giá 7 đồng

1 PHẦN ĐẶC BIỆT SỐ NÀY

TÂM HỒN VÀ ĐẤT NƯỚC NGƯỜI

- **Đối thoại** — MICHEL BUTOR
- **Bài giảng về văn chương Hoa Kỳ** — ERNEST HEMINGWAY
- **Người anh họ** — GRAHAM GRENNE
- **Những vật êm dịu** — JOHN STEINBECK
- **Những hạt ngọc bốn biển** — **Chọn và giới thiệu một số thơ Trung Hoa, Đức, Mễ Tây Cơ, Hoa Kỳ ..**

2 TRUYỆN NGẮN — THƠ

- **Trận đánh trong rừng Dừa** — LAN ĐÌNH
- **Tới tuổi tôi** — NHÃ CA
- **Tuổi già** — VIÊN LINH
- **Tình cầu mơ ước** — TRẦN DẠ TỪ
- **Ý nghĩ buổi chiều** — HOÀI THƯƠNG
- **Hình ảnh** — MAI TRUNG TÍNH
- **Tờ di chúc viết giữa thời chiến** — CAO THOẠI CHÂU

3 TRUYỆN DÀI

- **Cúi đầu** — DOÃN QUỐC SỸ
- **Vạch một chân trời** — SƠN NAM
- **Viên đạn đồng chữ nổi** — MAI THẢO
- **Anh Meaulnes** — Nguyên tác : ALAIN FOURNIER Bản dịch MẶC ĐỖ

1 NHỮNG MỤC THƯỜNG XUYÊN

- **Văn nghệ và cuộc sống** — VŨ KHẮC KHOAN
- **Vừa xảy ra đang nói tới :** **Nhà văn Nga Sô Mikhail Sholokhov và giải Nobel 1965 – Sách của Françoise Sagan – Hai nhà văn Nga Sô bị bắt...**
- **Bạn đọc hỏi về hội họa** — TẠ TỲ trả lời
- **Đoản văn nhiều người viết :** **Lãng tử Huỳnh Thành Mỹ** – HOÀNG ANH TUẤN ● **Họp mặt** – MẶC THU ● **Tình yêu và kỷ niệm** – ALBERT CAMUS ● **Cuộc thẩm vấn những điều phi lý** – VIÊN LINH.
- **Loạt bài nhà văn nhà thơ tiền chiến :** **Hai nhánh sông tâm hồn trong Thơ Hồ Dzếnh** – MAI THẢO.

NGHỆ THUẬT NĂM THỨ NHỨT ● SỐ BỐN ● TUẦN LỄ TỪ 23 - 10 ĐẾN 30 - 10 - 1965

Tòa soạn, Trị sự	CHỦ NHIỆM, CHỦ BÚT	TỔNG THƯ KÝ TÒA SOẠN	TRỊ SỰ, QUẢN LÝ
233, Phạm Ngũ Lão Saigon Điện thoại : 25.861	**MAI THẢO**	**THANH NAM**	**TỪ NGỌC TOÀN**

Trình bày, kỹ thuật : Đằng Giao

MỘT XÁO TRỘN LỚN TRONG ĐỜI SỐNG VĂN NGHỆ TẠI NGA SÔ

Hai nhà văn Nga Sô André Sinyavsky và Daniello bị bắt vì tuyên truyền chống đảng Cộng Sản.

MỘT nguồn tin mới nhất cho biết giới văn nghệ Mạc Tư Khoa hiện đang xôn xao về vụ chính quyền Breznev-Kosygin bắt bớ các nhà văn chống đối tại Nga Sô. Dư luận bắt đầu sôi nổi khi tin nhà văn trẻ tuổi André Sinyavsky bị chính quyền điện Cẩm Linh bắt vì đã cho xuất bản lén lút những tác phẩm tiểu thuyết tại ngoại quốc dưới bút hiệu Abram Tertz. Việc bắt bớ này đã gây một cuộc xáo trộn lớn lao trong đời sống văn nghệ tại Nga Sô hiện nay.

Nguồn tin của chính quyền Nga Sô cho biết còn hai nhà văn Nga Sô nữa cũng đã bị tông giam cách đây 3 tuần lễ. Một trong hai nhà văn này tên là Daniello. Nhà văn Daniello cũng đã cho xuất bản các tác phẩm tiểu thuyết lén lút tại ngoại quốc dưới bút hiệu Mikolai Arzhanov. Tác phẩm của Daniello dưới nhan đề *Mescow Calling* (Lời Kêu Gọi Của Mạc Tư Khoa). Còn một nhà văn Nga Sô thứ ba cũng bị bắt giữ không được người ta nêu rõ danh tính.

Các nguồn tin tại thủ đô Mạc Tư Khoa trong tuần qua cho hay 3 nhà văn kể trên bị bắt vì liên lạc với giới trí thức Tây Phương mà không được phép của chánh quyền điện Cẩm Linh. Và cuộc bắt bớ này không được nhà cầm quyền Nga Sô công bố một cách công khai và các nhà văn bị bắt và bị tống giam chưa rõ nguyên nhân nào. Tuy nhiên, hãng thông tấn xã AFP của Pháp loan báo ngày 20-10 thì cả ba nhà văn Nga sô bị bắt vì tuyên truyền chống đảng cộng sản.

Nhà văn Sinyavsky đã đưa vào tiểu thuyết của ông bộ mặt thực của đời sống Nga Sô qua giọng văn mỉa mai và chua chát. Tác phẩm đầu tiên của Sinyavsky là cuốn *The Trial Begins* (Vụ Án Bắt Đầu), được xuất bản tại Ba Lê năm 1959. Khi cuốn tiểu thuyết này xuất hiện tại Hoa Kỳ năm 1961, tạp chí *Time* phê bình cuốn *The Trial Begins* « có lẽ là cuốn tiểu thuyết đáng chú ý nhất nói về Nga sô kể từ cuộc cách mạng đến nay ».

Năm 1962 khi luận đề *On Socialist Realism* (Về Chủ Nghĩa Hiện Thực Xã Hội) của Sinyavsky (Abram Tertz) ra đời, sử gia Hoa Kỳ Arthur M. Schlessinger Jr. mệnh danh là « một luận đề quan trọng mà tôi đã được đọc của một văn hào trong xã hội Nga Sô ». Năm 1963, nhà văn Sinyavsky lại thành công rực rỡ sau khi cho xuất bản tại ngoại quốc một cuốn tiểu thuyết khác dưới nhan đề *The Icile* cùng với 4 truyện ngắn. Còn tác phẩm mới nhất của ông mang tên *The Makepeace Experiment* được xuất bản tại Hoa Kỳ hồi mùa hè năm ngoái. Một chương của cuốn tiểu thuyết này đã đăng tải trên tạp chí *Harper* và tạp chí này gọi ông là một nhà văn trẻ tuổi có thiên tài tại Nga sô.

Tác phẩm *The Makepeace Experiment* kể lại cuộc đời nghèo khổ của một anh chàng buôn xe đạp. Anh ta xử dụng đường lối tuyên truyền cùng những phù phép riêng để kiểm soát cả làng anh. Tên anh chàng này là Lenya Tikhomirov (tên tục của Lénine). Tên này còn mang một ý nghĩa khác là *yên tĩnh và Hòa Bình* tại Nga sô.

Nhà văn Sinyavsk đã mượn tên hiệu Abram Tertz từ một nhân vật của một bài hát bị cấm đoán tại các đại học đường ở Nga sô.

Giới văn nghệ tại Mạc Tư Khoa cũng tiết lộ rằng nhà văn Sinyavsky đã từng giữ chân phê bình văn chương trên một tạp chí tiến bộ mà không ai xa lạ gì : *Novy Mir*. Có người cũng bảo rằng ông là bạn thân của cố văn hào Boris Pasternak, người đã được giải thưởng văn chương Nobel năm 1958 nhưng không được phép nhận, qua tác phẩm *Doctor Zhivago*.

Vụ bắt bớ 3 văn hào Nga sô nói trên được giới quan sát viên Tây Phương coi là một vụ bắt bớ quan trọng giới văn nghệ đầu tiên dưới chế độ Breznev—Kosygin kể từ sau vụ án một nhà thơ bị bắt tại Leningrad dưới triều đại của Nikita Khruschev vì nhà thơ này bị tố cáo là « dân ăn bám », không chịu làm việc hay sáng tác thơ văn.

Cũng cách đây không lâu, giới văn nghệ Mạc Tư Khoa loan tin một nhà văn Nga sô khác tên là Valery Tarsis đã bị đưa vào viện thần kinh cũng chỉ vì cho xuất bản các các phẩm một cách lén lút tại ngoại quốc. Nhà văn Valery Tarsis đã viết *The Bluebottle* và *Ward Seven* nói về các kinh nghiệm của ông tại bệnh viện. Ông đã đề tên thật khi cho các tác phẩm tại ngoại quốc.

maithảo

NHÌN TRỞ LẠI THƠ VĂN TIỀN CHIẾN

NƯỚC Tầu mênh mông. Nước Tầu cổ cũ. Nước Tầu ngựa hồng nghìn dặm mỏi, đường vào Tây Xuyên Ba Thục khó hơn đường lên trời, những người con gái thắt bím bó chân sống như hình bóng, những triền núi lớn thật lớn, những con sông dài thật dài, nước Tầu quê hương của Lý Bạch phóng túng hình hài của Đỗ Phủ đau buồn thân thế, nước Tầu đó, như một thế giới, nội địa cũng đảo hoang, biên giới đã lưu đầy, đi suốt một đời người đi không hết nước, nước nghèo quá đỗi, người triệu triệu thừa, khí trời thật nhiều mà thở không vào, đất đai muôn dặm mà ở không được, những xum xuê tươi tốt tràn đầy ở đâu chẳng thấy, chỉ cái khó, cái đói, cái cực, đời đời kiếp kiếp thắt bó từng vòng rức buốt, nước Tầu đó, của thâm cung bí sử, giặc giã không dứt, thiên tai, hạn hán tàn phá không ngừng. Và một buổi chiều kia rầu rầu úa héo trên thiêm thiếp quê cũ chẳng dung người, quê cũ đã phụ rồi, vòm trời mây trắng bao la của nước Trung Hoa lạ lùng đã in cái hình bóng bé nhỏ ly ty di động của một người Tầu nghèo khổ bỏ một nước Tầu nghèo khổ mà lên đường. Đi qua Vân Nam. Đi từ Dương Tử đi tới Hồng Hà. Đi từ Trung Hoa đi tới Việt Nam Và từ cuộc gặp gỡ trong mưu sinh buồn rầu bên đất khách giữa một người Tầu bán thuốc dạo và một cô lái đò Việt trên một giòng sông Thanh Hóa đã có một gã làm thơ Hồ Dzếnh Minh Hương. Nước Tầu, không thấy, không biết, hiện hữu mơ hồ mà ám ảnh dằng dặc, đã trở thành một thứ hậu trường tâm hồn Hồ Dzếnh :

Tôi nhớ mầu quê khát gió quê
Mây ơi ngưng đợi cánh ta về
Cho ta trông lại từng xanh thẳm
Ngâm lại bài thơ Phương Thảo Thê
Liễu Động Đình thơm chuyện hảo cầu
Tóc thề che mướt gái Tô Châu
Bâng khuâng trăng sáng trời Viên Hán
Một giải Giang Nam nước rợn mầu
Ai hát mà nay gió vẫn thơm
Ai đau, non nước nào âm đờn
Chiêu Quân nếu mãi người cung Hán
Thì tự tìm đâu nét tủi hờn

Hồn quê theo gọi mây Tần xa xa. Hai giòng máu Hoa Việt trộn lẫn trong huyết quản nhà thơ Minh Hương mở thành hai chân trời. Chế Lan Viên :

Ta nằm ở giữa cân trời đất
Khối ngọc chưa nghiêng một hướng nào

Nhưng Hồ Dzếnh thì khối ngọc đã nghiêng một hướng nào. Khối ngọc họ Chế là cái khối

hai nhánh sông tâm hồn trong thơ Hồ Dzếnh

ngọc của ý thức dành cho nó cái quyền tự do chưa gia nhập, chưa tả hữu. Khối ngọc Hồ Dzếnh là cái khối ngọc tình cảm, vào thơ Xuân Diệu thành những dấu chân đam mê chạy theo sức sô đẩy vũ bão của tâm hồn Thơ Hồ Dzếnh bởi vậy đã hình thành từ một lựa chọn quê hương. Người Minh Hương họ Hồ đã lựa chọn quê ngoại Việt Nam. Đến đây và ở lại. Đến đây và thương yêu. Từ tập truyện ngắn đầu tay Chân Trời Cũ đến tập thơ đầu tay Quê Ngoại, Hồ Dzếnh đã đi một chặng đường dài từ những hậu trường của kỷ niệm và quá khứ phảng phất tiềm thức u minh ra những tiền trường là đất nước Việt Nam nhận làm quê hương mới có. Tôi nghĩ trong cõi thơ tiền chiến, đó là hiện tượng đón hậu và ngọt ngào nhất của một lựa chọn trở thành, bắt nguồn từ lựa chọn một ngã đường, một mảnh đất. một vòm trời không phải để truy khích một ngọn suối bản thể xem phát xuất từ mạch đất ngầm nào, mà để theo giòng suối chảy đi vào những khu vực đời sống phì nhiêu mà giòng suối bằng qua trong tuần tự mở rộng thành sông, lớn dần thành biển. Có quê hương Hồ Dzếnh có tất cả. Người cha xưa gánh thuốc dạo đi lang thang qua những xóm thôn Việt Nam xa lạ, tuổi đã tịch liêu chỉ có thể mơ về quá khứ, nhưng người con trẻ trung chừng ấy, như con chim ra ràng mới cất cánh bay lên, thì ám ảnh tiền thân không thể mãi mãi là một giam nhốt siêu hình. Con chim đã bay lên, bay vào nắng sáng trong veo, bay vào Việt Nam đón nhận.

Con người không lựa chọn là con người của những chấp nhận thỏa hiệp. Nhưng con người có lựa chọn là con người của những khẳng định tuyệt đối.

Tô Châu lớp lớp phù kiều
Trăng đêm Dương Tử mây chiều Giang Nam

Rạc rời vó ngựa quá quan
Cờ treo ý cũ mày dàn mộng xưa

Hồi tưởng về Trung Hoa mịt mùng ngàn dặm, thơ chỉ đẹp, thứ đẹp não nùng của những thương tiếc lá vàng chất đống trên mộ sâu quá khứ Đó là những vang vọng cùng thẳm. Lạnh tanh và xa vắng. Đó là những đường giây ràng buộc nhão mỏi cuối cùng của tâm linh lặn chìm, tưởng khép đóng mà kỳ thực đã mở ra những cửa ngõ mới cho hồn. Tôi yêu tập thơ Quê Ngoại là vì thế. Ở điểm quá khứ bị lùa dạt, quá khứ mang tên Trung Hoa, hiện tại được xây cất, hiện tại mang tên Việt Nam Ở điểm một đêm đã tàn rụng, đêm Trung Hoa lung linh ma quái, cho ngày Việt Nam thay thế, ngày Việt Nam vang vang những tiếng đời nhầy múa quanh mình. Hãy tìm đọc lại Quê Ngoại. Nếu yêu Hồ Dzếnh. Cái trẻ thơ, cái vụng dại, đầy đặc trong thiên trường ca quê mới Việt Nam này lại chính là cái lớn lao của Hồ Dzếnh có đời mình bằng đã có Việt Nam.

Quê Ngoại xanh ngắt mầu hy vọng, hồng tươi dáng hạnh phúc, thắm thiết những tình ý đợi chờ, trong suốt một tình yêu vô điều kiện. Quê Ngoại là một tiếng thơ tạ ơn đời. Quê ngoại là chiếc khay vàng hiến dâng mẹ hiền một niềm biết ơn trang trọng. Trong cái thế giới ngột ngạt bít bưng tức thở của những tháp ngà tiền chiến như những phần mộ lạnh buốt, thơ Hồ Dzếnh hơn cả Xuân Diệu, và theo tôi, hơn cả Nguyễn Bính đầu mùa, là những xâu chuỗi lanh lảnh nhạc vàng gõ vui từng nhịp nắng trên mênh mông đài trấn thanh niên Tôi nhớ mãi cái cảm giác của tôi, hai mươi tuổi, tiếp nhận một tập thơ còn trẻ hơn hồn mình phơi phới, một tập thơ cỏ non lả lả, một tập thơ cốm mới đậm đà, một tập thơ mười tám cái xuân đầy, đọc mỗi câu tưởng như có mật có đường ngọt trong cổ. Thơ Hồ Dzếnh tiền chiến là cái trạng thái ngu ngơ trong suốt nhất của một tiếng thơ mà chủ đề là tình yêu và ánh sáng. Ngó thật kỹ, Quê Ngoại không hằn một nếp nhăn. Nó là một khối lạc quan và tin tưởng toàn vẹn Với tôi, một tập thơ đầu tay phải như thế. Phải có cái khí thế vạm vỡ của sống như một lao vào, cái vốc dáng của yêu như một kín trùm dào dạt.

Dẫu cho lở cả thiên đường
Thì xin một nửa tấc vườn vắng hoa

Hồ Dzếnh không làm thơ đâu Thơ đã có, đâu đó, trên mây, trên cành. trong nước chảy dưới chân cầu, trong không khí. thơ một thuyền đầy thơ một chuyến lớn chở Hồ Dzếnh đi vào thênh thang tiếng nói. Một người không phải là thi sỹ Tất cả tuổi trẻ là thi sỹ Mắt ngó mê, tay nâng niu, hồn đợi chờ, trái tim xao xuyến, mạch máu nhảy đập, chim ngủ trong hoa hoa nở trong hồn, chim hót trong từng nhụy đời từng cánh sống, đâu đâu cũng mặt trời, tứ phía đều trăng sao. *Thì xin một nửa tấc vườn vắng hoa.* Thế đâu là xin. Có gì mà xin. Thế là cho, cho hết cả mùa hồn, gặt hái được nhánh nào cho luôn nhánh ấy, cuống quýt thơ ngây, và hồn hận sống, thế là thơ đầu tay thế là thơ đầu đời, thế là sức khoẻ của thơ có, thế là thơ không yếu đau Rồi ý thức tới Chứ sao nhưng cái gì tạo thành ý thức sinh động hồng hào, cái ý thức chúng ta cần phải có không phải như một trở lực mà một động lực sống nếu không là những va chạm tình cảm bàng hoàng dội đập lại thành những cực điểm hân hoan hay thành những tận cùng bi đát.

Trời đẹp như trời mới tráng gương
Chim ca ánh sáng rộn ven tường
Có ai bên cửa ngồi hong tóc,
Cho chảy lan thành một suối hương

Trời, đất, chim ca, ánh sáng, mái tóc chảy dài thành một suối hương, tạo vật trong thơ Hồ Dzếnh, cuộc đời vào thơ Hồ Dzếch biến hình từ một chủ quan không bao giờ chối từ cái quyền uy tỏa chiếu rạng ngời và đổi thay lộng lẫy của nó. Như thế là chủ động. Như thế là sáng tạo. Như thế là thơ. Thơ là mặt trời của đời người Hồ Dzếnh.

Những năm tháng sau này, tiếng thơ Hồ Dzếnh không còn gì đáng nói: Tm trú ẩn trong tôn giáo như Hàn Mặc Tử :

Thuở nhỏ tôi run lúc đổ chiều
Gió về trút lá trải cô liêu
Đường xa thấp thoáng hàng mây trắng
Gối lẻ giường đơn lạnh rất nhiều

Đèn chụp chao xanh dọi chữ vàng
Tay lùa mắt biếc, mắt theo trang
ôi mơ khi học bài luân lý
Cửa hé nhà ai sáng dịu dàng

Chữ nở ra hoa sách có người
Tay nâng nâng sách ép lên môi
Rùng mình khi thấy hồn thay khác
Ngây cả giang sơn, đầm cả trời

Núi dựng cô đơn buồn xếp hàng
Ngõ chiều mây trắng phất phơ tang
Ái ân khôn lấp hồn sa mạc
Vĩnh viễn thê lương lạnh bóng tàn

Chiều buốt linh hồn, tôi đến đây
Nguyện cầu thánh giá chắp hai tay
Run run mắt lệ nhìn xa thẳm
Mơ lửa trời thiêu cháy vạn ngày

Để làm gì sự đổi khác đó, vươn tới đó, hiểu biết đó ? Hồ Dzếnh hóa thân và Hồ Dzếnh đã chết trong cái lớn giả tạo và vô ích lắm Nhân gian yêu thi sỹ như một loài chim lạ Đậu xuống bất cứ một chỗ đậu nào, thì sỹ chết Tạo dựng một thế giới bàng hoàng và lộng lẫy Đó là sự tôi hiểu về ý thức thi sỹ về sự cần có thơ cho đời sống chúng ta Khi nhìn thấy Hồ Dzếnh đã sống và Hồ Dzếnh đã chết.

cuộc thẩm vấn những điều phi lý

Viên Linh

□ □ □ □ □ □□ □ □

lãng tử Huỳnh thanh Mỹ

Hoàng Anh Tuấn

Thưa ông,

Lịch sử một cuộc vận động văn học bao giờ cũng đi với lịch sử một cuộc vận động ngôn ngữ. Tôi lại biết rằng ở tất cả mọi thì, ở tất cả mọi ngôi, Thi Ca là cái đỉnh chót vót, là thứ ngôn ngữ vượt ngôn ngữ để đi tới những hoán cải tinh thần, bởi thế mà Thi Ca đổi mới ngôn ngữ, và Thi ca bao giờ cũng là thế hệ tiên phong trong mọi cuộc cách mạng hoán cải Văn Học Nghệ Thuật. Không thể nói khác rằng chính Thơ đã thay đổi Tiểu Thuyết, chính Thi Sĩ đã biến đổi Văn Chương (Tôi mở một chú thích ở đây về các lịch sử văn học nghệ thuật được vận động bởi xã hội, thứ tả chân hay tân tả chân, hiện thực xã hội hay tân hiện thực, đó không phải là một phong trào văn học. Đó chỉ có thể kể là giai đoạn văn học bị lũng đoạn sau khi xã hội bế tắc, ứ đọng. Đó là lúc mà nhà văn tự nguyện gánh vác công tác xã hội dùm các nhà có trách nhiệm đã bất lực). Trở về vấn đề Thơ, tôi vẫn nghĩ rằng mọi Mỹ Thuật, Tư Tưởng đều mô phỏng tâm hồn thi sĩ. Mỹ Thuật Tư Tưởng chỉ biểu hiện những gì con người có thể diễn ra bằng ký hiệu và lời nói. Còn Thi Ca biểu hiện những gì lời nói không nói được. Những gì không nói được là tuyệt vọng. Thi Ca là cái đích tuyệt vọng mà chúng ta sẽ lui tới ít nhất cũng một vài lần trong đời.

Thưa ông,

Nếu hình dung Thơ là một vòng vũ trụ, một nội dung chưa sáng sủa, một chốn chưa được xác định (những chốn ấy quyết định tất cả, như ngày thứ nhất của Sáng Thế Ký) thì chính đây là nơi nuôi dưỡng mọi tri thức. Con người sinh sau sẽ lý luận về tri thức ấy. Và những điều ở trên tri thức là tuyệt vọng, là thi ca. Cho nên có những thi sĩ không đứng vững nếu người ta chỉ lấy một câu thơ của ông. Chỉ có một câu thì Thơ ông không còn là Thơ. Trường hợp này người thi sĩ không thành thi sĩ bởi khuôn mặt những chữ, mà là thi sĩ của toàn thể tư tưởng. Ông ta sẽ là kẻ phiêu lưu giữa các tuyệt vọng, giữa các tinh thần, giữa các thể điệu. Nói một cách nữa, kỹ thuật và nội dung là cách phân chia thiển cận của những người phê bình. Kỹ thuật là một phương pháp dẫn tới tư tưởng, và phải coi nó là tư tưởng. Nội dung là tâm lý của thơ, nhưng tại sao tâm lý không làm nên một vũ trụ có hình tượng sự sống ? Thật ra, nhìn Thơ theo từng mặt, từng khía cạnh là hoang mang trước những trật tự ngày một biến đổi của nó. Ở Việt Nam chẳng hạn, mọi quan niệm thẩm mỹ những thế kỷ trước và đầu thế kỷ này đều bắt nguồn từ trật tự cân bằng — trật tự có thể lý luận được — của Khổng Tử. Ngày nay chúng ta đã thấy khác, không có gì xác định hết. Hôm nay chúng ta lý luận không phải chỉ để tìm lấy trật tự cân bằng, chúng ta lý luận để đi đến cái không lý luận được. Tri thức để đi đến cái không tri thức được. Bởi thế mà từ đây là sự cách biệt của hai thế hệ : Thế hệ trước khi gặp cảnh đó đã tìm cách khắc phục sao cho hợp lý — hợp lý hóa cuộc đời. Ngày nay ta mở những cánh cửa vô lý trước, mở những cánh cửa giữa bức tường, phơi bày cái không hợp lý ra bằng hết. Và phi lý hóa cuộc đời.

Vậy đừng hỏi tại sao Thơ Tự Do
Cuộc thẩm vấn những điều phi lý

V L ■

ĐOÁN VĂN CỦA NHIỀU NGƯỜI VIẾT

BÊN NÀY cõi chết, chúng tôi, những thằng bạn Mỹ. Lần đầu tiên biết nhớ mày. Bên kia cõi chết, Mày, Mỹ vừa tới cuối con đường hăm chín năm sống để trang trải một phần nào cái nợ làm phim. Hăm chín năm có mặt ở thế gian thì hơn mười hai năm tự nguyện làm người lớn, để hưởng thụ cho bằng được cái khoái lạc nhức buốt đê mê của nghề làm phim. Đề, những lúc không làm phim thì tương tư mùi phim sống như tương tư hương tóc người yêu, thèm khát ánh đèn hai kì-lô, năm ki-lô, mười ki-lô. Phiêu lưu, du đãng là cái nghề của chúng tôi, cái nghề lớn của những người làm điện ảnh. Chúng tôi nhố nhăng, chúng tôi ba bửa — Mai Thảo hay bảo thế —, mọi người, chẳng ai chịu nổi, đến chúng tôi cũng không chịu nổi nhau, những khi đốc chứng, mà đốc chứng, cái tật đáng ghét ấy của tất cả chúng tôi lại là cái tật không bao giờ hết của loài ngựa hoang những người làm điện ảnh.

Mỹ lao vào phim trường, làm một thứ thiêu thân đam mê ánh đèn đến thành ngu dại. Nó muốn làm tài tử Nhưng ngoài một Anh Tứ, Phúc, Cung, Còn, Hoành và Nó đều tự nguyện làm chuyên viên, nghĩa là làm đủ mọi thứ việc ở phim trường, kể cả... quét nhà và bưng nước hầu khách ! Chúng nó không là cái gì cả đối với người người coi phim, bi khinh miệt, bởi anh em chủ, nhưng chúng nó thành thực tự thấy mình lớn, có quyền hãnh diện vì nhìn vào những tấm gương phản chiếu là thái độ vị nề của các tài tử có vô số người ái mộ.

Tuy vậy, chúng nó vẫn là những kẻ âm thầm nhưng không có những kẻ âm thầm đó thì không có phim chiếu. Điều này, chúng nó biết. Thằng Mỹ biết, nên Nó chịu đựng tất cả. Nó phá vỡ những tức tưởi dồn ép, những bất mãn vùng vẫy trong hỗn bằng gây gỗ, chửi bới, đánh lộn với... anh em. Nó « cao bồi » và hỗn láo nhất trong bọn, cái thằng Mỹ mà tôi hay gọi là thằng tây lai vì cái chất

tình yêu và kỷ niệm

Albert Camus

Tôi nghĩ, mất Jeanne tôi khổ đau ghê gớm. Mặc dầu vậy, khổ đau ấy chẳng bùng lên thành một phản ứng nào. Đó là vì không bao giờ tôi hoàn toàn thoải mái giữa một tình trạng chiếm hữu. Tưởng chừng như, với tôi, tự nhiên hơn chỉ là tiếc thương. Và, mặc dầu tôi thấy tôi thật sáng rõ, không bao giờ tôi bỏ được ý nghĩ là Jeanne hiện hữu trong tôi một lúc như lúc này nhiều hơn là trước kia, khi nàng hơi kiễng chân lên để vòng tay ôm lấy cổ tôi. Cũng chẳng hiểu tôi quen biết Jeanne như thế nào. Chỉ biết trước kia tôi đến gặp nàng ở nhà nàng. Cha mẹ nàng cười khi thấy chúng tôi với nhau. Cha nàng là thợ máy, khi ông về nhà, bao giờ người ta cũng nhìn thấy ông ngồi trong một góc đắm chìm trong suy nghĩ, bàn tay to lớn duỗi đặt ngay ngắn trên đùi. Mẹ nàng lúc nào cũng làm mọi công việc nội trợ. Jeanne cũng vậy, nhưng nhìn nàng thanh nhẹ tươi cười, tôi không nghĩ được là nàng đang làm việc. Nàng tầm thước, nhưng với tôi nàng hơi nhỏ nhắn. Và thấy nàng nhỏ nhắn, thanh nhẹ dường ấy, tim tôi thắt lại khi tôi nhìn thấy nàng băng qua phố trước những xe chở hàng. Bây giờ, tôi phải chịu nhận là chắc Jeanne không tinh khôn gì lắm. Nhưng hồi đó, tôi không đặt cho mình câu hỏi này. Jeanne có một lối riêng chỉ có ở nàng để làm bộ giận hờn nó đầy trái tim tôi một thích thú đầm đìa nước mắt. Và cái cử chỉ đặc biệt ấy, là khi nàng quay lại với tôi, ngã vào cánh tay tôi khi tôi cầu xin nàng tha thứ, tại sao, mãi thật lâu về sau, chưa làm rung động trái tim này khép đúng trước bao nhiêu chuyện ở đời? Hồi đó tôi có ham muốn nàng không, đến bây giờ tôi cũng không biết nữa. Chỉ biết là tất cả đều hòa lẫn không phân định. Chỉ biết một điều là tất cả những gì làm tôi sao suyễn đều hòa giải thành thương yêu. Nếu hồi đó tôi ham muốn nàng, tôi đã quên nàng ngày đầu tiên, khi ở hành lang ngoài buồng nàng, nàng cho tôi hôn miệng để cám ơn về sự tôi tặng nàng một cái châm nhỏ. Với mái tóc kéo về phía sau, một cái miệng không cân đối, hàm răng hơi lớn, mắt sáng trong, mũi thẳng, nàng hiện ra trước mắt tôi buổi tối hôm ấy như một đứa trẻ nhỏ tôi sinh ra đời vì những nụ hôn và sự thương yêu của nàng. Và tôi đã có thật lâu, bởi Jeanne và nhờ Jeanne cái cảm giác ấy, tôi mà nàng trước sau vẫn gọi là « người bạn thân nhất ».

Chúng tôi cũng có chung những vui thú đặc biệt. Khi chúng tôi đính hôn, tôi hai mươi hai tuổi và nàng mười tám. Nhưng điều tràn ngập trái tim chúng tôi thành một tình yêu nghiêm trang vui là cái tính chất chính thức của sự đính hôn này.

họp mặt

Mặc Thu

CẢ làng văn miền Nam này từ hơn mười năm nay đã có rất nhiều chiếu ngồi, nhưng chưa từng có một lần ngồi chung một chiếu để bàn chuyện làng, chuyện nước với nhau. Cũng có một lúc, khoảng năm 57-58, nhà cầm quyền đã cho trải chiếu cập điều ở ngôi đình văn hóa Duy Linh (!) định tập hợp những người làm công tác văn học nghệ thuật lại thành một hương đảng văn nghệ để lần đi tới một ấp chiến lược văn nghệ. Nhưng, ý của kẻ trải chiếu không « thành » nên trên dãy chiếu trải la liệt chỉ ngơ ngác dăm ba kẻ. Phần đông những người làm văn nghệ thực sự đã vượt khỏi tầm tay của tất cả mọi âm mưu chỉ huy văn nghệ.

Từ khước nếp sinh hoạt một chiều của văn nghệ miền Bắc người làm văn nghệ ở miền Nam nầy hẳn không bao giờ chịu nhận một nếp sinh hoạt tương tự. Với họ: chánh trị, kể cả thứ chánh trị mạnh, có thể chỉ huy được tất cả, trừ văn nghệ. Văn nghệ chịu tham gia, nhưng không chịu đầu hàng. Sự có mặt, tiêu cực tùy trường hợp đều phải có sắc thái tình nguyện.

Bởi vậy, đã có lúc, một chánh quyền tự cho là mạnh đã hậm hực nhìn những người văn nghệ như lớp người bàng quan của một cuộc sống vô cùng sôi nổi. Họ tự ý gạch bỏ chỗ đứng của văn nghệ trong trận đấu. Tuy vậy, tự đó, những người văn nghệ vẫn sống, vẫn đem phần hồn của họ vào tác phẩm đóng góp cho sự sống của miền Nam, dẫu rằng chưa thể kể đó như một kết hợp mạnh mẽ, một vươn vậy toại mãn của văn nghệ miền Nam.

Sức sống của văn nghệ miền Nam, như vậy, trong bao lâu vẫn còn tự động, chưa được khai thông cho tràn chảy vào biển lớn. Chỉ mới là tham dự một phần chớ chưa phải toàn bộ. Với khí thế toàn bộ của nó.

Cuộc chiến đấu của những tay súng trên chiến trường vì đó vẫn thiếu một yểm trợ đáng kể, và vẫn còn chịu thiệt thòi: một cả trong những điều không đáng mất. Hạt lúa của mùa gặt vừa qua đáng lẽ phải vạm-vỡ thì đã.. lép. Đó là một điều đáng suy nghĩ! Thực chưa từng thấy một người Văn nghệ nào của miền Nam này, đã bằng lòng với cái không khí Văn nghệ hiện thời họ có.

Trong họ, mỗi người là một dự định, một hoài-bão đẹp xứng tác-phẩm của họ. Họ đều muốn thực hiện dự-định lớn, công-cuộc lớn. Đó là một « chung sức » chớ không phải những phải những công-trình riêng-tư, cho Văn học-nghệ-thuật miền họ đương sống, cho một nửa đất nước bên kia mà họ tự nguyện sẽ trở về.

Họ muốn đóng góp nhưng không muốn bị lợi-dụng. Họ biết phải đóng góp ra sao nên không muốn bị chỉ huy, ràng buộc.

Đất nước qua những tao rối-loạn, khiến họ phải thận trọng dò tìm.

Tìm ra bạn để vạch ra đường mà cùng đi.

Như vậy, một sự họp mặt rộng-rãi của tất cả những người làm công-tác Văn-học nghệ-thuật tại miền Nam này đã tới lúc đáng gọi là cần-thiết vậy.

M.T. ■

---

bằng nhắng, bướng bỉnh của nó. Nó chửi tôi, tôi lãnh đủ, vì tôi sợ nó, sợ cái đức kiên nhẫn học hỏi của nó — nó bắt buộc phải kiên nhẫn, vì nó ít học —, sợ nó nhất là vì tôi biết nó yêu tôi vì tôi hay trù nó, « chọc quê » nó trước mặt Huyền Nga, Trang Thiên Kim, Kim Cương, Khánh Ngọc, Túy Phượng, Simone Cúc, Thanh Nga.. Tôi trù nó, nhưng nó vẫn khoái tôi vì nó khôn lanh, nhiều tự tin, và kiêu. Nó nắm được yếu điểm của tôi: chỉ vì tôi ghen với nó, nó được cảm tình với phái đẹp hơn tôi! Thằng nhỏ hóm lắm, trong khi tôi lo các « plans » các « za-coord » thì nó chụp ảnh, để hăm mươi bốn giờ sau, in ra hình cho bằng được, tặng « tào » !. Nói thế cho bỏ tức chứ sự thực thì Mỹ có sao Đào Hoa chiếu mệnh, tôi tin như vậy!

Vì Nó bất kham nên tôi bỏ phim trường đi viết báo và dạy học, nó cũng bỏ phim trường, tuy chưa có sẵn việc làm — « tới đâu hay đó » là cái vốn liếng tử của Nó.

Nó chọn cái đói — nhưng vẫn « diện » — để được thỏa mãn sự đần bò đầu bướu. Nhưng, nó chỉ thiếu thốn vừa vừa thôi vì, lúc đó, không có anh phó nháy nào quen biết — và được cảm tình — của giới ca sĩ, tài tử nhiều bằng nó.

Không biết nó xoay đâu ra cái Rolleiflex cũ mèm dùng « cache » bằng giấy cứng dán giấy đen để chia đôi khung 6x6, chụp phim mầu cho đỡ tốn. Thế là một số bìa báo in hình mầu Ekta do nó chụp! Nhờ đó, nó sống và « hạ » tôi thường xuyên, bằng cách cho vay tiền, không thèm nghĩ đến chuyện đòi nợ! Tôi chẳng muốn một tý nào khi cầm tiền của nó vì cái lý luận cản: Mỹ, nó là em mình, cần gì! »

Quay phim « Mưa Lạnh Hoàng Hôn », không ai mời nó cũng tới. Nó tới, không ai đặt vấn đề vì coi nó là « người trong hội »! Nó phụ tá cho Ngọc Tùng, lắp phim vào bành, đo ánh sáng, độ cách, sửa ống kính, đẩy travelling và hăng tiết vịt. Đóng chơi một vai phụ. Nó cũng không quên chụp hình, làm của riêng. Phần hoàn tất cuốn phim chỉ có nó và thằng Long. Nó làm việc nhiều, thù lao yếu, nhưng xí xóa rất nhanh bằng một câu chửi thề và thề độc không thèm làm phim với mấy thằng « yếu địa » nữa.

Nhưng, khi quay « Nước Mắt Đêm Xuân », lại vẫn thấy nó như thường! Nó quên những gì đã qua, theo kiểu « ăn cơm mới không nói chuyện cũ ». Trong lúc quay phim, cái chứng ngựa hoang của nó vẫn không hết, nhưng nó làm việc cũng hăng say nhất bọn.

Sau đó, trừ « Ngàn Năm Mây Bay », lần nào tới quay phim cũng thấy Nó xuất hiện, nghĩa là Nó bỏ việc mưu sinh, để tự nguyện làm không công, cho « đỡ nghiền làm phim »!

Mấy năm gần đây, Nó tuyên bố chán ghét làm phim, nhưng tôi thừa biết là nó nói láo cho ra điều mình đã khôn ngoan. Sự thực thì những thằng làm phim, bị « vi trùng xi-nê-ma ăn vào máu » thì khôn ngoan thế nào được!

Nó chán ghét làm phim, nhưng lại đi làm với Hà Thúc Cần CBS—5000 đồng một tháng —, quay phim cho T.V. Mỹ!

Nó chán ghét làm phim, nhưng lại quay phim và chụp hình cho thông tấn xã A.P!

Nó liều lĩnh — ngựa hoang mà —, nó lăn xả vào trận chiến, để sáng lên cái lương tâm nhà nghề của thông tín viên nhiếp ảnh — Nó nói! « không thua gì bọn ngoại quốc, nhiều khi hơn! » —, để kiêu hãnh trọn vẹn cái kiêu hãnh của một điện ảnh gia.

Hụt chết một lần, Nó vẫn không sợ! Con ngựa hoang, tên lãng tử Huỳnh Thanh Mỹ lại lao vào cái chết. Lần này ngày 13-10-65 cái chết không tha Nó về cái tội dốn mặt hồn láo nhiều quá.

Có lẽ, bên kia cái chết, Nó, lãng tử Huỳnh Thanh Mỹ, cười bằng lối cười châm chọc của Nó, như trước kia, với tôi nó hay cười và nói;

Phá anh Tuấn, anh Tuấn đỏ quạu, khoái quá ta!

NGƯỜI ANH HỌ

Nguyên tác
Graham Greene

Người dịch
BÙI NGỌC DUNG

NGƯỜI TA thấy toán lính Cộng Sản xuất hiện trước hết. Họ tiến nhanh, từng toán 12 người, trên các đại lộ từ Combat đến Ménilmontant. Một thanh niên và một thiếu nữ tiến chậm chạp phía sau vì gã trẻ tuổi bị thương ở chân. Người thiếu nữ dìu gã dọc theo đại lộ. Cả hai người dường như sốt ruột, mệt mỏi, thất vọng như cố bắt kịp một chuyến tầu mà họ hiểu rõ việc bắt kịp đã quá muộn.

Lão chủ quán cà phê nhìn thấy bọn họ tiến đến khi họ còn ở xa ; những ngọn đèn lúc bấy giờ còn sáng (một lúc sau, một loạt đạn lia vỡ các bóng đèn, bóng tối lại tràn ngập khắp các khu vực ở Ba Lê), và toán người hiện ra mỗi lúc một đông, trên đại lộ vắng tanh. Từ lúc mặt trời lặn đến giờ chỉ có một người khách trong quán, người ta nghe thấy tiếng súng vọng lại từ hướng Combat, ga xe điện ngầm đã đóng cửa từ lâu. Lão chủ quán ương ngạnh nhất quyết kéo các cửa chớp. Có lẽ lão là hạng người bần tiện, lão không tin người ta nói, nhưng lão cũng dán chặt chiếc trán vàng khè vào cửa kính, nhìn từ phía, từ đầu cho đến cuối đại lộ.

Khi lão thoáng thấy toán lính vội vã chạy, lão đóng cửa quán ngay. Việc đầu tiên của lão là đến báo cho người khách duy nhất đang tập thọc billard. Hắn đang loang quanh bên chiếc bàn, chau mày và bộ râu rung rinh mỗi lần hắn thọc trái banh. Mặt hắn hơi xanh dưới những ngọn đèn thấp.

Lão chủ quán lên tiếng :

— Bọn lính Cộng Sản đang tiến đến đây, tốt hơn ông nên đi khỏi nơi đây. Tôi đóng quán bây giờ ông ạ.

Người khách trả lời :

— Đừng ngăn tôi. Họ không làm gì tôi đâu mà lo. Làm hỏng quả banh của tôi rồi. Tụi Cộng Sản ăn thua gì với tôi cơ chứ. Kệ thây chúng nó.

Hắn thọc mạnh quả banh.

Lão chủ quán vừa lắc đầu vừa nói :

— Tôi hiểu ông chẳng để ý đến họ đâu. Nhưng về nhà chắc hơn ông ạ. Ông giúp tôi một tay đóng cửa quán trước cái đã. Sau đó tôi đưa vợ tôi khỏi đây mà.

Người khách quay lại nhìn lão với vẻ tinh quái, chiếc gậy đưa đi qua lại giữa những ngón tay :

— Ông nói làm hỏng cả đường banh của tôi. Tôi dám nói là ông ngán tụi chúng nó. Nhưng tôi là dân nghèo. Tôi yên chí lắm ông ơi. Tôi không run đâu.

Hắn tiến về phía chiếc áo khoác, rút ra một điếu xì gà khô. Hắn bảo :

— Cho xin một ly bia đi ông.

Hắn đi quanh bàn, dón dén bằng đầu ngón chân, và những trái banh chạm vào nhau. Lão chủ quán trở lại quầy, dáng điệu bực tức và giận dữ. Lão không lấy bia, nhưng lão đi đóng các cánh cửa. Lão cử động chậm chạp và vụng về. Chưa đóng xong cửa thì toán lính Cộng Sản đã ở trước quán.

Lão chủ quan ngừng hẳn lại và nhìn trộm bọn lính với vẻ khó chịu. Lão sợ tiếng đóng cửa có thể làm cho bọn lính để ý. Lão nghĩ « Nếu ta lạm yên lặng, biết đâu bọn họ không bỏ đi ». Và lão nhớ lại với một vẻ thích thú là bọn công an đã chặn đường tại Công Trường Cộng Hòa. Như thế bọn cộng sản sẽ tịch kết. Lão đóng cửa nhẹ nhẹ, yên lặng và lão cảm thấy khoan khoái vì thái độ của lão xưa nay rất khôn ngoan trước nhưng vấn đề nan giải. Lão nhìn qua khe cửa chớp vàng khè, Tiếng những trái banh chạm nhau ở phòng bên cạnh. Lão thấy gã trai trẻ đi khập khiễng, bước lên vỉa hè, người thiếu nữ đỡ lấy cánh tay gã. Lão nhìn họ đứng lại, bộ mặt nghi ngờ nhìn về phía Combat.

Nhưng khi họ vào quán cà phê thì lão chủ quán đã sẵn sàng đứng sau quầy, mỉm cười, cúi đầu chào, thật không còn thiếu sót một cử chỉ nào nữa. Lão thấy bọn lính chia ra thành từng toán, gồm sáu người chạy lui lại trên ngã đường mà họ đang tiến.

Cả thanh niên ngồi trong xó tối thui, ngay trên cầu thang của hầm rượu, còn bọn lính đứng chần chờ ở cửa như chờ đợi một điều gì. Điều này khiến lão chủ quán rất đỗi ngạc nhiên, tại sao họ vào trong quán mà không hỏi uống một thứ gì cả, họ không biết phải chờ đợi gì trong khi chính lão cũng chẳng hiểu ra làm sao. Cuối cùng người thiếu nữ tách rời bọn lính, tiến lại quầy và lên tiếng :

— Cho xin một ly cô nhắc đi ông chủ.

Khi lão rót ly rượu cho nàng, lão đưa thật nhẹ. Người thiếu nữ cầm lấy, mang đến cho gã thanh niên trong bóng tối, và đưa lên miệng gã.

— Lão chủ quán nói :

— 3 phật lăng đấy cô ạ.

Người thiếu nữ đỡ lấy chiếc ly, nhấm một chút để cho gã thanh niên uống cùng một chỗ. Sau đó nàng quì xuống, chạm vào trán gã và họ yên lặng.

Lão chủ quán lại lên tiếng, nhưng không đủ can đảm như lần trước :

— 3 phật lăng đấy.

Lão không nhìn thấy gã trai trẻ trong bóng tối nữa mà lão chỉ thấy lưng người thiếu nữ gầy nhom trong chiếc áo bông rách bươm. Nàng vẫn quì, cúi đầu sát khuôn mặt gã con trai. Lão sợ hãi vì bốn gã đàn ông đứng thù lù ở cửa vì lão hiểu họ là lính cộng sản, họ không tôn trọng của cải của tư nhân, họ có thể uống rượu trong quán và bỏ đi không thèm trả tiền, họ có thể hiếp phụ nữ (chỉ có vợ lão, nhưng vợ lão không hiện diện ở đây), họ sẽ đánh cướp ngân hàng, họ sẽ giết lão nếu lão ngang nhiên nhìn họ. Lão sợ run cầm cập, lão bỏ hẳn ý định đòi 3 phật lăng, vì như thế còn hơn kẻo bọn lính biết thì chí nguy.

Thế rồi lão cũng phải chứng kiến sự thật xảy đến.

Một trong bốn tên lính đứng ở cửa tiến ra quầy và bảo lão rót cho 4 ly cô nhắc. Lão luống cuống với cái nút chai, miệng lẩm bẩm cầu nguyện, xin Đức Mẹ gửi ngay một thiên thần hay gửi ngay bọn công an hay bọn cảnh sát trước khi cái nút chai rượu khui ra.

Lão lên tiếng :

— Vâng, vâng, tất cả là 12 phật lăng đấy ông.

Tên lính nói :

— Ồ, không được, ở đây chúng ta đều là đồng chí cả mà. Cùng khổ cực với nhau mà anh em.

Hắn nói thêm với một vẻ hăng hái, chế nhạo và hắn tựa vào quầy :

— Nghe đây, tất cả của cải của chúng tôi đều là của ông cũng như của ông là của chúng tôi, đồng chí hiểu không ?

Tên lính lùi lại một bước và tự giới thiệu hắn với lão chủ quán. Hắn bận một chiếc quần dài rách mướp và khuôn mặt đói khát.

Hắn nói :

— Đồng chí phải tuân theo như thế, nghĩa là tất cả những gì của đồng chí ở đây, đều là của chúng tôi cả mà. Cho 4 ly cô nhắc đi đồng chí chủ quán. Khổ cực với nhau mà đồng chí.

Lão chủ quán trả lời :

— Lẽ dĩ nhiên rồi, tôi đùa tí đấy thôi.

Lão cầm thẳng chai rượu và 4 ly cô nhắc để sẵn trên quầy.

Lão lên tiếng :

— Tiếng súng liên thanh từ hướng Combat đấy.

Lão mỉm cười để cho bọn lính quên không ra đứng gần phía cửa. Lão nghĩ có thể nên từ từ rút êm là hay nhất,

Tên Lính Cộng Sản nói với vẻ không tin :

— Tiếng súng liên thanh hả, họ dám dùng súng ấy sao ?

Lão cho rằng bọn cảnh sát chắc không xa đây lắm, lão nói bằng một giọng can đảm như được khuyến khích :

— Đúng rồi, các ông không nên lo sợ và sửa soạn ứng chiến gì hết.

Lão tựa vào chiếc quầy với vẻ hách dịch và nói :

— Này các ông này, tư tưởng của các ông người ta không thể thực hiện ở Pháp đâu ? Như tự do luyến ái chẳng hạn.

Tên lính nói :

— Ai bảo ông là tự do luyến ái thế ?

Lão chủ quán nhún vai, mỉm cười và nhìn vào góc cầu thang. Người thiếu nữ vẫn quì, đầu đặt trên vai gã trai trẻ, lưng nàng quay lại căn phòng. Họ hoàn toàn yên lặng và ly rượu để trên sàn nhà, ngay bên cạnh họ. Chiếc mũ nồi của nàng hất ngược ra đằng sau và đôi tất mạng chẳng chịt từ đùi xuống đến mắt cá chân.

Tên lính cộng sản lên tiếng :

— Cái gì, hai người kia phải không ? Họ không phải là tình nhân đâu ?

Lão chủ quán nói :

Tôi là một người có óc tiểu tư sản lại cho rằng...

Tên lính nói :

— Gã trai trẻ kia là người anh họ của cô ta đấy,

Bọn lính tiến vây quanh lấy quầy và cười chế nhạo lão. Bọn họ tiến đến thật nhẹ nhàng như những kẻ buồn ngủ hay như những người bị bệnh. Họ lắng tai nghe. Qua đôi vai họ, lão chủ quán nhìn ra đại lộ, lão có thể nhìn thấy góc đường Faubourg.

— Các ông chờ đợi cái gì bây giờ ?

Tên lính cộng sản nói :

— Chờ bạn chứ chờ ai nữa.

Hắn vội phác một cử chỉ, xòe bàn tay như ngầm bảo : « Ông thấy không, khổ cực cùng nhau mà. Chúng tôi không dấu ông cái gì cả. »

Một vài bóng người chuyển động tại góc đường Faubourg.

Tên lính nói :

— Cho thêm 4 ly cô nhắc nữa đi ông.

Lão chủ quán hỏi.:

— Thế còn hai người kia thì sao ?

— Mặc xác họ Họ săn sóc nhau họ mệt nhoài rồi.

Họ mệt thật. Đi trên đại lộ Ménilmontant thì cũng cảm thấy mệt. Hình như họ đi từ xa đến và họ phải trả một giá rất đắt hơn đồng bạn của họ. Họ đói, thất vọng, ngồi trong một góc tối thui, xa hẳn các bạn bè ; tiếng nói của họ khiến lão chủ quán rức đầu và khó chịu. Nhưng chỉ một lúc sau lão lại có cảm tưởng lão là chủ nhân đang mời mọc các vị khách quí.

Lão chủ quán mỉm cười và đùa với hai người ngồi trong bóng tối, nhưng họ cũng không buồn để ý. Có lẽ đồng bạn thương hại hai người ấy, bọn lính quây quần quanh chiếc quầy ; có lẽ bọn lính ghen tức vì tình bạn thắm thiết giữa người thiếu nữ và gã thanh niên kia. Lão chủ quán lang bang nghĩ đến tại sao những thân cây trơ trụi, màu xám lại biểu hiệu cho mùa đông than van, in rõ trên nền trời lạnh lẽo. Lão nhìn qua khung cửa theo hướng Faubourg và tự nhiên khó chịu.

Nếu con người không gặp nhau trong một thời gian và từ biệt nhau. Lão không biết lão đang nghĩ gì hay đang làm gì, lão rót đầy 4 ly cô nhắc. Bọn lính xoè những ngón tay đỡ lấy ly rượu.

Lão chủ quán nói :

— Các ông chờ một chút, tôi có một thứ rượu ngon hơn loại này nhiều.

Lão ngừng lại và ý thức được rằng điều gì sắp xảy đến cho khu đại lộ này. Ánh đèn loé trên những chiếc mũ sắt mầu xanh. Bọn cảnh sát đang tiến vào đại lộ Faubourg và súng liên thanh hướng thẳng vào các khung cửa chớp của quán cà phê.

Lão nghĩ : Lời cầu nguyện của lão đã được trả lời. Bây giờ ta phải hành động chứ không thể nhìn, mà cũng báo cho họ biết, ta hãy cố thoát lấy thân ta. Không hiểu bọn lính cộng sản có chặn ở cửa không ? Ta sẽ đi lấy chai rượu khác. Chai rượu từ thời Napoléon. Sướng khổ cùng nhau.

Lão chủ quán không cảm thấy phấn khởi khi mở cửa bước ra ngoài. Lão cố tình đi chậm chạp vào phòng billard. Lão không thể nào báo tin cho bọn lính Công Sản được Lão cố kìm hãm vì mỗi bước chân thận trọng là một trận chiến thắng cho dân tộc Pháp, cho quán cà phê và cho chính bản thân lão. Lão phải bước qua chân của người thiếu nữ để đi ; nàng đang buồn ngủ. Trong chiếc áo bông dầy cộm, người thiếu nữ chợt ngước mắt và gặp đôi mắt buồn và thất vọng của người anh họ.

Lão chủ quán ngừng lại. Lão không thể đi ngang qua họ mà không nói một lời. Lão cho rằng đây là một điều cần thiết như để giải thích một điều gì hay như lão là một đảng viên của một đảng phái giả tạo. Lão tung chiếc nút chai rượu và nói với người thiếu nữ bằng một giọng lịch sự :

— Này cô uống thêm một ly cô nhắc nữa nhé.

Tên lính Cộng Sản lên tiếng :

— Tốt hơn hết là đừng nói với họ. Họ là những người Đức đấy. Họ chẳng hiểu quái gì đâu.

— Tụi Đức à.

— Ông không thấy chân gã con trai khập khiễng đó sao ? Trong một trại tập trung đi ra, ông hiểu không ?

Lão chủ quán tự nhủ là làm sao phải hành động thật nhanh để ra khỏi cửa, vì vở kịch sắp hạ màn. Lão đâm ra bối rối vì tia nhìn thất vọng của gã trai trẻ Lão tự hỏi : « Không hiểu hắn làm gì ở đây cơ chứ ? ». Không ai trả lời cho lão. Hình như câu hỏi của lão quá ngu ngốc, nên không ai muốn trả lời. Lão cúi đầu và đi qua mặt người thiếu nữ và gã thanh niên. Người thiếu nữ tiếp tục ngủ lại. Lão như một kẻ xa lạ khi rời căn phòng, còn lại là những người bạn. Một người Đức. Họ không hiểu gì cả. Loáng thoáng trong trí óc tối mù, qua sự bần tiện và tính cách ngờ vực, lão còn nhớ một vài tiếng Đức từ ngày xưa như một vài tên gián điệp : chẳng hạn một bài hát mà lão đã học ở trường, chữ *Kamerad* thường dùng trong thời chiến hay những từ ngữ chỉ sự sợ hãi, đầu hàng hay mỏi câu, tự dưng nhớ lại như *mein Bruder*. Lão mở cửa phòng billard nhẹ nhàng đóng lại và khóa chặt

Người khách độc nhất trong quán tựa vào chiếc bàn lớn sơn xanh và kêu lên :

— Hỏng cả, hỏng cả,

Hắn nghe ngóng tiếng súng nổ ran. Tiếng người thiếu nữ kêu lên, nhưng hắn vẫn chưa hiểu là tiếng gì. Sau đó những tiếng chân người chạy trên sàn nhà, tiếng cửa đóng thật mạnh. Lão chủ quán ngồi tựa vào bàn và lắng nghe những tiếng động mỗi lúc một xa dần. Yên lặng trở lại qua chiếc lỗ khóa.

Người khách kêu lên :

— Trời ơi, tấm thảm bàn billard của tôi.

Lão chủ quán nhìn xuống bàn tay lão, lão không hiểu sao tay lão đang ngoáy ngoáy chiếc mở nút chai xuống mặt bàn billard.

Người khách lên tiếng :

— Bao giờ sự phi lý này mới chấm dứt cho ? Điệu này tôi phải về nhà mất thôi.

Lão chủ quán nói :

— Yên đi nào. Chờ xem.

Lão lắng tai nghe những bước chân dồn dập ở phòng bên cạnh. Những tiếng nói lao xao mà lão không nghe rõ. Rồi xe hơi đỗ lại và vụt đi.. Có tiếng một người nắm quả đấm cửa kêu lạch cạch.

Lão chủ quán lên tiếng gọi :

— Ai đó ?

— Ông là ai thế ? Mở cửa ra đi.

Người khách nói bằng một giọng buồn buồn :

— À, bọn cảnh sát đấy. Không biết tôi ở đâu bây giờ nhỉ ? Hỏng hết cả.

Người khách chà phấn vào gậy billard. Lão chủ quán mở cửa. Phải rồi, bọn cảnh sát đã đến nơi kịp thời. Lão lại được an toàn. Bọn lính cộng sản biến hết như là họ chưa bao giờ có mặt trong quán. Lão nhìn vào cánh cửa mở toang, chiếc bóng đèn điện vỡ toang, một chai rượu vỡ quẩng sau quầy hàng. Quán cà phê chật ních những người, lão nhớ lại là quên không đủ thì giờ khóa cửa.

Một viên sĩ quan lên tiếng ;

— Ông là chủ quán phải không ? Cho mỗi người một ly bia và cho tôi một ly cô nhắc đi ông Nhanh lên ông chủ.

Lão chủ quán tính toán và nói :

— 9 phật lăng rưỡi đấy ông ơi

Lão chăm chú nhìn những đồng xu kêu leng xeng trên quầy.

Viên sĩ quan lại nói : **xem tiếp trang 33** ■

TRẬN ĐÁNH TRONG RỪNG DỪA

TRUYỆN NGẮN LAN ĐÌNH

Có lẽ viên phi-công đã lựa được tầm bay vừa ý. Lâu rồi, không thấy chiếc trực thăng nhún lên hẳng xuống một cách bực mình nữa.

Tôi đảo mắt chung quanh. Anh chàng phóng-viên điện-ảnh, bao da ống kính đầy người trông hết sức quan trọng, đang chắp hai tay trên lòng, cứ nhìn cái bụng phệ hồn-hển cũng đủ hiểu nỗi khó chịu vì tức mỡ của hắn.

Đằng cuối khoang, gã ký giả nổi tiếng là kẻ dễ ngủ, cũng đang ngủ. Hắn nằm nghiêng, thành hình thước thợ, mình ở dãy ghế bên này, hai chân vắt sang dãy ghế bên kia, thế mà vẫn ngủ được.

Cách chỗ tôi ngồi một cái ba-lô, của ai không biết. Thiếu-tướng Tư-lệnh Quân-khu đang vắt chéo hai bàn tay trên đốc gậy chỉ huy, đôi mắt hướng thẳng ra phía cửa mạn, vẻ mặt xa lắc. Nhưng Trung-tá Tham-mưu-trưởng vẫn chỉ chỏ cây bút chì trên tấm bản đồ bọc giấy nhựa, và nói gì nghe không rõ vì tiếng máy chạy ù cả tai.

Bên cửa mạn, Trung-sĩ phụ-tá phi công thì ngồi bó gối, nhìn xuống đất.

Tôi cũng vạch tấm vải che cửa sổ, nhìn xuống đất. Nắng to, cảnh sắc như mới hẳn ra. Cây cối, làng mạc, những thửa ruộng đất thịt hồng tươi, và sông ngòi chằng chịt, như một cái gì cơ-thể-học.

Một con ngòi chảy ra một giòng sông, nước trong châu-thổ đỏ quạch còn phai xuống một quãng sông thật xa.

Chẳng có gì đáng để ý nữa. Tôi ngoảnh vào, ngay lúc, đụng phải đôi mắt tò-mò của viên Trung sĩ ban nãy. Anh vừa nhìn trộm tôi, tuy chỉ nhìn trộm để mà nhìn trộm thôi, nhưng bất ngờ bị bắt gặp, thì cũng lúng túng.

Bất giác, anh giơ một nắm tay lên ngang mặt ngón tay cái dựng thẳng khẽ nhịp một cái, và nghếch cười. Bằng trực giác, hay có thể là nhờ trí nhớ, tôi hiểu anh vừa ra hiệu « đã tới vùng nguy hiểm. »

Thêm lần nữa, tôi lại băn khoăn vì ngón tay cái này. Cùng một cử chỉ mà mỗi trường hợp đều có ý nghĩa khác hẳn, nhiều khi chỉ còn là một nét phác viển vông, phù phiếm, nhưng vẫn có vẻ đúng lúc.

Trong tiệm nhảy, nếu một thằng bạn ra giá với tôi như thế, thì tùy tiện tôi sẽ hiểu nó muốn rủ tôi cùng vào cuộc, hay cùng bỏ về. Hoặc nữa...

Nhưng gặp nhau ngoài đường phố, thật khó đoán, có thể là một cách chào hỏi, một cách giao hẹn, kể cả một cách vu vơ.

Tôi chợt liên tưởng đến những câu ông chủ bút căn dặn sáng nay :

— Trận này tuy nhỏ, nhưng là trận mở mùa, thì cũng quan trọng, nên tôi để anh đi. Cần nhất là ý kiến và sự tiên đoán của anh.

Tiên đoán ? Tôi càng thêm ấm ức vì ngón tay cái này. Bất giác, tôi ngoảnh lại nhìn viên Trung sĩ. Anh đã nai nịt đủ bộ, mũ sắt và áo giáp, tự bao giờ. Từ phi-trường đến đây, bây giờ anh mới dùng đến mấy thứ đó, cho nên thái độ nghiêm-ngặt còn tỏ ra nghiêm ngặt quá sự cần dùng. Tôi lại vạch tấm vải che cửa sổ, nhìn xuống.

Một giải xanh rì phẳng căng, rồi lên rêu lún-phún, và quần-quại, răn-reo, cánh rừng dừa. Từng đám cháy. Từng thửa ruộng rải đầy tử thi.

Tách khỏi đoàn, tôi đi thẳng lên cái gò đất cao, chỗ có người lính đang loay hoay bên bụi dừa dại tìm cách phơi đôi bít-tất và đôi giầy vải.

Tôi đến nơi, thì người lính đang cắm cúi, hai bàn tay lầy bầy với cái bật lửa, mãi điếu thuốc chưa bắt cháy. Điếu thuốc vừa ẩm vàng vừa cong queo.

Tôi rút bao thuốc của mình, đưa mời anh, và châm lửa giúp anh. Người lính ngước lên, đôi mắt thèm ngủ đỏ ngầu, nửa người ướt xũng, hai bàn chân héo quắt, nhão nhào, và trắng bệch như chết rồi.

Bên cạnh anh, một đống chiến lợi phẩm cũng vấy bùn, nhem nhuốc chẳng khác đống củi mục. Tôi nhác xem một lá cờ sao vàng, cờ tiểu đoàn. Lá cờ hình đuôi nheo, có hai mầu đỏ và xanh lam, nhưng bị ướt, đã phai lẫn vào nhau, trở thành một mầu tím núi, xám xịt. Thứ vải dệt bằng tơ gì mà cứng như sợi cước cũng vì thế mới dạt ra nhiều kẽ thưa toang-hoác.

Người lính chép miệng :

— Coi, cờ với quạt !

Tôi mỉm cười :

— Êm rồi hả ?

Anh dỗ tàn thuốc, nhân tiện chỉ về phía mấy khu làng trong xa :

— Chưa. Còn ghìm nhau trong đó.

Lần theo một lối đi con trạch, tôi tiến đến bên bờ một dãy giao thông hào, viền ngoài khu vườn cây. Nhìn xuống, nước đất xét đục vàng những xác chết cởi trường dựa dẫm ngả nghiêng, nhiều đến cọc đồ chẻ tre.

Men trên bờ hào, tôi đếm thầm : một, hai, ba... toàn cởi trường. Họ chỉ thắt giải rút, chứ không dùng cạp chun, ngâm nước suốt đêm, héo đi, thêm với hiện tượng xuống cân sau khi chết làm tóp bụng, tụt quần.

Một cái hố tổ ba người chấn ở góc làng. Miệng lỗ to phình ra ba miệng lỗ nhỏ thành hình nửa cái hoa thị. Cây thông nòng ghếch ngang trên miệng hố. Băng đạn dài thượt mất hút vào những khóm dứa mật trong vườn.

Chợt có ai huýt sáo. Tôi ngoảnh lại. Viên thiếu úy ngồi xổm trên mũi chiếc M-113, vừa giơ bàn tay chụm năm ngón mổ mổ về phía trước, ý muốn bảo tôi vào sâu mà xem.

Nhưng tôi lại nhẩy xuống ruộng,

đến bên viên thiếu úy. Anh trẻ măng kể cả bộ râu Nhật cũng ngây thơ nữa, nước da đen xạm, nhưng chỉ là nước da cháy nắng tạm thời ở cô gái nõn nà vừa đi tắm biển về chứ không phải nước da cố hữu, nghiệp dĩ.

Đứng ngoài này trông vào tôi mới chợt nhìn thấy đủ hết cả một góc làng vạn nát, cây cỏ rách bươm gục gẫy và dạt đi như vệt bão vừa lướt qua. Tôi buột miệng :

— Họ chống cự quyết liệt lắm ?

Viên thiếu úy chúm miệng huýt sáo một tiếng dài :

— Bọn tôi đã bị văng mất hai tiểu đội, riêng chỗ này. Cuối cùng phải đem hai chiếc M113 đậu châu đầu vào nhau bắn chéo cánh sẻ, chúng nó mới chịu rút lui. Nhưng còn liều mạng giơ lưng đỡ đạn cho ổ đại liên 30 chạy trước. Chúng nó chết nhiều lắm. Anh vào mà xem.

Tôi cứ chần chờ mãi bên ngoài, không nỡ xéo bừa lên đám tử thi, để vào làng. Đi trên da thịt, vào lúc còn đủ tâm óc để ngẫm nghĩ, thì thế nào tôi cũng cảm thấy từng bước mềm nhão ghê ghê dưới đế giầy.

Tôi bước sang phía tay trái, quang đãng hơn và định tiến vào. Nhưng vừa được một quãng, tôi đã gặp cái xác chết nằm khuất giữa hai luống gừng. Hắn mặc quần áo đại quân, đi giép hai sảo, khác hẳn đồng bọn. Tôi tò mò cúi xuống.

Cái xác chết chưa đủ thối, nhưng đã hấp hơi nắng nửa ngày, cũng bắt đầu ải ai, nồng nồng lại càng khó chịu hơn. Hình như bụng hắn đã trương to, Tôi không tin, nhấn thử một ngón tay, cái gì ôm ốp dưới lần áo. Cởi nhanh một chiếc cúc, tôi moi ra cái bọc giấy dầu, thứ giấy cứng và trơn không thấm nước. Giở ra, mớ thuốc rê khai mộ, cái bật lửa bẹp gần hết, và một tập giấy bê khổ chỉ bằng ba ngón tay.

Ban đầu tôi đã tưởng tập giấy đó dùng để vấn thuốc lá sâu kèn. Nhưng để ý, tôi còn thấy nhiều tờ rất dầy, dầy như giấy can-ki hay bích-ton. Lật xem, thì ra một cuốn sổ tay lỡ cỡ, đóng bằng những mẩu giấy thừa, có lẽ cắt lại những chỗ trống của những tờ báo hoặc công văn cũ, và bất cứ cái « đầu thừa đuôi thẹo » nào còn dùng được.

Chữ hắn rất đẹp, thật đều nét cứ tăm tắp, nhỏ và nghiêng bắt chước gần đúng chữ in kiểu Ý. Nhưng sức học của hắn rất xoàng, đầy lỗi chính-tả. Toàn những bài hát vộng cồ, nội dung sao mà lắm danh từ « nhân dân ».

Một anh lính hiện lên từ một bụi sả. Chắc anh ta đã theo rõi tôi từ lâu.

— Tài liệu hay cái gì đấy hở nhà báo ?

Tôi mỉm cười, ném cả gói giấy dầu cho anh ta, và bỏ đi.

Máu thịt lợp đầy từ bờ hào vào đến một đống rơm. Thỉnh thoảng lại

● xem tiếp trang 30

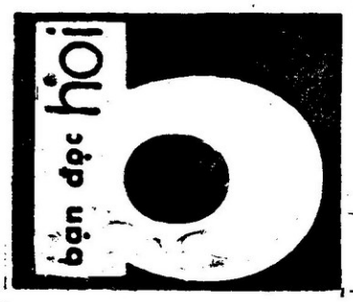

Người hỏi : Bạn CÙ ĐĂNG TIẾN
146/3 Đông Ba — Gia định

1— Thế nào là một bức tranh có chất sơn ?

2— Danh từ «EFFET» trong Hội-Họa được dịch ra tiếng Việt như thế nào để có thể tương đối hiểu được, chúng tôi vẫn dùng tạm bằng danh từ « Đặc Hiệu » (Hiệu quả đặc-biệt) như vậy e không được chính, chúng tôi xin được quý báo cho biết xác đáng hơn.

Họa sỹ TẠ TỴ TRẢ LỜI

1— Bức tranh có « chất sơn » chỉ là một cách nói để phân biệt giữa kỹ thuật vẽ sơn dầu (Peinture à l'huile) và các kỹ-thuật khác như tranh lụa, Bột màu, Thủy thái họa, Phấn tiên v.v...

Những người làm hội-họa Tây-Phương vẫn thường tự hào về nghệ-thuật sơn dầu của họ, với phương pháp cấu tạo rất đặc-biệt và sung mãn trong mỗi kích thước tạo hình. Sự thật, đúng như thế. Kỹ thuật sơn dầu có nhiều khả năng và diễn tiến vô lường trong mỗi màu, mỗi sắc, mỗi hình thể, mỗi đường nét. Không có một kỹ-thuật tạo hình nào có thể trên một bình diện dù to hay nhỏ có thể chứa đựng được nhiều tình tiết và hòa sắc bằng sơn dầu. Bởi vậy, khi nói đến « chất sơn » là muốn nói đến sự hình thành của độ lượng màu sắc, sự phóng túng hay tinh vi của bút pháp, sự cân bằng của hình thể cũng như ánh sáng và bóng tối chứa đựng trên bề mặt của họa phẩm, với tất cả công trình cấu tạo mà chỉ có sơn dầu mới thực hiện nổi.

Nhưng, cái « chất sơn » bị phá vỡ từ khi Braque trộn cát vào sơn để gây chất họa mới, và đến nay, các họa-sĩ trừu-tượng họ dùng mọi phương tiện để tiêu hủy cái « chất sơn » đã quá cũ kỹ. Các họa-sĩ Gualtisro Natvi, Enrico Bordini, Mondrian chuyên vẽ mặt phẳng, các hình thể mang trong tác phẩm giống từng miếng bìa cắt, với màu sắc như tô lên hơn là vẽ, thế mà ai dám nói, tác phẩm của họ là không có « chất sơn » đâu ? Trái lại, cũng có các họa-sĩ Buri, Tapiès, Hartigan, Stamos vẽ rất dày màu. Họ dùng cả gỗ, thép, cát, bao tải v.v... dán lên tranh sần sùi như những vết lở lói mà có ai dám nghĩ rằng họ không biết tạo « chất sơn » trong họa phẩm ?

Vậy, quan niệm về « chất sơn » đã vượt qua.

2— Từ « EFFET » là một từ đa dụng. Người ta có thể dùng nó bất cứ ở lãnh vực nào mà vẫn định nghĩa được, chỉ riêng ở Hội-Họa thì không. Đã mấy chục năm, các họa sĩ chỉ nói đến « EFFET » và « hiệu ngầm » với nhau trong phạm vi kỹ thuật tạo hình, còn vấn đề định nghĩa hay dịch ra tiếng Việt chưa ai làm, hoặc đã làm mà chưa tới nơi.

Muốn tìm cho ra, trước hết, chúng ta phải xem từ « EFFET » là gì trong lãnh vực Hội Họa. Có 2 loại « EFFET » :

A.— « EFFET » do toàn thể họa phẩm cấu tạo.
B.— « EFFET » do từng phần của họa phẩm cấu tạo.

LOẠI A : Một họa phẩm được coi là có « EFFET » khi kỹ thuật sáng tạo của nó mang đầy đủ tính chất tạo hình gồm 4 yếu tố chính : Bố cục, Hình họa, màu sắc và phối cảnh. Đứng trước một họa phẩm có « EFFET » người thưởng ngoạn cảm thấy sự vật được đặt đúng chỗ, không thể thay đổi hoặc xê dịch được. Từ một đường cong đến

■ xem tiếp trang 28

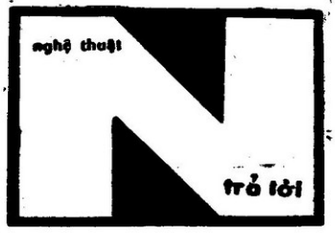

son nam

TIỂU THUYẾT PHONG TỤC

4

vạch một chân trời

KHÁCH ra vẻ suy nghĩ :

— Chúng tôi muốn đổi nó với vài công ruộng. Chúng tôi muốn cất nhà, làm ruộng ở đây. Lục cụ có đất tốt không ?

— Đất tôi ít quá. Tôi muốn qua bên kia sông cái lớn khai khẩn. Hai chú có chịu theo không ?

— Vậy thì may mắn quá. Tôi xin tặng Lục cụ một miếng vây này. Chừng nào mới qua sông ? Bên kia là vùng nào ?

— Mai mốt tôi qua khai khẩn liền, trước mùa mưa. Bên kia là Ù Minh, cọp nhiều lắm.

Khách mỉm cười nhìn ra ngoài sân. Bên kia sông, rừng xanh một giải trùng trùng điệp điệp. Cây mọc rậm đến đổi che lấp các vàm rạch. Gió thổi ngày một mạnh.

Khách nhìn hàng dừa dưới mé sông rồi lấy tay che mắt ngẩng lên mấy cụm mây trắng bay nhanh. Bỗng khách day lại Lục cụ :

— Xin lỗi !

Rồi chạy xuống bến ngay gốc dừa cung tay, co chân, chuyển sức :

— Ầm !

Cây dừa ngã lăn trốc gốc nằm bập bềnh dưới sông.

Lục cụ và tên đệ tử thứ người ra vì hồi nào tới giờ chưa gặp một ai có sức khỏe đến thế ấy.

Sau khi lập thành tích phi thường, khách trở lên nhà.

— Xin Lục cụ thứ lỗi cho chẳng qua là tôi muốn thử sức để cụ lục thấy rõ công hiệu của vây cọp. Đeo nó vô mình, sức khỏe càng ngày tăng lên.

Lục cụ mân mê miếng vây nọ. Khách bèn gói miếng còn lại, giắt vào lưng rồi cáo từ. Lục cụ hết sức nài nỉ xin hai khách ở lại ăn cơm chiều. Khách hẹn sáng mai sẽ lại hầu chuyện.

Hai người khách nọ chẳng ai khác hơn là Tư Bá và Hai Tam.

Từ giã lục cụ Bô Pha, họ bước nhanh chân, chập sau dừng lại để nhìn kỹ phía sau. Thấy tư bề không có một bóng người, họ ôm nhau mà cười như đười ươi.

Hai Tam nói :

— Bữa nay phải thưởng đại ca một lít rượu mừng. Tài đáp ứng của đại ca thật là thế gian hy hữu.

Tư Bá đáp :

— Chuyện gì cũng vậy, nên để một người nói. Nói thiệt hồi nãy tôi phập phòng quá, e chú bàn tán xen vô không ăn ý họ sanh nghi. Chú thấy không ? Ông lục cụ có tịch riêng chính ổng cũng lườm tên đệ tử không cho hắn nói nhiều, sợ lộ bí mật.

Hai Tam sực nhớ lại :

— Trời ơi ! Làm sao hồi nãy anh đá trốc gốc được cây dừa. Dè đâu võ nghệ của anh cao cường đến thế !

Tư Bá mới giải thích cho Hai Tam rõ mưu mẹo khi nãy. Số là hồi mới vô nhà lục cụ Bô Pha, chú đã ngóng xung quanh nhà để tìm cơ hội trổ tài. May thay dưới bến có hàng dừa mọc gần mé sông đất có phân, cây nọ lung lay vì gie ra ngoài quá xa. Lúc ấy, gió thổi mạnh. Nếu chú không đạp cây dừa nọ thì chập sau gió mạnh thổi tới chắc chắn thế nào nó cũng tự ngã. Chú đã khéo đoán được luồng gió sắp nổi lên. Thừa lúc gió đưa, chú cố sức xô tiếp.

Chú kết luận :

— Đối với người Miên, mình cần làm việc thực cho họ thấy. Nói miệng tài, ai tin được.

— Còn miếng vây cọp ?

— ... Nhắc lại làm chi hai miếng xương heo đó.

Để chứng tỏ lòng thành thật của mình, Tư Bá và Hai Tam đến viếng xã giao lục cụ Bô Pha và tên Mách lần thứ nhì luôn dịp mời họ đến viếng thăm căn cứ của mình.

Tên Mách thay mặt lục cụ đến chòi của Tư Bá mà uống rượu với đoàn người tùy tùng. Hắn uống rượu nhiều nhưng rất tỉnh táo, cố ý dò xét coi

---

tuổi già

Viên Linh

Ông lão ơi, đổi cho tôi bộ mặt
Thời đại già râu tóc được yên thân
Như sọ trọc, cuộc đời khó nắm
Đổi cho tôi, hãy đổi cho tôi
Cuộc sống trăm năm kề mặt đất

Tôi sẽ đeo thêm nửa thế kỷ buồn
Sẽ nhai lại một thời chó đẻ,

Ông lão, đổi cho tôi hai tai ông vểnh
Hai tai nghe suốt nửa đời người
Cổ học danh ngôn cùng huấn dụ
Đổi cho tôi, hãy đổi cho tôi
Sự ù cạc của phường mõm lọ

Tôi sẽ nghe các ông trong thế hệ này
Sẽ ngậm miệng làm lơ cái xấu

Ông lão, đổi cho tôi hai bàn tay
Mười ngón nhăn nheo những chàm xú bẩn

Đổi cho tôi, hãy đổi cho tôi
Những thực phẩm của trần gian khốn nạn

Tôi sẽ xoay trơn với cuộc tuần hoàn
Sẽ chỉ trỏ thu thâu tàng trữ

Ông lão, đổi cho tôi hai bàn chân
Với bước loanh quanh cát lầm, lẫn lộn
Đổi cho tôi, hãy đổi cho tôi
Những vấp ngã của chông gai nghìn dặm

Tôi sẽ thênh thang nốt quãng đường cùng
Sẽ hạnh phúc với lòng biển lận

Ông hãy đổi cho tôi, đổi cho tôi
Để bù lại, đây tùy ông lão chọn
Tôi bằng lòng hoán cải cả khai sinh
Ta đánh tráo không từ cuộc sống

Ngoài một điều, tôi sẽ chết cho ai ? V.L.

bọn Tư Bá phải là người Hải Nam hay trá hình chăng ! Chừng không thấy điều gì đáng nghi tên Mách nói :

— Sáng mai, chúng ta vượt qua sông Tà Lê nầy để qua bên U Minh mà làm ruộng.

Tư Bá trố mắt :

— Sông Tà Lê ở đâu ?

— Xin lỗi... Sông Tà Lê tức là sông Cái Lớn của người An Nam. Người Miên chúng tôi gọi nó là Tà Lê, cũng như sông lớn, thí dụ như Tà Lê Sáp tức là Biển Hồ trên Nam Vang.

Tư Bá lộ vẻ ái ngại :

— Sông quá lớn. Xuồng của chúng tôi e vượt qua không nổi. Rủi chìm lọt vào bụng cá.

Tên Mách cười dòn :

— Anh em nói giỡn hoài ! Người An Nam qua sông giỏi lắm... nếu không giỏi thì làm sao qua sông Mê-Kong, sông Ba Thắc mà tới đây được...

— Nhờ tụi tôi biết cúng tổ... Cúng mấy lượn sóng thần. Nghe đồn ở sông Cái Lớn có hai lượn sóng thần linh hiển lắm ?

Tên Mách gật đầu, hớp thêm chút rượu :

— Đúng vậy sông đang im lặng... người ta thấy hai con ngỗng ở dưới nước nổi lên. Tức thì giông tố nhận chìm bao nhiêu ghe xuồng...

Tư Bá nói :

— Anh thấy cặp ngỗng đó lần nào chưa ?

—... chưa tôi nghe đồn vậy thôi...

— Dầu sao đi nữa, chúng ta nên mua một con vịt cúng tổ...

— Đừng lo việc ấy lục cụ tôi sẽ giúp mấy anh... Lát nữa tôi đem vịt lại đây nấu cháo...

Tên Mách bước ra.

Hai Tam cười vang :

— Nhờ tài ăn nói của đại ca hôm nay tụi mình được ăn thịt vịt...

Tư Bá đáp :

— No bụng, mạnh chân, khỏe tay... là thắng được sóng thần mà hưởng được thịt vịt. Sóng thần chẳng qua là chuyện bịa đặt của mấy người... thèm nhậu.

●

Vàm sông Cái Lớn tuy rộng lớn nhưng lúc vượt qua đoàn người không hồi hộp e ngại chút nào cả.

Mặt nước tỏa hơi sương màu trắng đục. Gà rừng gáy vang vội, từ bờ sông xa xôi.., Mặt trời chưa lên cao... Ai nấy nhìn nhau rồi ngạc nhiên : phải chăng kiếp nhân sinh giống như bức tranh thủy mạc nầy : Đất nước lắm khung cảnh mơ hồ, mỗi người chỉ là một chấm đen bé bỏng...

Vì lãnh trách nhiệm chỉ huy nên Tư Bá không cầm dầm mà bơi. Chú đi riêng một xuồng với Hai Tam. Giữa cảnh bao la không ai giết được ai... Lục cụ và tên Mách ngồi trên chiếc xuồng cách họ chừng đôi công đất... Phía sau Tư Bá ngồi dựa lưng vào một cái thùng bằng cây đựng đầy gạo...

— Đền ông Bót là đền gì vậy anh Tư ?

Hai Tam hỏi khẽ :

— Tôi chưa biết. Có lẽ là ngôi đền thờ của người Cao Miên đời xưa... của ông hoàng tử nào đó tên Bót

— Làm hoàng tử tất nhiên ông Bót rất giàu có.

— Lẽ dĩ nhiên. Nếu chưa có bị ai cướp phá thì đền thờ này lót bằng bạc, tượng Phật đúc bằng vàng... Thường thường mỗi ông Phật có bốn tay...

Im lặng hồi lâu Tư Bá nói tiếp :

— Nhưng chúng ta đến quá trễ...

Hai Tam ngạc nhiên :

— Thật hoài công. Vậy thì qua rừng U Minh để làm gì ?

Tư Bá nói :

— Để tìm kho tàng... kho tàng ở dưới đất. Thói thường người Miên đào hầm trước bàn Phật bỏ xuống nào là vàng bạc, đồ trang sức. Họ hy vọng đến kiếp sau những món ấy sẽ hoàn vào tay con cháu họ... Hơn nữa, xung quanh đền có mấy ngôi tháp to tướng trong tháp có bình bằng vàng đựng xương cốt của người quá cố...

Niềm phấn đấu đã bộc phát trong đôi cánh tay Hai Tam.

Cú bơi mạnh hơn.

Nhưng lạ thay, lục cụ Bô Pha và tên Mách dừng tay rồi bỗng nhiên quay xuống trở lại.

Tư Bá truyền cho Hai Tam :

— Chú quơ dầm lên làm hiệu lệnh cho anh em mình phía sau hãy chuẩn bị đề phòng. Chúng ta cứ trầm tĩnh... Tại sao bọn chúng không chịu đi tiên phong dẫn đường như chúng đã hứa .

Xuồng của tên Mách chậm chạp rẽ nước đến gần...

Tư Bá lên tiếng :

— Thưa lục cụ, chuyện gì vậy ?

Lục cụ nói :

— Nguy lắm, có cọp...

— Cọp ở đâu ?

— Ở mé sông.

— Mé sông ở đâu ?

— Kìa... mình vô tới bờ U Minh rồi, chú chưa thấy à ?

Hai Tam và Tư Bá trố mặt. Quả thật màn sương đã tan, mé sông lộ ra sừng sững đen ngòm như bức tường thành. Lá dừa nước chen nhau dầy bịt. Đọt dừa đâm lên tua tủa như hàng ngàn ngọn giáo của ai ghìm sẵn...

Hai Tam cười xòa :

— Gần tới bờ nhưng cọp ở đâu ?

Lục cụ giải bày :

— Mùa này nước mưa ngập rừng U Minh... Nai, heo rừng chạy ra mé sông mà ở... cọp ra mé sông tìm mồi... Nó đứng kia kìa...

Đôi mắt cụ lộ vẻ sợ hãi, giọng nói run run :

— Chim bay lên... Chim kêu... đó, cọp tới.

□ □

tình cầu mơ ước

Trần Dạ Từ

■ nỗi hân hoan

Anh tập trung hết sức sống của cây lá
hết vẻ đẹp của bầu trời
và hết mơ ước của mọi người
để mường tượng ra em
nhưng đầu mường tượng nổi

Anh tập trung hết những oan ức trong cái chết của mùa hạ
hết những thèm thuồng trong sự phục sinh của mùa thu
và hết cả dục vọng của đời anh
để mường tượng ra em
vẫn không mường tượng nổi

Nỗi hân hoan đã xa
xa xa xa
quá xa
Anh rán tập trung thêm
Anh rán thêm và nổ
Giữa đại dương trí nhớ

■ lời sẽ tới

Thức dậy thôi, người yêu dấu
Trong khu vườn thần tiên của ta
Nơi luống đất anh từng ngồi ngày nà o
Bông hoa mới đang chờ em cùng nở

Thức dậy thôi, người yêu dấu
Trên bầu trời bao dung của ta
Nơi giải lụa anh từng nâng ngày nào
Mặt trời mới đang chờ em cùng mọc

Thức dậy thôi, người yêu dấu
Trên quê hương nhục nhằn của ta
Nơi hẹn hò anh từng chọn ngày nào
Nguồn nước mới đang chờ em cùng ra khơi

Thức dậy thôi, người yêu dấu
Trong hân hoan đời đời của ta
Nơi cánh tay anh từng gối ngày nào
Vết hằn mới đang chờ em rực rỡ.

■ thơ rời tặng Trần Tuấn Kiệt

Tuần lễ đã qua
Tháng đã hết
Và chiều tà
Chiều tà
Chiều đã tà
Yên tĩnh thay, lòng ta

TDT ■

TỐI TUỔI TÔI

NHÃ CA.

5

■ **tiếp theo và hết**

ĐÚNG NHƯ lời chị Duyên nói, một lát sau Mẫn tỉnh dần và nhận ra chị Duyên và tôi, nhưng vẫn còn lờ mờ. Mẫn gào thét tên Thường và đòi vác súng đi bắn đứa bắn lén. Rồi Mẫn khóc mùi mẫn, khóc và gọi bạn, và đòi giết người. Tôi đoán Mẫn đang có chuyện khổ tâm. Đứng nhìn cái chết của một người bạn thân mà không làm gì được. Anh Phan thường nói : Ra trận thấy bạn mình ngã, mình uất lắm. Tâm trạng của Mẫn chắc cũng thế. Mẫn khóc và đòi tôi cùng chị Duyên ngồi xuống giường cho Mẫn kể về cái chết của Thường. Thường gọi : Mẫn ơi, nó giết lén tạo rồi. Mẫn cầm súng chạy tới. Mẫn em : Tôi cầm súng chạy tới, Thường nằm vật xuống. Tôi lia một tràng đạn vào bụi rậm, vẫn yên tịnh như không. Chị Duyên ôm mặt nấc lên. Thường là người tình của chị. Còn Mẫn thì nhìn tôi, ngạc nhiên hỏi : Có phải cô đưa tôi về nhà không. Tôi gật đầu. Mẫn nằm yên, giọt nước mắt lăn một nửa trên trán, chảy dài xuống gối. Chị Duyên hỏi địa chỉ, tôi nói và chị ghi. — Để Mẫn nó tới cảm ơn cô. Nó thật bậy.

Tôi về tới nhà đã hơn chín giờ. Ba mẹ tôi đang hốt hoảng, còn Hoàng thì đứng tuốt đầu ngõ.

— Em đi đâu mà cả nhà lo quá vậy?

Hoàng choàng tay qua vai tôi. Tôi đi vào nhà và kể chuyện lại cuộc gặp gỡ hết sức ly kỳ. Ba tôi thở ra nhẹ nhõm :

— Thật là liều lĩnh. Con không sợ nguy hiểm sao ?

— Con cũng không biết nữa.

Hoàng yên tâm ra về. Ba tôi nói có thư của anh Phan gửi về. Tôi đọc và thất vọng vì lá thư đó gửi đã lâu, bị kẹt ở quân bưu và vì đường sá gián đoạn. Trong thư anh Phan nhắc tới anh Nghĩa một đoạn ngắn. Chị Phượng giữ lấy lá thư và đọc hoài. Còn ba mẹ tôi thì cứ than thở và lo sợ cho sự liều lĩnh của tôi. Nhưng ba tôi cũng rất hài lòng về tâm tính của tôi nữa.

Khi lên gác, chị Phượng kể chuyện cho tôi hay Đông có lại chơi. Ngày mai Đông trở lại đơn vị. Tôi hỏi Đông có quen anh Nghĩa không thì chị trả lời không. Tôi hỏi :

— Chị gặp anh Đông có gì lạ.

Chị Phương nói :

— Hắn rất dễ thương và rất lính.

Tôi nói :

— Rồi ai cũng sẽ lính hết.

Tôi nghĩ tới Hoàng, tới Mẫn, tới Đông, tới Thường. Thường là tình nhân của chị Duyên. Tôi cũng có chị Phượng, tôi cầm chặt tay chị rồi không biết nói gì. Chị Phượng gọi :

— Em.

— Chị.

Tôi với tay tắt điện, chị Phượng lăn sát vào người tôi, thì thầm :

— Em có nghe tiếng gì không ?

— Tiếng đại bác.

— Không, chị nghe như có tiếng gì lạ lắm, cả tiếng kêu, tiếng gió, tiếng chân chạy nữa...

— Chị tưởng ra đấy thôi. Em chỉ nghe tiếng đại bác sáng cả đêm tối. Lửa đạn chứ không phải bếp lửa.

— Buổi chiều em gặp người lính lạ lùng quá. Đâu phải hắn chỉ có một người bạn tên Thường chết mà hắn khóc.

— Thường là người tình của chị Duyên, chị của Mẫn.

Tôi thấy chị Phượng nhích người ra một chút và yên lặng. Tôi nghĩ là chị nằm yên hoặc đang khóc.

Hôm nay là thứ sáu, còn hai ngày nữa chủ nhật. Không có bữa ăn nào mà chúng tôi không nói tới bữa chả giò sắp tới. Linh tính ai cũng hy vọng anh Phan và anh Nghĩa về. Ba tôi bảo sẽ mời Hoàng nữa. Mẹ tôi nói : Hai ông rể, còn con dâu đâu ? Chị Phượng nói : Anh ấy dấu giữ lắm, có một cô mà không biết cô nào.— Anh ấy đã chọn chưa nhỉ ? — Biết đâu. Chúng tôi thường hỏi và trả lời bâng quơ. Tôi nghĩ lúc này ba mẹ tôi cũng còn nghe tiếng đại bác. Thằng Kim thì chắc chắn đã ngủ từ khuya rồi. Tôi nhớ lại nụ hôn của Hoàng khi tôi đưa ra ngõ : Bé hư lắm, bé toàn làm chuyện dại dột. Tôi thì tôi thấy mình lớn hẳn rồi, nhớn thật nhanh, nhớn không kịp nhận ra nữa.

— Súng về phía này. Chị Phượng cầm tay tôi chỉ ra cửa sổ rồi lại nói. Phía này, phía này. Không, hình như...

Tôi nói :

— Thôi ngủ đi chị

●

Đêm rộng mênh mông, đêm mang tiếng súng từ xa vọng về. Tiếng đại bac ban đầu thật mơ hồ, rồi dần dần vọng lại. Đó, nó tới gần, tới thật gần. Ì ầm, ì ầm, tiếng đạn nghe vừa êm tai, nhẹ nhàng như ru cân não, nhưng đồng thời cũng dìm người ta vào vũng tối ghê rợn. Đó, nó tới thật gần rồi nó lại đi. Nó ở phương Bắc ? Không ở phương Nam, phương Đông ? phương Tây ? Nó rít lên rồi đi êm còn nhanh hơn làn sấm, nhạy hơn làn sét. Nó đi mất vào bóng đêm, Từng tiếng, từng tiếng, ban đầu làm tôi hồi hộp, rồi ru tôi vào điệu, quen thuộc. Tôi mơ hồ thuộc lòng từng tiếng, dự trù đúng mỗi tiếng rơi, và nó lại gần, lại gần mãi. Đêm vẫn còn dài như không bao giờ hết...

●

Trong phòng khách lúc này chỉ có tôi và Mẫn, chị Phượng đi chợ với mẹ từ sớm. Thằng Kim thì vác vélo đi dự một cuộc hội thảo của Sinh viên, trong (chương trình công tác hè mà nó hoạt động). Chỉ còn một mình tôi ở nhà. Mẫn đến lúc tôi đang thêu một cái áo gối cho anh Phan. Bấy giờ Mẫn ngồi đối diện trước mặt tôi. Chị vú vừa đem lên hai ly nước quít vắt. Thứ quít đó, bóng trong quanh tảng nước đá, trông thật ngon lành. Mẫn ngồi, hai tay để lên đùi, mặt ngây thơ đến độ tôi không ngờ đó là một người lính, một người lính đã cầm súng, đã săm thủ, phần uất. Mẫn mặc một bộ đồ hải quân trắng chạy ở cổ những viền xanh, dáng điệu Mẫn hết sức ngượng ngùng. Hình ảnh một anh lính thủy say rượu, khóc lóc thật xa lạ tới với Mẫn. Mẫn nhìn tôi, thỉnh thoảng lại nhoẻn miệng cười. Chúng tôi hỏi thăm nhau vớ vẩn, tôi cố tránh nhắc lại trường hợp gặp Mẫn say rượu. Nhưng trong câu chuyện Mẫn vẫn nhắc, rồi ngượng ngập. Mẫn nói :

— Chắc chị cười tôi lắm.

Tôi hỏi :

— Trông Mẫn chắc không lớn hơn tuổi tôi đâu, phải không ?

— Tôi mười chín, còn chị.

— Tôi cũng vậy.

Mẫn lại cười, hàm răng trắng bóng :

— Con trai mà bằng tuổi con gái tức là thua rồi đó.

Tôi cũng đùa :

— Như vậy, Mẫn làm em tôi nghe.

— Thì tôi vẫn gọi chị là chị từ nãy giờ mà.

Qua câu chuyện, tôi hiết Mẫn mồ côi cha mẹ từ nhỏ, sống với chị. Chị Duyên làm ở một sở tư. Chưa có chồng, người tình là Thường. Mẫn vào Hải quân năm 18. Mẫn nói : Em là lính tình nguyện mà. Tôi hỏi lý do nào khiến Mẫn vào lính thì Mẫn nói vì buồn, nhưng sau này mới thấy việc đi lính của mình là cần thiết. Mẫn tâm sự với tôi Mẫn chưa có người yêu. Dạo trước có mê một cô hàng xóm thì cô ta chê Mẫn còn trẻ con quá. Mẫn đi lính tưởng khi về cô ta sẽ thấy mình nhớn, nhưng khi học xong, về nhà thì cô hàng xóm đã lấy chồng. Mẫn cũng đau khổ một thời gian. Mẫn làm thơ đăng báo, nhưng tuổi trẻ dễ quên, bây giờ Mẫn chỉ mê có biển. Mẫn ngỏ ý muốn được mời tôi đi uống nước và tạ ơn bằng một chầu ciné. Tôi từ chối thì Mẫn nói: Chắc chị sợ anh ấy trông thấy hiểu lầm phải không ? Để tôi sẽ giới thiệu chị với tụi bạn của tôi, lâu lâu cho chúng tôi tới thăm chị nghe. Tôi gật đầu. Mẫn bưng ly nước quýt vắt uống cạn. Ly tôi còn nguyên, tôi sẻ bớt một nửa cho Mẫn và nhìn Mẫn trìu mến. Thật vậy, Mẫn rất thành thật và hiểu biết. Tôi cũng vui vẻ vì đã giúp không nhầm người. Tôi hỏi về trại lính

■ **xem tiếp trang 23**

VỪA XẢY RA ĐANG NÓI TỚI

Mikhail Sholokhov và giải thưởng văn chương Nobel 1965

BORIS PASTERNAK đã mất năm 1958. Tác phẩm *Doctor Zhivago* vẫn còn bừng bừng trên văn đàn quốc tế. Pasternak đã bị tước quyền lĩnh giải thưởng văn chương Nobel. Nguyên nhân chính của sự tước quyền đó vì Nikita Khruschev và Hội Các Nhà Văn Nga Sô tìm thấy trong *Doctor Zhivago* những ý thức, mầm mống công phẫn và phản kháng cả một chế độ Nga Sô hơn 10 năm trời. Khruschev bảo Pasternak không phải là một nhà văn thiên tài, Hội Các Nhà Văn lại bảo Pasternak không xứng đáng giữ một địa vị quan trọng trong nền văn học Nga Sô thế kỷ 20 vì *Doctor Zhivago* là một lời lên án, một sự bôi nhọ hay một sự lột trần bộ mặt trái (nhưng thiệt) của đời sống Nga Sô. Tuy nhiên, dù Boris Pasternak có bị tố cáo, bị chụp mũ bằng đủ mọi danh từ xấu xa hay tệ hại thế nào đi nữa, ông vẫn là một nhà văn lớn của quần chúng thế giới và thời đại. Và thực tại của Boris Pasternak hay có thể nói là thực tại Nga sô qua lăng kính *Doctor Zhivago*.

Bảy năm sau « vụ Pasternak », Hàn Lâm Viện Thụy Điển loan báo một vinh dự tối cao cho một nhà văn Nga sô khác được giải thưởng văn chương Nobel năm 1965. Ngày 15 tháng 10 vừa qua, nhà văn Mikhail Sholokhov đã đón nhận vinh dự lớn lao đó. Ông sẽ lên đường sang thủ đô Stockholm vào tháng Chạp năm nay để đón nhận giải thưởng văn chương Nobel.

Mikhail Sholokhov tượng trưng, biểu tượng cho sự liên tục của truyền thống văn học Nga-Sô kể từ cuộc cách mạng tháng 10 năm 1917 đến nay. Năm nay, ông đúng 60 tuổi. Sholokhov đã đi vào cuộc đời văn nghiệp với cuốn sách đầu tiên — một tác phẩm tiểu thuyết đáng ghi nhớ : *And Quiet Flows The Don* (dòng sông Don chảy êm đềm) — xuất bản năm 1929. Tác phẩm này thuộc loại trường thiên tiểu thuyết, dài hơn cả *War and Peace* (Chiến Tranh và Hòa Bình) của văn hào Leon Tolstoï.

And Quiet Flows The Don của Mikhail Sholokhov là câu chuyện trong thời nội chiến tại Nga Sô, kể lại thời đại anh hùng ca (l'épopée) của các kỵ binh Nga sô suốt thời đệ nhất thế chiến, thuật lại cuộc chiến đấu giữa những người xích Nga và bạch Nga (Cộng sản và Bảo hoàng) tại gần Rostov, một tỉnh mà hầu như Sholokhov đã sống suốt đời mình. *And Quiet Flows The Don* có tất cả 4 tập, tập cuối xuất bản năm 1940. Sau khi tác phẩm nầy ra đời, nhà văn Sholokhov được trao tặng « giải thưởng Staline ». *And Quiet Flows The Don* đã được phiên dịch sang hơn 40 thứ tiếng và đây là một dữ kiện hiếm có đối với một nhà văn Nga Sô như Mikhail Sholokhov.

Tác phẩm thứ hai của Sholokhov dưới nhan đề *The Virgin Soil Upturned* (Vùng đất chưa khai phá) — xuất bản năm 1932. Tác phẩm này, nhà văn Sholokhov vẫn không xa lìa chốn quê hương. Ông đặt nặng tình yêu quê hương tại Rostov, bên dòng sông Don êm đềm chảy, hai bên ven sông những vùng đất hoang chạy dài xuống miền nam Nga Sô. Vùng quê bao la ấy, vùng đồng nội bất tử kia là nguồn cảm hứng bất diệt trong tác phẩm tiểu thuyết của ông. *The Virgin Soil Upturned* được chính giới điện Cẩm Linh hoan nghênh nhiệt liệt, không những thế, trong tác phẩm này, Sholokhov còn thuật lại những quá trình sôi nổi về công cuộc cộng đồng hóa đất đai (la collectivisation des terres) và cũng lấy miền Rostov làm bối cảnh cho tác phẩm tiểu thuyết. *The Virgin Soil Upturned* đã được trao tặng « giải thưởng Lénine » năm 1960 và « giải Lénine » lần thứ hai trong năm nay (1965), nhân ngày sinh nhật thứ 60 của ông (24-5) vừa qua. *The Virgin Soil Upturned* chỉ mới được ấn hành theo đúng nguyên bản cách đây vài năm, vì trong cuốn tiểu thuyết này Sholokhov đã đưa ra một nhân vật chính là nạn nhân của một cuộc thanh trừng đẫm máu dưới thời Staline.

Từ sau Đệ Nhị Thế Chiến Mikhail Sholokhov có viết thêm nhiều tác phẩm tiểu thuyết trong đó có cuốn *Harvest on the Don* (Mùa gặt trên dòng sông Don) tạm gọi là đáng kể, tuy nhiên *Harvest on the Don* vẫn chỉ là thực tại Nga sô, được ngòi bút của Sholokhov thuật lại một cách quá bình thản. Chỉ có một thiên ký sự ngắn nhan đề *The Pastiny of A Man* (Định Mệnh Của Một Người) xuất bản năm 1957 là đáng kể hơn cả. Trong thiên ký sự này, nhà văn Mikhail Sholokhov thuật lại câu chuyện một tù binh bị tàn gia bại sản, sau đó gặp một đứa bé đem về nuôi. Thiên ký sự *The Distiny of A Man* được dùng làm cốt chuyện cho một cuốn phim và cuốn phim này được nhiệt liệt hoan nghênh tại Nga sô cũng như ở ngoại quốc.

Tất cả các tác phẩm của Sholokhov được ấn hành 664 lần bằng 73 thứ tiếng. Chỉ nói trên lãnh thổ Nga sô, tổng số ấn hành đã lên đến 41 triệu cuốn.

Mikhail Sholokhov sinh ngày 24-5-1905 tại làng Don. Cha ông là một cựu kỵ binh, chuyên môn buôn bán súc vật trong vùng, lấy mẹ ông không có hôn thú vì mẹ ông là con gái một nông nô. Mãi đến năm Sholokhov lên 7, cha mẹ ông mới có giấy hôn thú đàng hoàng. Ông theo học cho đến năm 13 tuổi thì phải bỏ dở Vì quân đội Đức xâm nhập ngôi trường ông theo học. Hai năm sau, Sholokhov trở lại quê hương và gia nhập một nhóm cộng sản võ trang, chuyên môn đi cướp lương thực của các nông dân trong vùng kế cận. Khi cuộc nội chiến tại Nga Sô bùng nổ, ông là một tay bắn súng máy cự phách trong nhóm Cộng Sản võ trang. Mikhail Sholokhov rất căm thù cảnh xa hoa phù phiếm tại Mạc Tư Khoa mà một số nhà văn đã lao đầu vào như những con thiêu thân. Ông di cư sang làng Veshenskaya, gần nơi sinh trưởng và tiếp tục nghề viết văn. Tại đây ông sống với vợ Maria, từ đó.

Mikhail Sholokhov là bạn thân của thủ tướng Nikita Khrushev. Ông đã giữ một địa vị quan trọng trong những năm gần đây trong việc hướng dẫn nền văn học Nga Sô theo khuynh hướng truyền thống (tendance tradionnaliste) và chống khuynh

■ xem tiếp trang 22

WOLGANG BORCHERT WOLGANG

abendlied

Warum, ach sag, warum
geht nun die Sonne fort ?
schlaf ein,mein Kind,und traume sacht,
das kommt wohl von der dunklen
Nacht,
da geht die Sonne fort.

Warum, ach sag, warum
wird unsere Stadt so still ?
Schlaf ein,mein Kind,und traumesacht
das kommt wohl von der dunklen
Nacht
weil sie dann schlafen will

Warum, ach sag, warum
brennt, die Laterne so ?
schlaf ein,mein Kind,und traume sacht,
das kommt wohl von der dunklen
Nacht
da brennt sie lichterloh !

Warum, ach sag, warum
gehn manche Hand in Hand ?
Schlaf ein, mein kind, und traume
sacht,
das kommt wohl von der dunklen
Nacht,

Warum, ach sag, warum
ist unser Herz so klein ?
Schlaf ein, mein Kind, und traume
sacht,
das kommt wohl von der dunklen
Natcht,
da sind wir ganz allein.

bài hát ru con

Tại sao hả mẹ tại sao
mặt trời xoay mãi xay hoài ?
ngủ đi con và mơ cho lành,
chắc tại là đêm tối đen
mà mặt trời xoay hoài xay mãi

Tại sao hả mẹ tại sao
thành phố ta yên lặng thế ?
ngủ đi con và mơ cho lành
chắc tại là đêm tối đen
nên thành phố cũng buồn đi ngủ

Tại sao hả mẹ tại sao
cây đèn kia cháy sáng ?
ngủ đi con và mơ cho lành
chắc tại là đêm tối đen
mà cây đèn cháy sáng

Tại sao hả mẹ tại sao
nhiều người đi dắt tay nhau ?
ngủ đi con và mơ cho lành
chắc tại là đêm tối đen
mà người đi nắm tay nhau

Tại sao hả mẹ tại sao
quả tim chúng ta nhỏ thế ?
ngủ đi con và mơ cho lành
chắc tại là đêm tối đen
mà chúng ta vô cùng một mình

ALÍ CHUMACERO ALÍ CHUMACERO

losa del desconocido

Cuando hayas terminado, mira este
muro ardiente donde la bestia cumple
su reposo

Nada el azar evoca. Lejanías
de olas invisibles, lenta
serpiente ante del pecado o hermosas
ruinas
en fábulas al verde despenadas
semejan ecos de mujer
que confundía el gozo con la repro-
ducción

Pasa el desconocido. Como viento
de infamia los recuerdos sitian
su ávido esperar la aparacion :
relámpago
en la arena al naufragio parecido,
espuma a término llegada
bajo ira, rumor, bostezo ociosidad

Otros han de morir. Desde la puerta,
quieto en el sitio del pasado,
contemplo los placeres en patria sin
espigas :
vacío luego que se dice adiós
urna de oscuridad adonde
amores no recurren ni odios se
proclaman

El huracán cesó y en torno de la
estrella
recuerda en mí la soledad su nombre

Nấm mộ người không tên

Khi nào anh chấm dứt, hãy ngó bức tường
nóng bỏng kia
nơi con thú vừa xong giấc ngủ.

Có gì đâu nhắc tới sự tình cờ. Những
khoảng cách
giữa những đợt sóng vô hình,
con rắn trườn mình chầm chậm trước tội
lỗi hay những hoang tàn
trong cổ tích xưa vỡ xuống đồng cỏ
như những dư âm một người đàn bà
nhầm lẫn dục tình với sinh sản.

Người không tên vẫn còn. Như một
ngọn gió,
lõa lồ là ký ức bao vây
niềm khát vọng tìm kiếm mặt trời của Anh :
tia chớp
ngoài bãi biển giống như con tàu đắm,
bọt biển đã dồn lên tới cùng độ
thôi kể chi đến giận hờn, lời nói, hơi
ngáp, hay sự bình yên.

Những người khác rồi cũng chết. Từ
ngưỡng cửa,
lặng lẽ đứng bên bờ quá khứ,
tôi ngắm nhìn cánh đồng khô hết lúa :
rỗng không khi anh nói lời từ biệt,
huyệt tối đen nơi đó
tình yêu thôi nhắc lại và giận thù không
nói lên.

Đã ngừng giống bão và chung quanh vì sao
niềm cô độc trong tôi bỗng trở về.

Hai bài thơ do Thạch Chương chọn và dịch, một bài của nhà thơ Đức Wollgang Borchert, một bài của nhà thơ hiện đại Mễ Tây Cơ Alí Chumacero.

Woefgang Borchert là người thi sĩ nổi tiếng của Nước Đức thời tiền chiến, nước Đức với những triết lý khắc khoải trên đời sống mỗi người. Ông sinh năm 1921 và hai mươi sáu năm sau, ông nằm xuống, vĩnh viễn nằm xuống sau khi đã để lại một số tác phẩm danh tiếng, trong đó vở kịch Drassen vor der Tiir (Ngoài Thềm Trước Ngõ) và những bài thơ như bài Abendlied Nỗi băn khoăn của Borchert về đêm tối trong bài thơ là nỗi băn khoăn của chính Borchert ngoài cuộc đời : Tại sao hả mẹ, tại sao..

●

Với Alí Chumacéro, người ta bắt gặp ở tiếng thơ Mễ Tây Cơ trẻ trung và nồng cháy này rất nhiều điểm đồng nhất với trường thơ siêu thực Pháp. *Đã ngừng giông bão và những vì sao. Niềm cô độc trong tôi bỗng trở về.* Cái chết ở đây cũng tự do yên tĩnh đời đời. Như ngước mắt lên thấy những vì sao, những phiến trời xanh. Và nghĩ.

những hạt ngọc 4 biển

thơ MỸ

Robert Frost : một tiếng thơ ngự vững trên chóp đỉnh vinh quang của thi ca hiện đại Hoa Kỳ. Ông được xem như nhà thơ duy nhất tượng trưng cho cả một dân tộc. Mọi vinh dự lớn lao nhất dành cho một thi sỹ đã đến với Robert Frost. Nhà thơ chiếm ngự chỗ đứng hàng đầu không ai chối cãi được này bao trùm bóng dáng trên mọi vòm trời thi ca thế giới.

Ra đời năm 1878 ở Galesburg, tiểu bang Illinois, Carl Sandburg đã thấu hiểu xâu sắc đời sống đám đông ngay từ thuở thiếu thời, và những kinh nghiệm sống quý báu này đã được chuyên chở đầy ắp vào thơ. Người ta nói Sandburg là một tiếng thơ dũng cảm cất lên ở phía những người nghèo khổ nằm dưới nhiều tầng áp bức.

sương mù

Sương mù tới
Từng bước lặng thầm
Ở đó, nín thinh
Chễm chệ ngồi
Ngó đăm đăm thành phố bến tầu
Rồi đi mất

■ **Carl Sandburg**

Lửa hay băng

Thế giới này, theo nhiều kẻ sẽ bị
lửa hồng đốt cháy
Nhiều kẻ khác lại cho rằng nó sẽ
tê cứng thành băng.
Sự tôi sờ mó thấy ở nồng nàn
dục vọng
Bảo tôi nói rằng thế giới sẽ hủa
thiêu
Nhưng nếu thế giới những hai
lần phải chết
Tôi hiểu thế nào là oán thù
Và tôi có thể nói.
Băng tuyết cũng đủ thừa
Làm thế giới này hủy diệt

■ **Robert Frost**

Tuyết không sức nặng

Nhờ con quạ ấy
Rũ xuống đầu tôi
Từ một cây phong
Tuyết không sức nặng.

Trái tim tôi xúc động
Đã cứu vãn được phần nào
Một ngày mang sắc thái
Những nỗi buồn không tên

■ **Robert Frost**

Thơ Trung Hoa sau cách mạng ngũ tứ

TÂM HỒN VÀ ĐẤT NƯỚC NGƯỜI

Cuộc cách mạng văn học ngũ tứ năm 1919 đã đem đến cho thơ Trung Hoa một hơi thở mới — mới từ chất liệu đến tinh thần. Thơ Trung Hoa đời bỏ những khuôn mòn của đường luật, của ngữ ngôn, của cổ phong, của những định lệ tưởng bất di bất dịch để đi vào phóng khoáng của cảm nghĩ — bắt lấy những chi tiết tuy nhỏ nhặt nhưng chan hòa sức sống. Ngôn ngữ cũng là ngôn ngữ hàng ngày không dùng nữa lối chữ hán từ chương huấn hỗ. Người ta bắt gặp một rung cảm mới, vương vất âm hưởng tự do của văn chương Âu-Mỹ nhưng vẫn mang cái cốt cách của một giòng tư tưởng Đông Phương.

Chúng tôi xin trích dẫn một vài tác giả tiêu biểu.

— P'AN MO HOUA là một nhà thơ lãng mạng đầu tiên của trường thơ mới Trung Hoa. Thơ của P'AN là những tiếng kêu đau thương — sự đau thương tinh tế của từng ngọn cỏ.

— TSONG PAI-HOUA là một tác giả hết sức trữ tình. Tình yêu của HOUA rung động cỏ cây, trăng, sao, chim bướm. Một bản đàn của lòng tin yêu — của sự hòa đồng giữa người và vạn vật.

— TCHON SIANG là người mang cái không khí đam mê, ồn ào của văn chương Âu-Mỹ vào giòng thơ bình lặng của Trung Hoa. Ông đã từng theo học ở Michigan. SIANG được tán thưởng về sự bén nhạy của cảm giác, của sự bay bổng của vần điệu, của sự say mê hết mình. SIANG đã sống như làm thơ, ông chết rất trẻ, tự tử trong một giòng sông mà ông yêu mến.

Tchou Siang

■ Đám táng

Xin hãy chôn tôi trong một đầm hoa sen
Nơi có tiếng run rẽ chậm rãi bên tai
Nơi có những chiếc đèn lá xanh,
Ánh lửa đom đóm sáng lên và tắt — sáng
lên và tắt

Hãy chôn tôi dưới cây hoa mộc lan
Cho giấc mộng của tôi luôn ước đầm hương
Hãy chôn tôi trên thượng đỉnh núi Thái Sơn
Nghe gió thở than trong những hàng cây
thông cô độc.

Nếu không — hãy đốt thân thể tôi thành
tro than
Và rải xuống giòng sông mùa xuân đang
dậy sóng
Nước sẽ mang tôi đi cùng với những loài
hoa rụng
Tới một nơi nào không ai biết.

Tsong Pai Houa

■ Bài thơ nhỏ

Từ cây nhân sinh
Một cành hoa chợt héo
Rơi xuống ngực tôi.
Rất dịu dàng — tôi ép vào trái tim
Trái tim thổn thức
Thành bài thơ nhỏ.

■ Niềm tin

Khi mặt trời vừa dậy
Trong tim tôi, niềm tin nở ra như một
đóa hoa
Tôi tin vào mặt trời
Như tin cha tôi.
Tôi tin vào mặt trăng
Như tin mẹ tôi.
Tôi tin vào chòm sao
Như tin anh em tôi.
Tôi tin vào những đám mây đi hoang
Như tin bạn hữu tôi
Tôi tin vào âm nhạc
Như tin tình yêu của tôi
Tôi tin
Tất cả đều thần thánh
Tôi tin
Là tôi cũng là một thứ Thượng Đế.

P'an Mo-Houa

■ Xin lỗi

Ta xin lỗi
Loài cỏ dưới chân
Ta dẫm lên người một lát
Người ta dẫm lên thân ta hoài hoài.

đối thoại

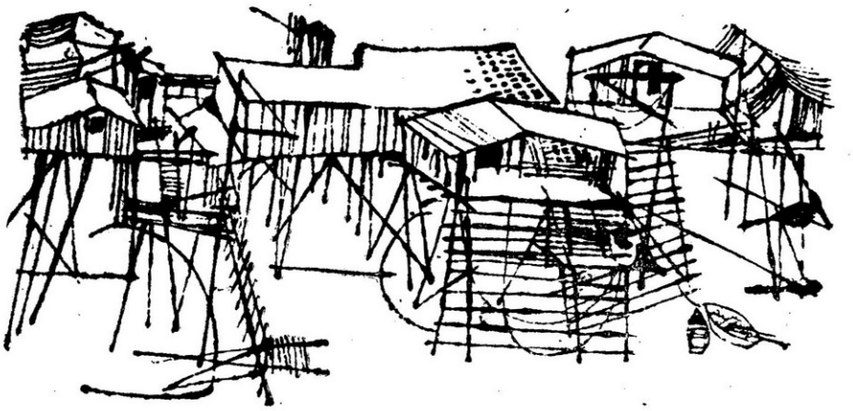

MICHEL BUTOR

Nguyên tác MICHEL BUTOR

Bản dịch của HOÀNG NGỌC BIÊN

TÔI lên đến một sân thượng dài không đều nhau, có phủ một lớp sỏi lấm chấm những bụi cỏ. Đã từ lâu không có một người làm vườn nào đến xếp dọn những cây hoa hình tán này và những ngọn hoa kia. Cây cối, giống như những chùm tia chớp buồn thảm, chậm rãi lung lay những cành lá yếu ớt đã mốc meo sau cơn gió thoảng lại từ hải cảng thứ hai, bên kia ngọn hải đăng mà những cây cờ đuôi nheo xanh nhạt phất phất về phía tôi. Biển xanh miền nước Phổ sủi bọt từng chỗ, và sương mù tháng mười một lảng xa dần như những mảnh nhỏ của một tấm vải lót người ta đem xé đi, để hiện ra một bầu trời trắng sữa. Bất chợt tôi hít vào một làn hơi mang mùi giây thuyền buồm và chính lúc đó tôi mới nhận được sự hiện diện của họ.

Có điều lạ là họ không có vẻ để ý gì đến sự hiện diện của tôi. Tôi cố nghĩ bịa ra những lời xin lỗi vì lúc đó tôi không được yên tâm, và tôi không thích nhớ lại bằng cách nào tôi đã lên đến đây, rồi tôi lại cảm thấy rằng điều đó là vô ích. Họ đã đi qua, họ vẫn tiếp tục nói chuyện, họ đứng lại ở một góc khác của sân thượng.

Mặt họ thường hay ngoảnh lại về phía tôi đứng, nhưng không bao giờ ngừng lại ở chỗ đó, đến nỗi tôi đã tự hỏi phải chăng đó là hai người mù vì một thói quen có từ lâu đã biết rõ những thân cây, những khúc quanh và những bực thềm ; nhưng tôi tự bảo trong trường hợp đó hẳn họ đã nghe được tôi, vì một tiếng động nhỏ nhất cũng có thể dội lại trong vũ trụ của họ như một hồi chuông báo động, hơn nữa đôi giày tôi lại kéo lao xao trên nền sỏi.

Dĩ nhiên họ không điếc : họ nói chuyện với nhau bằng lời nói chứ không phải bằng dấu hiệu ; tôi nghe rõ được vài chữ họ đọc lên : và rừng cây chuyển mình, chắc hẳn do một con chồn bỏ chạy trốn gây ra, làm họ giật nẩy và kêu lên.

Lúc đó tôi nghĩ rằng vô tình tôi đã tìm thấy được chiếc nhẫn của tên chăn cừu Gygès, rằng tôi có thể thấy tất cả và nghe tất cả trong lúc không ai thấy được, nghe được, sờ được tôi. Tôi cười thầm trong bụng vì sự phi lý đó, nhưng đồng thời cũng chính trong sự phi lý đó mà tôi đã tìm thấy được sự táo bạo để tiến tới.

Họ to lớn hơn tôi một cách rõ rệt, và chắc chắn tôi đã bị viễn ảnh đánh lạc khi ước lượng khoảng cách họ đi qua. Tôi thấy họ từ sau lưng, vì tôi đã thận trọng đánh một vòng rất lớn. Nàng đang ngồi trên một chiếc ghế sắt cao, và chàng đứng tựa sau lưng ghế.

Tôi từ từ bước đi trong bóng tối, phớt nhẹ qua cây cối. Tôi đã dẫm nát một vỏ ốc lúc đó bất chợt chàng quay người lại, và chàng đưa cây gậy chỉ vào mặt tôi mà la lên :

« Thế anh còn đợi gì nữa mà không mang lại cho tôi một ghế khác ? »

Chàng gầy vô cùng ; chàng có một cái mũi thật dài ; mặt và hai bàn tay lấm đầy bột trắng.

Tôi đâm kinh hoàng ; tôi đã toan chạy trốn.

Chàng cầm cây gậy bằng hai tay và bẻ gẫy nó, hai khúc gậy tung bay ra. Người đàn bà quay đầu lại ; nàng cũng gầy và cũng trắng, trừ hai chấm ửng hồng ở gò má, và tóc nàng quấn chặt lên thành một con ốc lớn, có buộc những dải băng xanh nhạt giống như màu mắt và màu vải mỏng của chiếc áo nàng.

Có một chiếc ghế khác nằm giữa hai chậu dứa rừng. Tôi vâng lời theo để xem việc gì sẽ xảy ra.

« Và bây giờ anh hãy ở lại quanh quẩn đâu đây », chàng nói với tôi.

Lúc đó một tia sáng chợt lóe ra trong óc tôi ; tôi hiểu rằng nếu họ không để ý đến tôi, hoàn toàn không phải vì họ không trông thấy tôi, nhưng trái lại vì họ đã xem tôi như một phần tử cần thiết cho cảnh vật chung quanh họ. Chắc hẳn họ buộc một trong các gia nhân phải luôn luôn túc trực sẵn sàng cho họ sai khiến trong khu vườn, nơi họ thường ưa đến nghỉ ngơi. Chẳng biết ngôi nhà họ lớn đến thế nào mà một khuôn mặt mới như khuôn mặt của tôi chẳng gây cho họ một tí nào ngạc nhiên cả ! Họ đã thừa nhận tôi ngay khi họ thấy tôi. Tại vì tôi đứng đàng kia nên tôi là một trong những kẻ tôi tớ của họ ; chính họ, tôi cũng không biết được họ đã sai chuyển qua những ai và bao nhiêu người, chắc hẳn họ đã có đôi một trong bọn chúng tôi phải có mặt ở đó. Tôi, hay một người khác, đối với họ điều đó có quan trọng gì ? Họ có phải nhận diện chúng tôi làm gì đâu ? Chắc đã có khối người khác được trả tiền để trông chừng chúng tôi. Ý nghĩ có một người lạ có thể lẻn vào lãnh địa của mình cũng không hề thoáng qua trong đầu óc họ.

Vậy thì trước mặt ta là những nhân vật quan trọng, những nhân vật biết mình được canh chừng cẩn thận, trong một lãnh địa hoàn toàn được rào kín bằng những bức tường cao, và những người gác cổng với những con chó của họ chỉ được để lọt vào những kẻ lương thiện.

Tôi đứng cách biệt hẳn ra, và tôi quan sát các y phục. Y phục người đàn ông bằng lụa đen có viền ren nơi túi. Quần chàng được thắt lại phía dưới đầu gối bởi những dải dây. Đôi bít tất dài màu trắng của chàng có

lấm chấm những vết bùn bắn lên, và trên những vòng khuyên xà cừ buộc những chiếc giày lấm bụi của chàng, những con kiến to lớn đạo qua đạo lại.

« Chính những con sâu bọ này... », nàng nói.

« Vậy em hãy bảo Abel quạt cho ».

« Chẳng bao giờ Abel của anh đủ sức để đuổi hết cả bọn xâm lăng này đâu. Cứ bảo nó đến đây, và cứ bảo nó đùa với lông chim, bởi vì chính anh muốn như thế, nhưng nó sẽ không thay đổi được tí nào thời khí dường như cũng không mấy thuận tiện cho cuộc lễ này. Chính em, em đã mặc chiếc áo dệt bằng vàng này mà anh đã cho em, em đã phải ra ngoài sáng mới nhận thấy được là nó đã phai màu. Ít nhất em cũng phải thay áo đã. Ta không thể dời mọi chuyện đó lại về sau này ư. Nó ngủ đứng đấy ».

Bấy giờ tôi hiểu ngay là họ đang nói về tôi, tôi chính là người mà họ gọi là Abel, và tôi hiểu rằng, đối với những người kia mà tôi tin chắc chỉ mới thấy lần đầu, tôi tuyệt nhiên không phải một kẻ lạ, mà thật tình họ đã nhầm tôi với một trong những người mọi ngày vẫn đi theo họ, một thứ tiều đồng.

Tôi cố bắt buộc mình phải làm những gì họ chờ đợi ở tôi, phải làm hết những cử chỉ mà họ vừa gợi lên cho tôi, những cử chỉ mà họ nghĩ là đã quen thuộc với tôi.

Vì nàng có ám chỉ đến lông chim, tôi đi tìm khắp từ phía một cái quạt, và tôi khám phá được rằng chính tôi cũng đang mặc một bộ đồ kỳ dị lạ lùng nhất, bằng lụa co sọc, với một sợi thắt lưng rộng có luồn một cái bao cong bọc một cây đoản đao, còn bàn tay tôi thì giống màu bàn tay của những tên mọi.

Lông chim chẳng có đâu cả, nhưng hình như điều đó chẳng còn quan trọng nữa ; họ lại tiếp tục cuộc đàm thoại và không còn chú ý đến tôi nữa.

« Quá trễ rồi, em ạ ; khách của chúng ta hẳn sẽ có mặt ngay trong chốc lát. Thế nào ? Em có hy vọng chúng ta sẽ xuất diện tốt đẹp hơn vào một tối khác hay không ? Những người thợ may đã rời khỏi thành phố, em sẽ không thể có một chiếc áo dài khác hợp với em trước nhiều tháng.

Còn ánh sáng ban ngày, chúng ta cũng đừng trông đợi gì ở nó nữa ; chúng ta không còn có thể hy vọng những chỗ sáng nào khác hơn những vệt kia trông giống như con ngươi của những người mù. Tháng mười một này sẽ xóa đi trong ký niệm chúng ta tất cả những tháng đã qua ; cũng tựa như sự biến đổi nó mang lại phải là sự biến đổi cuối cùng. Không phải chỉ trong những đồ hoa thêu của em, mà ngay trong khắp vũ trụ màu đỏ đã nhạt dần ; em hãy cứ nhìn da của Abel đấy, ngày hôm qua hãy còn đỏ chói mà nay như đã phủ một lớp băng mỏng phơn phớt màu xanh. »

Tuy nhiên trời nóng ; những con ruồi quay cuồng chung quanh đầu người để đến đậu trên một giỏ trái cây đã chín lụng.

Lúc đó, người đàn ông rút trong túi ra một cái kính viễn vọng mà chàng ta điều chỉnh để nhìn về phía hải cảng.

« Anh có thấy họ đến không ? Những cửa lớn có được mở ra không ?

— Anh khó mà thấy rõ được. Chỉ có một hay hai chiếc tàu cập bến. Cửa song sắt ở ngọn hải đăng đã mở. Chỗ trước kia là lâu đài của chị em bây giờ có chất một đống thùng gỗ lớn, nhưng chính lâu đài thì đã biến đâu mất... Không, không phải hết cả lâu đài đâu ; bức tường kia đầy những vết loang lở, xưa chính là mặt tiền của nó đấy. Hình như bên trong đã cháy rụi hết.

— Làm sao chúng ta lại không hề biết một tí gì cả ? Anh để em xem thử.

— Em hãy bảo Abel đem kính thiên văn lại đây ; dùng kính đó tốt hơn thứ đồ chơi trẻ con này, mấy mặt kính của nó cần phải đem chùi sạch.

— Abel », nàng kêu lớn, và tôi hiểu ngay là tôi phải đứng dậy. Nàng ngồi cũng còn cao hơn tôi đứng.

Rồi nàng đọc cho tôi một bài diễn văn dài bằng một thứ ngôn ngữ đối với tôi hoàn toàn xa lạ, nhấn mạnh bằng cử chỉ, cố gắng bộc lộ để diễn tả được rõ ràng sáng sủa.

Hai bàn tay khô dài có thoa một lớp phấn của nàng cầm lấy mặt tôi. Người đàn ông mỉm cười vừa nhìn chúng tôi. Tôi có cảm tưởng là nàng muốn ôm hôn tôi ; bắt chợt tôi vùng ra.

Nàng phá lên cười.

« Người gì mà dã man », nàng nói.

Và chàng lặp lại : « người gì mà dã man ». nhỏ giọng hơn một tí. và trong cảnh rừng những giọng khác lặp lại : « người gì mà dã man », nhỏ dần nhỏ dần.

Tôi chú ý ở cuối sân thượng có một dụng cụ quang học dựng trên một cái giá. Tôi chạy lại để lấy, nhưng cái ống lại đang nằm trong bàn tay này của tôi, còn cái giá thì nằm trong bàn tay kia.

Không có gì ngạc nhiên cả.

« Cái bản lề này chẳng bao giờ đáng giá gì cả », chàng nói.

Và nàng lại đọc cho tôi nghe một bài diễn văn nữa.

« Ta không biết được nó có hiểu rõ hay không nữa. Nó nhìn anh mắt mở to mà chẳng bao giờ trả lời cả. Anh không thấy rằng hôm nay nó có vẻ không được khoẻ lắm sao ? Miễn là nó đừng có ăn gì không hợp với sức khoẻ nó thì thôi. Thứ người đó thật là yếu ớt khi ta đem đến sống ở chỗ khí hậu của chúng ta. »

Tôi vẫn còn giữ cái ống bọc da trong tay. Người đàn ông bóp chặt

mấy ngón tay tôi lại, duỗi cánh tay tôi ra, nhắm, điều chỉnh các thấu kính và mời người đàn bà nhìn. Tôi không làm sao ngăn mình để khỏi hơi run run một tí.

Ngay khi nàng thấy rồi, cả thân mình dài thượt của nàng mà tôi vẫn ngỡ là cứng đờ bắt đầu uốn éo uyển chuyển như một làn dải băng phấp phới.

« Em sao thế ?

— Đừng đùa anh ạ. »

Nàng khó nhọc lấy lại hơi thở của mình. Còn chàng vẫn dò xét hải cảng với ống kính viễn vọng.

« Tại sao lại có cảnh điêu tàn đó ? Em chỉ còn nhận được rất ít nhà cửa, và đường sá thì cũng hoang vu quạnh quẽ như ngôi vườn của chúng ta. Từ mỗi chiếc lá nhỏ giọt xuống một ít bụi và giọng nói của anh trở nên xa xăm thế nào ấy.

— Em hãy nhìn kỹ con đường, em ạ ; em sẽ thấy tiến lại những chiếc xe chở các kịch sĩ mà em cho gọi đến để trình diễn, những con lừa chở nặng các bức trang trí và đồ phụ tùng, và những nhạc sĩ đội mũ dạ với các khí cụ đeo trên vai.

— Nhưng họ đến trễ đấy, anh ạ.

■ xem tiếp trang 31

Một sự thực duy nhất : cái chết khốc liệt

Ernest Hemingway

MỘT bực thầy của nghệ thuật kể chuyện, miêu tả, và đối thoại. Một lối hành văn giản đơn, thẳng băng, trầm tĩnh, ngay cả những khi phơi bày tận cùng thế nào là lửa của đam mê, lốc của tàn bạo soáy hút của suy tưởng. Một đời cồ thụ, lực lưỡng, không gì tàn phá nổi, kể cả thời gian, tuổi già và cái chết. Một thiếu thời yên tĩnh soi bóng trên giòng sông Michigan thoắt bỗng nghiêng đi thành một hành trình miên man trên khắp các ngả đường thế giới. Kẻ hoài nghi hết thảy ngoại trừ một sự thực : cái chết dữ dội thảng thốt, và đã tìm đến cái chết dữ dội thảng thốt, tự mình đốt cháy thành một cây pháo bông rực rỡ ném cho nổ tung vòm trời định mệnh. Người mà Ford Madox Ford đã nói. « Mỗi chữ trong cõi văn suôi của ông đều tươi mát và chắc nịch như một hòn cuội vớt lên từ một lòng suối sớm » Người đó là Ernest Hemingway.

VĂN ERNEST HEMINGWAY

bài giảng về lịch sử văn chương Hoa Kỳ

— Xin cho biết, ai là nhà văn lớn nhất của Hoa Kỳ ?

— Nhà tôi, vợ tôi nói.

— Khỏi. Tôi không muốn nghe bà phát biểu với niềm kiêu hãnh riêng tây. Nhưng, thực ra là ai ? Hẳn không phải Upton Sinclair. Hẳn không phải Sinclair Lewis. Thomas Mann của các ông là ai ? Valery của các ông là ai ?

— Chúng tôi không có những nhà văn lớn, tôi nói. Một cái gì đó đến với những người viết hay của chúng tôi ở một tuổi nào đó. Tôi có thể cắt nghĩa. Nhưng dài giòng, e làm ông khó chịu.

— Xin cứ cắt nghĩa, y nói. Tôi thích thế. Đó là cái gì đáng kể nhất ở đời. Đời sống tinh thần.

— Ông chưa nghe.

— Ồ, nhưng tôi thấy ông sắp tới đâu rồi đó. Ông phải uống nhiều la de hơn nữa, để cho lưỡi nới lỏng hơn.

— Nới lỏng rồi mà. Lúc nào lưỡi tôi cũng nới lỏng quá nhiều. Nhưng ông, ông chẳng uống gì hết.

— Tôi không uống gì bao giờ. Nhậu nhẹt không tốt cho đầu óc. Cũng chẳng cần thiết. Nhưng ông nói đi chứ. Xin nói đi cho tôi nghe.

— Đây này, tôi nói, Hoa Kỳ chúng tôi có những nhà văn có tài. Poe là một nhà văn có tài. Khéo léo, cấu thành tuyệt tác. Nhưng chết rồi. Chúng tôi có những nhà văn bút pháp linh động, có may mắn khám khá được đôi chút trong đời sống hàng ngày nơi kẻ khác và trong di chuyển, về tại sao những sự vật, những sự vật đích thực, có thể có; cá voi chẳng hạn, sự hiểu biết ấy được gói ghém trong bút pháp linh động như những trái dâu trong một tảng bánh pudding. Đôi khi, sự hiểu biết có, ở đó, đơn độc, không có bánh pudding bao quanh, và sự hiểu biết ấy tốt đẹp. Đó là trường hợp Melville. Nhưng những kẻ ngợi khen Melville lại ngợi khen vì bút pháp linh động là điều không quan trọng. Họ ném sự bí mật vào chỗ không có gì bí mật hết.

— Đúng, y nói, tôi thấy. Nhưng tinh thần làm việc, khả năng thích ứng với công việc ở Melville làm thành ngôn ngữ linh động. Ngôn ngữ linh động, đó là những tia hào quang xanh của máy phát điện.

— Đôi khi. Và đôi khi thì chỉ có những tia hào quang xanh, mà máy điện phát ra.

— Cũng được. Xin tiếp.

— Tôi quên.

— Không. Xin tiếp. Ông đừng làm bộ ngớ ngẩn.

— Có khi nào ông thức giấc trước bình minh ?

— Có sáng nào cũng vậy, y nói. Xin tiếp tục.

— Được lắm. Có những nhà văn khác viết văn như những người thực dân Anh Cát Lợi lưu đầy của một nước Anh mà họ không bao giờ thuộc vào, viết cho một nước Anh mà họ xây dựng. Đó là những con người rất quả cảm, với một thông minh bó hẹp khô cằn và đặc biệt của những người theo thuyết thần vị đơn nhất.

— Nhưng ai là những nhà văn hay ?

— Những nhà văn hay là Henny James, Stephen Crane, Mark Twain. Không phải là xếp đặt giá trị những tên vừa kể theo một thứ tự nào. Giữa những nhà văn này không có thứ tự giá trị. Không có một thứ tự nào giữa những nhà văn tài năng.

— Mark Twain là một nhà văn trào phúng. Tôi không biết những người khác.

— Tất cả văn chương Hoa Kỳ hiện đại đều thoát thai từ một cuốn sách của Mark Twain tên là cuốn Huckleberry Finn. Nếu ông đọc cuốn đó, ông phải ngừng lại ở đoạn gã da đen Jim của bầy trẻ bị bắt mất. Đó là chấm dứt đích thực của cuốn sách. Phần sau chỉ là bịp bợm. Nhưng đó là cuốn tuyệt tác nhất của tiểu thuyết chúng tôi. Tất cả những gì đã được viết ở Hoa Kỳ đều từ đó mà ra. Trước, không có gì hết. Từ đó, chúng tôi cũng chẳng có gì tốt đẹp hơn.

— Còn những người khác ?

— Crane viết được hai chuyện đẹp. *La Barque* và *l'Hôtel bleu* Truyện sau hay hơn truyện trước.

— Bây giờ Crane ra sao ?

— Chết rồi. Rất giản dị. Crane lúc nào cũng như sắp chết.

— Còn những người khác nữa ?

— Tất cả đều sống đến tuổi già, nhưng già đi mà cũng chẳng khôn ngoan gì hơn. Tôi không nghĩ họ thực tình mong muốn như vậy. Ông xem, chúng tôi đổi thay những nhà văn chúng tôi một cách rất lạ lùng.

văn John STEINBECK

Sinh năm 1902 tại Salinas[1] — thành phố quê hương này thấp thoáng hình bóng trong mọi tác phẩm ông — John Steinbeck được coi như một trong những nhà văn xã hội lớn nhất của tiểu thuyết Hoa Kỳ. Giòng giõi Đức và Ái Nhĩ Lan, cha công chức, mẹ giáy học, Steinbeck lớn khôn trong những cảnh trí điển hình chỉ thấy ở xã hội Hoa Kỳ tiểu tư sản, giữa những con người cần cù, lạc quan, cắm mốc đời sống vững vàng trên những tập tục và cá tính địa phương. Steinbeck nghe và ghi lại cực kỳ sắc bén. Bút pháp ông sáng chói ở những đoạn đối thoại. Nghe và Steinbeck còn biết nhìn. Nhìn thật tinh vi. Nhìn thật châu đáo. Đoạn văn trích trong kiệt tác *des Souris et des hommes* sau đây là một dẫn chứng hùng hồn về nghệ thuật làm sống lại nhân vật bằng lối quan sát và nhận xét chỉ thấy ở tác giả *Les raisins de la colère*.

NHỮNG VẬT ÊM DỊU

Vợ Curley xuất hiện ở ngăn nhốt súc vật cuối cùng. Nàng tiến lại, khẽ đến nỗi Lennie không trông thấy. Nàng bận chiếc áo sợi mầu tươi, và đi đôi giầy điểm lông đà-điểu đỏ. Mặt nàng thoa phấn son và những mớ tóc xoăn cài tươm tất. Nàng tới sát bên, Lennie chợt ngước mắt lên và nhìn thấy.

Gã hốt hoảng bốc một nắm rơm ném lên mình con chó con. Gã ủ rũ nhìn nàng.

Nàng hỏi :

— Cái gì đó, anh bạn ?

Lennie ném một cai nhìn hung dữ về phía nàng :

— George bảo tôi đừng bao giờ tới gần cô... đừng nói chuyện với cô, hay gì khác.

Nàng cười :

— George luôn luôn bảo anh phải làm gì sao ?

Lennie nhìn xuống đống rơm :

— Anh ấy nói là sẽ không cho tôi chăm nom bầy thỏ, nếu tôi nói chuyện hoặc có gì khác với cô.

Nang noi, thản nhiên :

— George sợ Curley giận. Nhưng Curley đã bị bó một cánh tay... nếu Curley còn dở thói hung dữ, anh chỉ việc bẻ nốt bàn tay kia cua hắn. Tôi không mắc hỡm câu chuyện máy móc của anh đâu.

— Không, không. Tôi nhất định không nói chuyện với cô, hay gì khác.

Nàng quỳ xuống đống rơm, cạnh gã :

— Hãy nghe tôi nói đây ! Tất cả mọi người đang mải chơi vòng sắt. Bây giờ chưa tới bốn giờ. Họ đang thi đua với nhau. Không ai đi cả. Tại sao tôi lại không được nói chuyện với anh ? Tôi chả nói chuyện với ai bao giờ cả. Tôi cảm thấy cô đơn ghê gớm.

Lennie nói :

— Tôi nghĩ là không được nói chuyện với cô, hay gì khác.

— Tôi cảm thấy cô đơn, nàng nói. Anh, anh có thể nói chuyện với người này người nọ, con tôi, tôi chỉ được nói chuyện với Curley. Không thế là hắn nổi nóng liền. Bây giờ anh không được nói chnyện với ai, anh có chịu không ?

Lennie nói :

— Tôi nghĩ là tôi không có quyền nói chuyện với cô. George sợ sẽ xảy ra những chuyện phiền nhiễu cho tôi.

Nàng lảng sang chuyện khác :

— Anh dấu cái gì kia ?

Nỗi đau đớn của Lennie lại dâng lên. Gã nói, buồn bã :

— Con chó nhỏ của tôi. Đó chỉ là con chó nhỏ của tôi.

Và, gã đưa tay hất đống rơm phủ trên mình con chó.

— Nó chết rồi ! Nàng kêu lên.

Lennie nói :

— Nó nhỏ xíu. . . Chúng tôi rỡn với nhau. . . nó làm bộ cắn tôi. . . và tôi làm bộ tát nó... và... Thế rồi nó chết.

Nàng an ủi gã :

— Thôi anh đừng buồn nữa. Đó chỉ là một con chó nhỏ. Anh sẽ kiếm được một con khác. Chó con ở đây thiếu gì !

— Anh cứ nói chuyện với tôi, đừng sợ. Anh nghe kìa, bọn họ đang la hét. Họ còn mãi thi đua để đoạt giải thưởng bốn Mỹ kim. Họ sẽ không đi chừng nào chưa kết thúc.

Lennie nói, rụt rè :

— Nếu George bắt gặp tôi nói chuyện với cô, anh ấy sẽ la tôi. Anh ấy bảo thế.

— Nhưng mà tôi làm gì mới được chứ ? Nàng nói, nét mặt giận dữ. Vậy tôi không có quyền nói chuyện với ai sao? Bộ họ cho tôi là hạng người gì? Anh là người tử tế. Tôi không thấy có điều gì ngăn cản tôi nói chuyện với anh. Tôi chẳng làm hại gì anh cả.

— Nhưng mà George bảo là cô sẽ đem tới những chuyện lôi thôi cho chúng tôi.

— Chỉ bậy ! Nàng nói, Tôi làm hại gì anh mới được chứ ? Ở đây chẳng có người nào quan tâm đến đời sống của tôi. Anh nên nhớ tôi đâu có quen với cuộc sống này. Đáng lẽ tôi đã trở thành bà này, bà nọ.

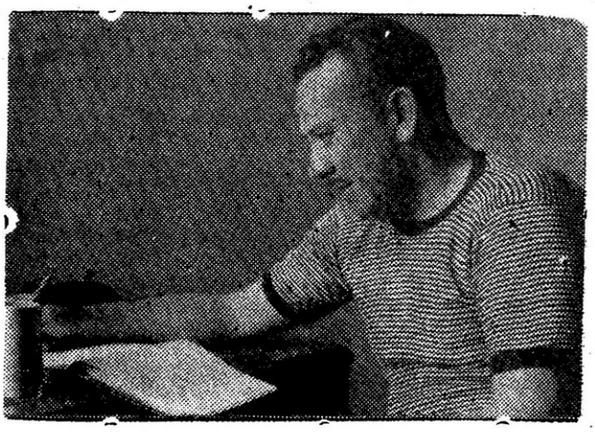

John Steinbeck
(ảnh chụp 1948)

Lennie giải thích một cách khổ sở:

— Cái đó đâu có quan hệ, điều quan hệ là bây giờ George sẽ không cho tôi chăm nom bầy thỏ nữa.

— Tại sao vậy ?

— Bởi vì anh ấy đã nói trước rằng, nếu tôi còn làm điều gì quấy, anh ấy sẽ không cho tôi chăm nom bầy thỏ nữa.

Nàng xích lại gần gã và nói bằng một giọng mơn trớn :

Nàng nói tiếp bằng một giọng buồn rầu :

— Mà điều đó vẫn còn có thể tới...

Với niềm ham muốn mãnh liệt được thổ lộ can tràng, nàng nói mỗi lúc một nhanh, như sợ người ta cướp mất lời mình :

— Hồi đó tôi ở Salinas. Tôi tới đó từ lúc còn nhỏ xíu. Một hôm, một đoàn hát tới thành phố trình diễn,

VAN NGHE VÀ CUỘC SỐNG

NHỮNG GHI NHẬN HÀNG NGÀY CỦA VŨ KHẮC KHOAN

NHẤT LINH dừng lại, ngước nhìn bụi tre sào sạc trong gió đầu mùa. Ánh nắng trong xanh lọc qua hàng lá sắc và gọn, khuôn mặt xương xương của anh như đẽo mạnh trong tảng gỗ già, lưỡng quyền, tròng mắt, đường môi là những nét hằn chạm theo thớ gỗ, gió bụi Côn minh và sương khí núi rừng dọc sông Thanh Thủy. Tôi buột miệng :

— Trời muốn trở rét !

Anh quay lại nheo mắt nhìn tôi, cười, giơ tay chào rồi... lên đường. Tôi nghĩ « lên đường » tuy vẫn biết, giơ tay chào tôi, anh cũng chỉ về nhà ăn cơm trưa với vợ một cách rất lành. Nhưng giáng điệu Nhất Linh lúc đó, ánh nắng một buổi sớm mùa khô Saigon, gió lùa bụi tre bỗng mang vị chất âm thanh của heo may bến đò Gió, giáng điệu tác giả Đôi Bạn, vành mũ dạ đen cụp xuống một khuôn mặt Dũng, tất cả đã dẫn tôi nghĩ đến một sự lên đường.

Hồi đó, cách nay khoảng 5, 6 năm, Nhất Linh thường lại tìm tôi ở một căn nhà trong một hẻm giữa biên giới hai tỉnh Saigon — Giadịnh, thăm tôi và nhất là thăm cụm tre mọc trước cửa nhà, cành tre đôi khi che lấp cả lối ra vào, lá tre khô rơi đầy sân nhỏ. Hồi đó, trên 50 tuổi, Nhất Linh còn cố gắng giữ vững hình ảnh những Dũng và Trúc, tuy trong một vài khoảnh khắc yên lặng, tay nâng chén trà ngừng lại trước mặt, tầm mắt bỗng xa ra, ánh mắt bỗng dịu lại, anh có để thấp thoáng xuất hiện lạnh-lùng-một-Thái-sắm-cái-áo-quan-thật-bền, một Tạo thấm mệt trước cuộc đời, hình-như-lúc-này-tôi-thấy-đất-mát-lắm, thấp thoáng một vài gợn ưu tư trên tảng trán mà hai nét sói thái dương như sói mãi sói tới cõi siêu hình. Những lúc đó, tôi giữ yên lặng. Tôi biết anh đang cố gắng giữ lại, ghi lại những thoáng gợn đó mà cả anh lẫn tôi, không nói với nhau, đều biết rằng Hành động cách mạng không thể xóa nhòa, mà có lẽ chỉ có Tín Ngưỡng, mà chắc chắn chỉ còn Văn Nghệ là những con đường giải thoát.

Những lúc đó anh thường nói :

— Bà cụ tôi hiện đang tu ở một ngôi chùa...

Và thường tiếp :

— Mai tôi lên Đàlạt.

Hai lời nói, hai ý nghĩ tưởng như thiếu liên lạc mà lại rất liên lạc bởi bắt gặp nhau ở cùng một tâm trạng. Đối với anh, lên Đàlạt, trở lại lan rừng và sỏi trắng long lanh đáy suối Đa-mê là một sự đi tu, là một thời gian rút về suy ngẫm, rút về yên lặng, rút về sáng tạo, rút về vô ký.

Để rồi lại trở lai Saigon nhộn nhịp người và việc, hành động.

●

Khoảng mùa mưa năm 1963, khi Thích Quảng Đức vừa lên dàn tự thiêu ngã tư gặp gỡ hai ngã đường lấy tên hai vị danh nhân, một Phan Đình Phùng chống đối và một Lê Văn Duyệt trị an, khi lửa căm hờn bốc ngọn lan ra như một cơn cháy có gió Lào quạt thốc, khi lửa căm hờn bén đến cả lòng một người thi sĩ mà đầu và bấc của cuộc sống nội tâm tưởng như đã khô, đã cạn, khi Lửa Từ Bi của Vũ Hoàng Chương được loan đi, truyền khẩu nhà nhà, khi tôi biết rằng dầu muốn, dầu lười, dầu nhát, dầu mệt mỏi, cũng không thể dửng dưng, cũng không thể lùi, giữa lúc đó một sớm — bằng đi một thời gian vắng mặt khá lâu — Nhất Linh trở lại với tôi.

Bụi tre trước cửa không còn nữa, nước bần đường cống mới đào làm thui chột, đã đánh ngã bụi tre. Không phải là Dũng, không phải là Trúc, mà là Thái mà là Tạo bước qua ngưỡng cửa nhà tôi. Tôi reo lên :

— Anh Nhất Linh !

Và ngậm ngùi. Hình như lúc này tôi thấy đất mát lắm, giá nhắm mắt nằm xuống bốn bề đất mát mẻ, rồi chẳng biết gì nữa, cũng hay hay.

Tôi liên tưởng đến Malraux khi còn là người bộ hành cô độc rừng Sieamrap len lỏi dây hành lang đá xám hoang tàn Ang Kor, khi còn là người chiến sĩ — hành động vì hành động — miền Quảng Châu lục địa Trung Hoa, khi còn là một du kích quân đòi khát nước Tây Ban Nha... Malraux đuổi theo một ý nghĩa cho cuộc sống, khi ý thức được rằng thôi hết rồi, thôi thế là xong, con người trong cuộc hành trình điên bái của mình, tới địa đầu thế kỷ 20 đã đánh rơi mất Thượng Đế, đã lạc đường Tuyệt Đối, đã trở nên cô độc, sống cô độc liệm trong cuộc sống cô độc, chết cô độc liệm trong cõi chết cô độc.

Nhưng Tchen-Malraux trong La Condition humaine đã thốt lên : Còn hành động. Vì hành động sẽ đem lại kiêu hãnh cho kẻ làm người. Con người hiên ngang nhìn thẳng vào Định Mệnh, giơ tay cào nát lịch sử để làm Lịch sử, để lại trên mặt đất liền một vết thẹo dài.

Cũng như Nhất Linh. Bước vào cuộc đời, mới chớm 20, Nhất Linh đã tự hỏi : « Không muốn đau khổ mà cũng không ù-lì mộc-thạch,.. muốn có tư tưởng mà được thảnh thơi trong lòng... » làm sao bây giờ ?

Cũng như Malraux, Phạm Đài — Nhất Linh trong Người Quay Tơ đã thốt lên : « Hành động, hành động cho đến kiệt lực, cho mãn chiều xế bóng... »

Cả hai — Nhất Linh và Malraux — đã lên đường. Cuộc hành trình đẹp vô cùng. Nhưng một người mệt mỏi đã bỏ cuộc, đã ngồi xệp xuống vệ đường, đã ngồi yên trên một ghế bành Tổng Trưởng, bụi miền nhiệt đới và gió núi Hoa nam lạt dần trên một khuôn mặt mất hết nét xương xương : Antré Malraux.

Và một người đã tới đích : Nhất Linh. ■

Vừa xảy ra đang nói tới

■ tiếp theo trang 15

hướng tiểu thuyết mới. Ông lên án đường lối văn chương tiểu tư sản tại Nga Sô. hiện đại và ông ghét cay ghét đắng nhàvăn Boris Pasternak khi Pasternak được Hàn Lâm Viện Thụy Điển trao tặng giải văn chương Nobel năm 1958.

Ngày 15-10 vừa qua giới văn nghệ Mạc Tư Khoa cho biết là nhà văn Mikhail Sholokhov chấp thuận nhận lãnh giải thưởng văn chương Nobel mà Hàn Lâm Viện Thụy Điển đã dành cho ông. Đồng thời, đài bá âm Mạc tư Khoa nhắc đi nhắc lại lời tuyên bố của ông Byleonid Leonov, chủ tịch Hội Nhà Văn Nga Sô là : « Mikhail Sholokhov là một nhà văn thiên tài, đáng được nhận giải Nobel năm 1965. »

Ngay ngày hôm sau khi được tin Hàn Lâm Viện Thụy Điển trao tặng giải thưởng văn chương Nobel 1965, nhà văn Sholokhev tuyên bố là ông sẽ chấp nhận giải thưởng đó với lòng biết ơn sâu xa. Và giới văn nghệ Tây Phương không hiểu sao, cách đây 7 năm chính Mikhail Sholokhov đã lên tiếng chỉ trích việc Hàn Lâm Viện Thụy Điển đã trao tặng giải văn chương Nobel cho nhà văn quá cố Boris Pasternak ? Ông bảo rằng Hàn Lâm Viện Thụy Điển đã không công bằng khi phán xét giá trị văn chương quốc tế *Doctor Zhivago* là một cuốn tiểu thuyết không được ca tụng ở chỗ không biểu tượng gì cho đời sống của nhân dân cũng như không nói lên được gì của tâm hồn nhân dân Nga sô trong thời gian 10 năm qua !

Sách của Françoise Sagan vẫn bán chạy

Bây giờ Sagan, là một nhà văn triệu phú, rất thừa thãi về tiền bạc. Loại sách bỏ túi vừa xuất bản một tuyển tập Sagan, gồm năm cuốn « Bonjour Tristesse, Uu certain sourire, Aimez-vous Brahms, Dans un mois dans un an và Un château en Suède. Tuyển tập vừa xuất bản đã bán được 1.050.814 cuốn. Trong số những tác giả « ăn khách » nhất của loại bỏ túi Sagan đứng hạng 23 — Hai tác giả Cronin và Zola dẫn đầu.

Cuốn Chamade vừa ra mắt, đã không được giải Fémina như một vài tin đồn đại, nhưng vẫn bán được tuy không bằng cuốn trước (cuốn Les merveilleux nuages bán 250 000 cuốn).

TỚI TUỔI TÔI

NHÃ CA

7

của Mẫn, Mẫn kể lại những hôm theo bạn bè đi uống rượu say về ôm nhau khóc, khi nghe một người bạn mất đi buồn lắm. Tôi hỏi Mẫn có hay đi đánh trận không; Mẫn nói có đi thường. Mẫn theo đạo Thiên Chúa, rất tin ở Đức mẹ. Lúc nào Mẫn cũng đeo một sợi chuyền mang thánh giá nhỏ. Mẫn nói của bà mẹ để lại. Trước khi bà chết, dặn chị Duyên đeo luôn vào cổ cho Mẫn, lúc đó Mẫn có 4 tuổi. Mẫn hỏi tôi theo đạo gì, tôi nói tôi Đạo Phật. Mẫn nói : Hôm nào theo chị đi chùa, rồi chị đi nhà thờ với tôi nghe. Tôi nói tôi không biết đọc kinh. Mẫn nói Mẫn cũng không biết lạy. Nói chuyện với Mẫn thật tức cười. Mẫn nói chuyện nhiều lắm, toàn là chuyện lính. Tôi nghĩ là có mẹ tôi ở nhà chắc bà ngồi nghe thích thú lắm. Mẹ tôi cứ nghe ai kể chuyện lính tráng mẹ tôi lại hình dung ra cuộc sống của anh Phan. Và tưởng tượng rồi đỡ nhớ. Nhiều người bạn của ba tôi tới nói chuyện, kể về con họ: thời kỳ tập dược. Mẹ tôi ngẫn ngơ. Ừ, thằng Phan con tôi cũng thế Thỉnh thoảng mẹ tôi lại nói về anh Phan với chúng tôi và hỏi những câu mà chị em tôi không biết trả lời sao. Chẳng hạn như : Hôm nay mưa, thằng Phan không biết có mang áo mưa đi không ? Hoặc, không biết nó có đem kim chỉ theo để kết khuy nút. Hay Anh Phan chúng mày có mập bằng cậu Lương con bác Hải không ? Anh Phan mày ăn ít nhất cũng tới bốn bát cơm, tập dượt mệt lắm. Thư nào của anh Phan về mẹ tôi cũng hỏi : Nó hỏi thăm mẹ bao nhiêu giòng. Nó có hỏi mẹ béo gầy không. Vì thư tới là chúng tôi tranh nhau đọc trước. Mẹ tôi đứng lóng ngóng và sốt ruột. Tôi nói với Mẫn : Hôm nào Mẫn tới nói chuyện cho mẹ tôi nghe, mẹ tôi thích nghe chuyện lính lắm, Tôi cũng có người anh sĩ quan. Mẫn e ngại : Bà gặp tôi chắc không ưa đâu. — Không, mẹ tôi dễ tính lắm. Bây giờ mẹ tôi nhìn ai mang quân phục cũng nhìn ra anh Phan tôi hết. Mẫn nghe tôi nói câu đó có vẻ buồn, chắc Mẫn đang nghĩ tới cảnh mồ côi của mình. Tôi nói lơ chuyện khác. Mẫn nói chuyện không dứt, hơn một tiếng đồng hồ sau mới về.

Mẫn đi rồi, tôi trở lên gác ngồi viết thư cho anh Phan. Tôi nói cả nhà mong anh lắm, nhất là mẹ, mẹ hoảng quá rồi. Tôi viết ngắn, bởi ngoài sự nhớ mong và tin tức gia đình ra chẳng còn gì để nói với anh nữa. Tôi dán phong bì xong thì mẹ tôi và chị Phượng về. Thấy hai cái ly còn bày giữa bàn mẹ tôi hỏi :

— Cậu Hoàng tới hả ?

Tôi trả lời :

— Dạ không. Người lính hải quân mà con đã kể với mẹ đó.

Mẹ tôi à một tiếng, rồi nhắc :

— Con gặp Hoàng nói với nó mai lại ăn cơm nghe, buổi chiều đó.

Tôi mới sực nhớ ra, mấy hôm nay vì nhiều chuyện quá, tôi quên không báo tin bữa chả giò của mẹ tôi đãi cho Hoàng biết. Tôi xin phép mẹ tôi đi ngay bây giờ, tôi nói tôi đi rồi còn bỏ thư cho anh Phan. Mẹ tôi nói : Không biết ngày mai nó có về không ? Bà nói xong mắt đỏ hoe. Chị Phượng nói : Mẹ thật là kỳ, có vậy cũng khóc. Mẹ đưa tay quệt ngang. Chị Phượng cúi xuống giỏ đồ lấy một bọc nhỏ đặt lên bàn, tôi hỏi cái gì. Chị đáp : Mua cho anh Phan, hai tút thuốc lá Lucky. Nhân tiện, tôi đem cất vào tủ và lấy xe đạp ra cổng. Mẹ tôi còn dặn với : Nhớ nói với nó, mai tới ăn nghe.

Tôi ghé qua Xuyến nói chuyện một lát trước khi tới Hoàng. Xuyến sụt sùi kể cho tôi nghe về việc bặt tin người yêu.— Anh ấy đóng ở Pleiku. Và Xuyến hỏi thăm về Hoàng : Mày sướng quá, Hoàng của mày chưa phải đi. Tôi nói : Cũng sắp. Xuyến hỏi : Mày không buồn à ? Tôi cười : Buồn hay không cũng vậy. Xuyến hỏi tôi đã ôn hết bài cho năm học tới chưa. Tôi trả lời ầm ừ, thật ra mấy hôm nay tôi đã chểnh mảng quá. Hoàng ngạc nhiên và trách tôi hoài : Em đã bớt ham học rồi đó. Gắng cho đậu năm nay, để còn tính chuyện chúng mình nữa chứ. Tôi nép vào vai Hoàng, cầm chặt tay Hoàng mà không trả lời được. Xuyến hỏi tôi đã coi hết tập Thiên Long bát bộ 4 chưa, cho Xuyến mượn. Tôi bảo chưa. Mấy hôm nay tôi chưa cầm lại nó. Xuyến rót nước mời tôi, kéo lên phòng chỉ cho tôi coi món quà của người yêu gửi về tháng trước. Một cái thánh giá đan bằng tre thật nhỏ. Xuyến phàn nàn đáng lẽ anh ấy phải giữ cái này để cầu may, anh ấy là người công

8

giáo. Tôi kể chuyện Mẫn cho Xuyến nghe, Xuyến ngạc nhiên và chịu quá : Mày thật liều, đôi lúc như điên. Tôi nghĩ tôi không điên một chút nào hết. và tôi cũng không thể điên lúc này. Tôi mỉm cười với Xuyến : nhảm quá, thôi tao đi. Tôi leo lên xe đạp, tới nhà Hoàng Hoàng đi vắng, mẹ Hoàng nói : Nó đi hỏi về vụ đi Thủ Đức, nó thi hỏng rồi con ạ. Tôi lặng người đi một lát. Mẹ Hoàng nói : Con vào trong này với bác một tí. Tôi đi theo bà qua phòng khách, vào phòng ngủ, bà đưa cho tôi xem một tấm ảnh chụp bà với hai đứa con trai. Anh Nguyên và Hoàng. Anh Nguyên bây giờ đang ở Bắc, cũng có thể đã vào Nam. Bà nghẹn ngào : Bác không tin dị đoan, nhưng chụp ảnh chung ba người xui lắm. Tôi biết mẹ Hoàng đang nghĩ gì và nước mắt cũng muốn chảy. Tôi vội vàng nói :

— Thôi xin phép bác con về. Nhờ bác nhắn hộ anh Hoàng ngày mai, buổi chiều sang con ăn cơm. Ba mẹ con dặn con sang mời anh ấy.

Chiếc xe đạp bỗng như nặng nề hơn, tôi đạp hết sức uể oải. Chụp ảnh ba người xui lắm, tôi, chị Phượng và anh Phan cũng có chụp chung một tấm. Đừng nghĩ tầm bậy, Quyên. Ngày mai chủ nhật anh Phan sẽ về. Và Hoàng nữa, chàng đang nghĩ gì, đang vui buồn những gì. Tôi mong gặp Hoàng, để nhìn chàng, nhìn và tôi sẽ hiểu, chắc chắn vậy.

Tôi bỗng luýnh quýnh phanh xe cho sát vào lề đường, hai thanh sắt chặn một khúc đường rầy đã buông xuống. Mãi nghĩ vớ vẩn suýt nữa tôi đâm sầm vào. Tiếng còi xe lửa tới thật mau, rồi một con tàu ì ầm đi qua. Tôi nhìn lên, những toa tầu chật những người lính trẻ. Chà có nhỏ xinh quá. Lên đây đi với anh em ơi. Tuýt với anh một bài em ơi. Rồi Hoàng cũng như họ, cũng như thế đó. Tôi nhìn theo, nhìn theo mãi những khuôn mặt đó và nước mắt bỗng chảy ra dàn dụa...

Khi tôi trở về, ba tôi đã ngồi ở xa lông và cắm cúi đọc báo. Tôi định đi thẳng lên gác thì ba tôi gọi :

— Quyên, con đi đâu về đó.

— Dạ, con tới Hoàng, mời anh ấy mai sang ăn cơm.

Chỉ nói được tới đó, tôi lại nghẹn ngào. Ba tôi hỏi :

— Quyên, có chuyện gì vậy.

Tôi cố thu hết can đảm để không khóc :

— Anh Hoàng đã trượt, và sắp đi Thủ Đức.

Ba tôi cười, nhưng tôi thấy nụ cười đầy ẩn nhịn :

— À, vậy hả. Đáng lẽ con phải vui chứ.

Tôi nghĩ tới anh Phan, tới anh Nghĩa, tới Mẫn và những người lính đã ngồi trên những toa tầu và hồ thẹn. Tôi thật ích kỷ. Anh Hoàng, Quyên ích kỷ quá. Đáng lẽ tôi phải vui mừng, tôi nhìn ba tôi và vẫn thấy nghẹn nghẹn ở trong cổ họng. Mẹ tôi đi tới đứng đằng sau ba tôi :

— Liệu ngày mai chủ nhật, thằng Phan có về.

Ba tôi nhìn mẹ tôi, ánh mắt chia sẻ thương mến. Ông nói giọng cố hết sức vui vẻ :

— Cái bữa tiệc chả giò của bà phải không ? Bà cứ làm cho ngon đi, cha con tôi sẽ « hâm mộ » hết.

Mẹ tôi đi xuống bếp, tôi bỏ lên gác. Còn lại ba tôi ngồi một mình. Tôi có cảm tưởng ba tôi đang cúi xuống trang báo mà không đọc một giòng nào hết.

Thằng Kim đã chực sẵn trên gác, thấy tôi, nó cười hì hì :

— Chị đây rồi. Cho em tiền chiều nay đi xem đá banh đi.

Giọng nói đã vỡ hẳn, tuổi đang lớn dần đây. Tôi nghĩ nó sẽ kế tiếp Hoàng lên đường, và sau đó... Tôi mở ví lấy ra tờ hai chục. Phan chê ít quá nhưng cũng cầm : Để chốc nữa em xin chị Phượng, chị hết tiền rồi phải không ? Các chị đừng mách mẹ em bị mắng nghe Tôi nhớ khuôn mặt Mẫn, không lớn hơn thằng Kim bao nhiêu mà đã biết cầm súng.

NHÃ GA ■

anh meaulnes

nguyên tác của
ALAIN - FOURNIER
mặc đỗ
dịch

4

KHOẢNG nửa đêm tôi bất chợt tỉnh dậy. Meaulnes đứng ở giữa phòng, đầu mang mũ, anh đang tìm kiếm món gì ở mắc áo — anh kiếm cái áo khoác ngự hàn choàng lên vai... Căn phòng tối thui. Không có chút ánh sáng do lớp tuyết phủ phản chiếu vào. Một luồng gió tối đen và lạnh thổi ở ngoài vườn lặng tờ như chết và ở trên mái nhà.

Tôi nhổm dậy và gọi anh se sẽ :

— Meaulnes! Anh lại đi hả ?

Anh không đáp. Thế là hốt hoảng lên, tôi tiếp :

— Nếu vậy tôi cũng đi với anh. Anh phải đưa tôi đi.

Tôi nhảy xuống sàn.

Anh lại gần, nắm lấy tay tôi, đẩy tôi ngồi xuống cạnh giường và nói:

— François, tôi không thể đưa cậu đi được Nếu tôi biết đường đi cậu sẽ đi theo được. Đằng này tôi cố tìm lại đường ở trên bản đồ mà không sao tìm được.

— Nếu vậy anh cũng không thể đi được nữa.

Anh thất vọng đáp :

— Đúng thế, thật vô ích.. Thôi cậu lại ngủ đi. Tôi hứa với cậu là không đi một mình đâu.

Anh lại đi bách bộ khắp phòng. Tôi không dám nói thêm gì với anh nữa Anh bước đi, ngừng lại, rồi lại bước đi mau hơn, giống như một người đang ở trong đầu tìm tòi hồi tưởng lại những kỷ niệm, đem những kỷ niệm đó ra so đo cân nhắc, chợt tưởng như đã tìm thấy; bỏ lạc mất đầu mối và tiếp tục tìm kiếm nữa..

Không phải đó là đêm độc nhất mà tiếng chân bước của anh làm tôi tỉnh giấc, tôi thấy anh, vào khoảng một giờ đêm, đang bách bộ quanh phòng ngủ và các căn gác xép— khác nào những thủy thủ không thể bỏ được thói quen tới phiên gác đêm ở ngay nông trại của họ ở vùng Bretagne cũng trở dậy, bận quần áo đúng giờ nhất định và canh chừng đêm tối ở đất liền.

Trong khoảng tháng giêng và thượng tuần tháng hai, đến hai ba lần tôi bị thức giấc như vậy. Anh Meaulnes đứng đó, ở giữa phòng, quần áo tề chỉnh, vai khoác áo ngự hàn, sẵn sàng ra đi, nhưng lần nào cũng vậy, tới biên cương cái xứ lạ lùng mà đã một lần anh lén trốn tới, anh đều chùn lại, ngập ngừng. Cứ tới khi nhấc cái then cửa ở cầu thang và thoát ra bằng cánh cửa nhà bếp, mà anh có thể mở ra rất dễ dàng không ai nghe biết, là anh một lần nữa lùi trở lại. . . Rồi suốt những giờ dài đặc vào khoảng nửa đêm, anh nao nức đi đi lại lại, vừa đi vừa suy nghĩ ở trên từng gác xép bỏ trống.

Sau cùng tới một đêm, vào bữa 15 tháng hai, chính anh đánh thức tôi dậy bằng cách nhẹ nhẹ đặt tay lên vai tôi.

Ngày hôm đó coi bộ náo động lắm. Meaulnes bỏ hết những cuộc chơi cùng với các bạn cũ, suốt trong giờ chơi cuối cùng về buổi chiều anh cứ ngồi trên ghế mải mê vẽ một bản đồ nhỏ, bí mật, trong khi lấy ngón tay dò dẫm và tính toán rất lâu trên tập bản đồ quận Cher Người ta chạy đi chạy lại không ngớt giữa sân chơi và lớp học. Tiếng guốc đập lách cách. Mọi người đánh đuổi nhau từ bàn nọ tới bàn kia, nhảy qua ghế, qua bục cao từng cái một.. Ai nấy đều biết rằng khi anh Meaulnes bận như vậy không nên tới gần ; tuy nhiên vì giờ chơi kéo dài, hai ba thằng nhãi người ở ngoài phố, tinh nghịch rón rén tới sau lưng anh rình ngó. Một đứa gan đến độ đẩy hai đứa kia vào người anh. Meaulnes vụt đóng tập bản đồ lại, dấu tờ giấy đi và nắm cổ một trong ba đứa trong khi hai đứa kia chạy thoát.

. . . Thằng Giraudat tính hay cáu bẳn, giờ giọng nhẹ nhẹ, lấy chân đạp anh, nhưng rốt cuộc cũng bị anh Meaulnes tống ra cửa. Thằng Giraudat căm giận la lên :

— Đồ lớn mà hèn ! Tao không lấy làm lạ chúng nó đều ghét mày cả, tính sửa cho mày một trận !..

Tiếp theo là một tràng chửi rủa được chúng tôi đáp lại tuy chẳng hiểu nó muốn nói gì. Tôi to tiếng nhất trong bọn vì tôi ra mặt bênh anh Meaulnes. Giữa chúng tôi nay đã gần như có một sự thỏa hiệp rồi. Lời mà anh đã hứa với tôi sẽ đưa tôi cùng đi, trong khi anh không bảo với tôi như những người khác rằng tôi « không chơi được », đã buộc chặt tôi lại với anh. Và tôi không ngớt bận tâm tới chuyến đi bí mật của anh. Tôi tin chắc rằng anh đã gặp cô gái nào.

Cô ta ý hẳn muôn vàn xinh đẹp hơn những cô gái trong vùng, đẹp hơn cô Jeanne mà bọn họ vẫn ngó qua lỗ khóa thấy ở trong vườn các bà nữ tu ; đẹp hơn cô Madeleine, con gái ông hàng bánh mì, da mặt đỏ hồng và tóc vàng ; đẹp hơn Jenny, cô con gái bà chủ tòa lâu đài, đẹp tuyệt trần nhưng vì điên nên bị nhốt kín. Chắc chắn là đêm đêm anh nghĩ nhớ tới một cô gái, đúng như một nhân vật trong tiểu thuyết vậy. Tôi quyết tâm sẽ cố can đảm nói chuyện đó với anh, một đêm nào anh làm tôi thức giấc..

Buổi chiều bữa có vụ xung đột mới đó, sau bốn giờ chúng tôi hai đứa đang bận giọn các đồ dùng ngoài vườn vào, những xẻng cuốc dùng để đào hố, thì nghe thấy tiếng la ở ngoài đường. Đó là một một bầy trai trẻ và con nít, xếp hàng bốn, đi đều bước, tiến tới như một toán lính có tập luyện, do Delouche, Daniel, Giraudat và một đứa nữa mà chúng tôi không quen biết, dẫn đầu. Bọn chúng trông thấy chúng tôi bèn cất tiếng la ó vang lừng. Thế ra cả phố đều chống lại chúng tôi và họ đang sửa soạn một cuộc chơi đánh nhau gì đó mà bỏ chúng tôi ra ngoài.

Meaulnes lẳng lặng đem cất những xẻng cuốc anh vác trên vai vào trong nhà kho...

Nhưng tới nửa đêm tôi nghe thấy bàn tay anh đề lên cánh tay tôi, tôi hốt hoảng thức giấc. Anh nói :

— Cậu dậy thôi, chúng mình đi đây.

— Anh đã biết rõ đường đi đến tận nơi chưa ?

Anh cắn răng lại mà đáp :

— Tôi biết một phần lớn rồi, còn đoạn cuối mình thế nào cũng sẽ tìm ra.

Tôi ngồi nhổm dậy, nói :

— Anh Meaulnes ạ, anh nghe tôi : chúng mình chỉ có một cách là cả hai đứa giữa ban ngày căn cứ vào bản đồ của anh mà tìm ra phần đường còn thiếu chưa biết.

— Nhưng phần đường đó xa đây lắm.

— Nếu vậy đến mùa hè này, ngày dài, chúng mình sẽ lấy xe đi kiếm.

Sự im lặng kéo dài khi đó có nghĩa là anh chấp thuận.

Tôi tiếp :

— Nếu chúng mình sẽ cùng nhau đi tìm cô gái mà anh yêu, anh Meaulnes à, anh cho tôi nghe về cô ta đi, cô ta là ai thế ?

Anh ngồi xuống bên giường tôi. Trong bóng tối tôi trông thấy cái đầu anh cúi xuống, hai cánh tay vòng lại vào hai đầu gối anh. Rồi anh hít mạnh không khí vào trong ngực, giống như một người đau buồn đã lâu nay sắp sửa đem sự bí mật của mình ra phú thác...

CHƯƠNG THỨ TÁM

Đêm đó anh bạn tôi chưa kể cho tôi nghe những gì đã xảy ra với anh ở dọc đường. Cả tới khi anh quyết tâm phú thác tất cả cho tôi, trong những ngày khổ não tôi sẽ kể sau, vụ đó lâu lắm vẫn là điều bí mật lớn của thời tuổi nhỏ của chúng tôi. Nhưng bây giờ tất cả đều đã hết, bây giờ chỉ còn những tro bụi của bao nhiêu cái xấu, của bao nhiêu cái tốt, tôi có thể kể lại cuộc phiêu lưu kỳ diệu của anh.

●

Trên đường đi Vierzon, vào khoảng một giờ rưỡi chiều, lúc đó trời giá lạnh, Meaulnes thả cheo ngựa chạy mau, vì anh biết rằng không còn sớm lắm. Ban đầu anh chỉ nghĩ đến cái thú làm cho tất cả chúng tôi ngạc nhiên khi bốn giờ chiều anh đón hai ông bà Charpentier về bằng xe ngựa. Thật vậy lúc đó anh không hề có một ý định nào khác.

Lần lần, vì gió lạnh thấm vào người, anh quấn hai chân vào tấm mền mà ban đầu anh từ chối nhưng mọi người ở trại La Belle-Etoile cứ nhất định bắt đề lên xe.

Lúc hai giờ, anh đi ngang khu phố ở làng La Motte. Anh chưa hề bao giờ đi ngang một làng nhỏ nào vào giờ trẻ con đi học, nên lấy làm thích thú thấy làng đó vắng vẻ, như ngủ mê, đến thế. Thỉnh thoảng, từng quãng xa, mới có một tấm rèm được vén lên để lộ khuôn mặt tò mò của một bà già.

Ra khỏi làng La Motte, liền sau khu trường học, anh ngần ngừ giữa hai ngã đường và mang máng nhớ phải rẽ về phía tay trái mới đúng đường đi Vierzon. Không có một ai ở đó để anh hỏi đường. Anh thả cho con ngựa chạy nước kiệu trên con đường bắt đầu hẹp hơn và đá trải không đều. Anh đi ven một khu rừng thông trong một lúc lâu và sau cùng gặp một người phu lục lộ ; anh bắt loa bằng tay lên miệng hỏi người đó coi có phải đường đi Vierzon không. Con ngựa níu mạnh dây cương, tiếp tục chạy lên ; người kia không nghe ra câu anh muốn hỏi, chỉ la lên mấy tiếng và đưa tay ra dấu mập mờ ; cầu may, Meaulnes cứ để cho ngựa chạy lên.

Lại tới khu cánh đồng mênh mông, giá lạnh, phẳng lì ; đôi khi có con chim khách vì sợ xe bay ra xa đậu trên ngọn một cây du trụi lá. Người lữ hành đã phải lấy tấm mền lớn quấn lên tới cổ như một chiếc áo choàng. Hai chân duỗi dài, tựa lưng bên thành xe, anh ngủ quên đi một lúc lâu...

... Tới khi, vì khí lạnh thấm qua cả tấm mền, Meaulnes tỉnh dậy thì thấy phong cảnh đã thay đổi hẳn. Không còn những chân trời xa, vòm trời trắng cao rộng mắt nhìn không thấu nữa, mà là những khu đồng cỏ nhỏ hẹp còn đầy cỏ xanh, chung quanh có những hàng dậu cao. Ở hai bên đường, nước chảy ở dưới lớp băng trong những đường mương. Xem chừng sắp sửa tới một con sông. Và ở giữa những hàng dậu cao, con đường chỉ còn là một lối đi nhỏ, lồi lõm.

Từ này con ngựa đã hết đi nước kiệu. Meaulnes đánh một roi bắt con ngựa chạy nhanh lên như cũ, nhưng nó cứ tiếp tục bước một, hết sức là chậm chạp. Anh học trò lớn lấy hai tay chống vào phía trước xe ngó xuống một bên thì thấy con ngựa bước thậm thọt một chân sau. Lập tức anh lo lắng nhảy xuống đất. Anh nhủ thầm :

— Đi như thế này không thể nào tới Vierzon cho kịp được ! Chính anh cũng không dám tự ngỏ với mình ý nghĩ đáng lo ngại là không chừng anh đã đi lạc, không phải hiện ở trên đường đi Vierzon.

Anh xem xét rất kỹ cái chân con vật nhưng không khám phá ra một vết thương nào hết. Rất sợ sệt, mỗi khi Meaulnes sắp đụng cái chân nó là con ngựa cái vội đưa chân lên cao và lấy chiếc móng nặng vụng về cào xuống đất. Sau hết anh mới hiểu rằng con vật bị một hòn sỏi mắc kẹt ở dưới móng. Vốn là một chàng nông dân thành thạo việc trông nom giống vật, anh ngồi xổm xuống cố gắng dùng tay trái nắm lấy chân con ngựa kẹp vào giữa hai đầu gối, nhưng anh bị vướng cái xe. Hai lần con ngựa thoát chạy lên vài thước. Cái bàn đạp đè bước lên xe đập vào đầu anh và bánh xe làm anh bị thương nơi đầu gối. Anh cứ tiếp tục và sau cùng trị được con vật đang sợ sệt. Nhưng viên sỏi bị kẹt chặt đến độ Meaulnes phải lấy con dao kiểu nông dân trong túi ra mới cậy được.

Sau khi xong việc, ngẩng đầu lên được, đầu choáng váng và mắt hoa, anh mới hốt hoảng nhận ra rằng trời đã tối...

Bất kỳ ai khác ngoài anh Meaulnes tất đã lập tức quay trở lại. Đó là cách duy nhất để khỏi bị lạc thêm nữa. Nhưng anh nghĩ rằng anh hiện đã xa làng La Motte lắm. Với lại trong khi anh thiếp ngủ đi con ngựa rất có thể đi vào một con đường tắt. Sau hết, con đường này tất rồi cũng phải đưa tới một làng xóm nào... Cũng nên thêm vào những lý do đó rằng anh chàng, khi bước lên chiếc bàn đạp, trong lúc con vật nóng nảy đã kéo chẳng dây cương, bỗng cảm thấy tràn ngập trong lòng sự ham thích vì bực tức muốn đi đến một cái gì, tới một chỗ nào đó, mặc dầu bao nhiêu trở ngại !

Anh quất một roi, con ngựa cái tràn lên rồi phóng nước đại. Bóng tối bao trùm thêm. Con đường lồi lõm chỉ còn vừa đủ cho cái xe đi lọt. Đôi khi một cành cây khô bên bờ dậu chui vô bánh xe và gãy một tiếng rồn tan... Tới lúc trời đã hoàn toàn tối hẳn, Meaulnes chợt thấy se sẻ trong tim nghĩ tới phòng ăn ở Sainte-Agathe, nơi mà giờ này chúng tôi chắc đang tụ họp. Anh nổi giận lên ; rồi sự kiêu ngạo và nỗi sung sướng sâu đậm được thoát đi như vậy, tuy không muốn, tràn ngập lòng anh...

CHƯƠNG THỨ CHÍN

Chợt con ngựa chậm bước, tưởng như chân nó bị vướng vào bóng tối ; Meaulnes thấy cái đầu con ngựa hai lần đưa lên và cúi xuống, chợt ngưng lại, đưa mãi cái mũi xuống như ngửi vật gì. Quanh chân ngựa nghe như có tiếng nước vỗ. Một dòng suối chắn ngang đường. Về mùa hạ chắc hẳn nước cạn lội qua được. Nhưng vào mùa này nước chảy xiết đến độ băng không đóng được, nếu đi tới chút nữa có thể sinh nguy hiểm.

Meaulnes kéo nhẹ dây cương để lùi lại vài bước, rồi ngần ngừ không biết tính sao, anh đứng thẳng người ở trên xe. Đứng dậy anh mới nhận ra ở phía sau hàng cây một luồng ánh sáng. Từ con đường nhỏ vào tới đó cách chừng hai ba khu đồng cỏ..

Anh học trò xuống xe, kéo con ngựa lùi lại, anh nói với nó cho nó yên, ngăn nó không bất chợt hoảng hốt lên :

— Thôi đi, cô mình. Thôi, bây giờ không đi xa nữa. Sắp tới nơi rồi.

Đẩy cánh cửa rào hé mở vào một khu đồng cỏ, anh kéo cỗ xe đi theo. Hai chân anh bước lún xuống bãi cỏ ướt. Cái xe lắc lư nhè nhẹ. Ghé gần đầu con vật anh cảm thấy sức nóng và hơi thở mạnh của nó .. Anh dẫn con ngựa tới tận cùng khu đồng cỏ, lấy tấm mền phủ lên lưng nó : rồi rẽ những cành cây ở hàng dậu cuối anh lại nhận ra luồng ánh sáng từ một ngôi nhà trơ vơ.

Anh cũng còn phải băng qua ba khu đồng cỏ, nhảy qua một dòng suối khá nguy hiểm, thiếu chút nữa anh đã phóng cả hai chân xuống nước .. Sau cùng, nhảy từ một mô đất cao xuống, anh tới sân một ngôi nhà nông dân. Một con lợn ủn in trong chậu cám. Nghe tiếng chân bước trên nền đất lạnh cứng, một con chó lên tiếng sủa vang.

Cánh cửa nhà mở rộng, luồng ánh sáng khi nãy Meaulnes trông thấy là do những cây củi cháy trong lò. Không có ánh sáng nào khác ánh sáng trong lò sưởi đó. Một người đàn bà đứng tuổi ở trong nhà đứng lên đi ra phía cửa, không hề tỏ lộ một chút sợ hãi nào. Chiếc đồng hồ quả lắc vừa đúng lúc đó đánh bảy giờ rưỡi.

Anh chàng cao lớn nói :

— Xin lỗi bà, khổ quá, hình như tôi mới lỡ giẫm lên bồn hoa cúc của bà.

Tay cầm cái chén, người đàn bà đứng lại ngó anh. Bà ta đáp :

— Đúng thế, ngoài sân tối đen, nếu không biết lối đi thì giẫm nát hết.

Im lặng trong giây lát, khi đó Meaulnes vẫn đứng sững, ngó bốn bờ tường có dán những trang báo có hình vẽ giống như ở một quán trọ và chiếc bàn bên trên có để một chiếc mũ đàn ông.

Anh ngồi xuống, hỏi :

— Ông chủ đi vắng, hả bà ?

Thêm tin cậy hơn, người đàn bà đáp :

— Cũng sắp về, đi lấy thêm ít củi.

Chàng thanh niên kéo ghế lại gần lò lửa, nói tiếp :

— Tôi cũng không cần đợi ông ấy về. Chúng tôi mấy người đi săn đêm. Tôi tới muốn hỏi bà có bánh mì để lại cho tôi một chút.

Anh Meaulnes biết rằng đến nhà nông dân, nhất là tới một trại bơ vơ, phải biết ăn nói kín đáo, khéo-léo nữa, và nhất là đừng bao giờ tỏ lộ cho biết là mình không phải người trong vùng. Người đàn bà hỏi :

— Cần bánh mì ư ? Tôi không thể để lại được. ■**còn nữa**

TẤT CẢ NHỮNG NGƯỜI LỊCH SỰ, NHỮNG KHÁCH HÀO HOA, ĐỀU GẶP GỠ NHAU TẠI :

VÂN CẢNH

184, Calmette Saigon — **Đ.T. 20.963**

KHIÊU VŨ TRƯỜNG — PHÒNG TRÀ CA NHẠC

LẦU NHÌ : **Sàn nhảy tối tân.** Không khí ấm cúng. Ban nhạc điêu luyện. Mỗi tuần 1 chương trình **biểu diễn** mới lạ do những **nghệ sĩ ngoại quốc** đem tới.

LẦU BA : Phòng trà ca nhạc tập trung đủ hết những giọng ca quen thuộc của thính khán giả. Thức ăn ngon, thanh khiết — Đủ cả cơm Tây cơm Tàu.

CÓ MÁY LẠNH và CÓ ĐIỆN RIÊNG

ý nghĩ buổi chiều

Hoài Thương

Nắng phai, lòng tối theo chiều
Đời xuôi nước ngược, gió xiêu cây già
Núi mòn theo với hồn ta
Lửa binh ngụt cháy, đời hoa úa tàn

Em giờ vàng vọ dung nhan
Môi khô, mắt ướt, bàng hoàng những đêm
Lời nào xưa vọng êm đềm
Hồn nào xưa giữa tay mềm yêu đương.

Ì ầm súng gọi đêm sương
Mắt ai dõi mấy ngả đường thương đau
Ta quên ta tóc phai màu
Xin em quên nỗi u sầu nghìn đêm

Cánh dơi nào động bên thềm,
Thôi em ngủ chín giấc mềm nhớ nhung.

hình ảnh

Mai Trung Tĩnh

Con đường xuôi Lục Tỉnh sao dài và buồn
như cuộc chiến quê hương
Anh tự nhủ chiều đã xuống, gió lạnh dần,
đêm sẽ lại
Sắp đến giờ địch sửa soạn cuộc tự tử ngông
cuồng
Đồn bót, vọng canh hãy sẵn sàng chờ đợi
Anh bảo đêm nay không được ngủ
Hãy xuống hố hầm, cầm chắc súng nhìn qua
lỗ châu mai
Những trái hỏa châu sẽ soi sáng một vùng
ruộng đồng trống trải
Nơi địch cất tiếng hô đợt xung phong đầu
Tên chỉ huy lại thổi còi lao chạy điều quân
Chúng ta chỉ nhắm một lần thôi và kết thúc
Con đường xuôi Lục Tỉnh vẫn dài và buồn
như cuộc chiến quê hương
Anh tự nhủ đêm xuống rồi, không được ngủ...

MAI THẢO

TRUYỆN DÀI 3

viên đạn đồng chì nổi

PHÍA bên kia vì tường thấp ngang tầm ngực, nhô lên những mái lá sơ sác siêu vẹo, gờ mái cao thấp không đều đội chồng lên nhau. Gió thổi vu vu, gây thành những tiếng rít soáy khô gọn. Mầu xám của lá cũ thẫm mầu bóng tối chập chạng. Thấp thoáng một vài ánh lửa hắt lên. Khói xanh chập chờn tản mạn. Chợt có tiếng la thét sặc sụa men rượu và tiếng chân người tán loạn chạy trốn. Vinh cau mày :

— Chuyện gì thế cụ Khải ?

— Dạ, chắc lại một thằng tây đen say rượu từ trên sếch tơ mò xuống xóm kiếm gái.

— Xóm có gái điếm ?

Câu hỏi thẳng băng của Vinh làm cụ Khải ngượng ngập. Xóm có gái điếm hay không, thực tình cụ Khải cũng không biết. Những buổi chiều nhạt nắng, đứng trong sân quận nhìn lên mặt đê cao, cụ Khải thường nhìn thấy những đứa con gái ỏng ẹo từ những con đường khuất khúc tối hẹp của xóm lá đi lên. Những đứa con gái béo mập, ăn mặc mỏng manh khêu gợi, đùa cợt lả lơi với tất cả mọi người, bắt tay và rỡn nghịch với cả những thằng lê dương hung dữ nhất. Bọn con gái không sinh trưởng ở xóm này. Những làng xóm tiêu hủy, không khí bất an, chiến tranh và những cuộc càn quét đã xua dạt họ đến đây, tìm trú ẩn trong các xóm lá nhỏ nương náu vào vùng an toàn của quận lỵ mới lập một đầu, và khu sếch tơ uy nghi dũng mãnh một đầu. Đó là những đứa con gái sản phẩm của gió nắng và không khí đồng ruộng, có mùi thóc lúa đất cát và phân bón trên da thịt, tay chân mập mạp và bộ ngực dậy thì nhọn hoắt. Với cụ Khải đó là những hình ảnh của một quyển rũ tội lỗi sỗ sàng trắng trợn. Án mạng và đâm chém chí tử từng đã xảy ra trong xóm lá vì bọn con gái quê mùa mà chiến tranh đã đưa tới đây. An mạng vì đam mê. Đâm chém vì thù hằn. Trong tập hồ sơ lưu giữ để cứu xét và đệ trình lên tỉnh trưởng của người thư ký già đạo mạo, có đến năm bảy vụ như thế chưa tìm ra manh mối. Cụ Khải tối kỵ đặt chân vào khu xóm chứa đầy những chứng tích oan khiên, lúc nào cũng có thể xảy ra những chuyện chẳng lành. Cụ Khải ậm ừ, tránh không trả lời câu hỏi của Vinh, bước rảo về phía nhà ngang cuối đáy sân quận.

Chiều giới tuyến đổ xuống mau, chóng thứ bóng tối nhá nhem đã gợi lên hình ảnh đêm khuya giới tuyến mịt mùng. Gió thổi là là mặt đất. Vinh rùng mình. Chàng sống một cảm giác bất an hoàn toàn khi theo chân người thư ký già vượt qua khoảng sân trống trải không một công sự phòng thủ án ngữ. Ốc chàng phút này thoáng hiện lên, mơ hồ và rùng rợn, cái chết thảm khốc của người quận trưởng cũ bị phục kích ở đầu con đường hẻm. Chàng đem tuổi trẻ và đời sống, tương lai và hy vọng chàng đến đây để thế vào một đời sống đã trở thành một cái chết thảm khốc. Rồi sẽ đến lượt mình ? Vinh lắc đầu sua dạt một ý nghĩ gở lạ, cúi đầu theo chân cụ Khải bước vào căn nhà le lói ánh đèn vừa thắp sáng.

Đó là một căn nhà thấp, không có trần, lồng chồng những hàng cột, những đầu cọc, ngăn chia làm hai buồng. Cụ Khải đưa Vinh vào căn buồng nhỏ hơn, đặt va ly chàng trên một mặt ghế. Một ngọn đèn dầu tỏa thứ ánh sáng lay tạt trên một nền đất ẩm lạnh. Vinh đảo mắt nhìn, xao xuyến và ngao ngán.

Một chiếc giường sắt, kiểu giường bệnh viện cá nhân, không mùng màn, tấm đệm sờn rách ném lệch lạc trên vỉ giường là một tấm lưới sắt trũng. Một cái tủ áo gỗ mộc, mặt kính vỡ dọc như một nhát chém thẳng băng kéo dài. Trong một góc tối thẫm, thấp thoáng mầu đen bóng lầm lỳ của một khẩu tiểu liên ghếch đầu lên bờ tường gạch loang lổ không trát vữa. Căn buồng lạnh lẽo đón tiếp Vinh bằng vẻ lầm lì hằn học của nó, còn nguyên sự hiện hữu u uất của người quận trưởng quá cố. Cụ Khải nói như xin lỗi :

— Ông quận nghỉ tạm đêm nay. Sớm mai sẽ cho sửa sang lại.

Vinh mỉm cười :

— Không sao. Tôi đã đoán trước như thế này. Ở đây lẽ tất nhiên không còn là ở Hà-Nội.

Chàng theo cụ Khải đi sang buồng bên. Buồng kế rộng hơn, gồm có giường cụ Khải, với một cái hòm gỗ kê dưới gầm, và hai cái giường vải gấp nhà binh, trên đó là hai người lính bảo chính đang nằm ườn vội vã đứng lên khi Vinh bước vào. Giới thiệu. Đây là cụ quận mới. Đây là anh Toán, anh

tờ di chúc viết giữa thời chiến

Cao Thoại Châu

Xin tặng em cánh tay bên trái
cuốn thành vòng tròn tô điểm lương lai
trọn trái tim làm mâm cỗ cưới
phần quê hương anh cho cánh tay còn lại

những ngón tay viết trên bảng đen
sẽ góp phần trong thời nhiễu loạn
những ngón tay vuốt tóc người tình
sẽ níu chặt chốt an toàn lựu đạn

mắt thành phố vốn chỉ quen thù hận
nhìn guốc cao nhìn cánh tay trần
mỗi buổi sáng sẽ rửa bằng máu đỏ
làm hỏa châu buồn soi sáng ban đêm

hai lỗ mũi chỉ ham mùi da thịt
mùi thuốc thơm hay những thư tình
xin giữ lại cho mùi thuốc súng
và những thây người thối rữa hôi tanh

lời thủ thỉ những khi em hờn giận
cặp môi điên anh cũng không quên
để những khi giết chóc loạn cuồng
anh say đắm hôn lên nòng thép lạnh

hai lỗ tai vốn chỉ ưa tâm sự
anh mang nó đi trên những ruộng đồng
nghe tiếng khóc những thôn làng bốc cháy
nghe đạn gầm như xé quê hương

còn bộ da xin làm tờ giấy trắng
vẽ lên tiền đồ tổ quốc thân yêu
xin lấy máu làm dầu thắp sáng
cho con cháu mình trông tỏ mặt nhau

và đoạn kết của tờ di chúc
anh cũng xin trao bằng ngón tay run
lấy bom đạn làm đồ trang sức
lấy tương lai làm bức họa treo tường

Nhạ, hai bảo chính giữ nhiệm vụ bảo vệ cho quận trưởng, và các công việc bếp nước mua bán lặt vặt. Vinh thân mật bắt tay từng người. Chàng hỏi thăm họ về sức khỏe, công việc và tình hình trong quận, về vấn đề canh phòng quận lỵ, và an ninh của những vùng làng xóm chung quanh. Vẫn những khuôn mặt ở đó in hằn dấu vết khiếp hãi, vẫn những cử chỉ khúm núm và một thái độ cách biệt thủ thế đầy thận trọng.

Vinh trở sang buồng riêng thay quần áo và chàng nghe thấy tiếng cụ Khải sai bảo bọn lính bảo chính đoàn sửa soạn bữa cơm tối đầu tiên cho ông quận trưởng trẻ tuổi mới về buổi chiều. Gió thổi ào ạt trên mái ngói rung rinh. Những vì tường cũng như có gió thổi suốt. Ánh đèn lay tạt muốn tắt. Vinh vừa thay áo vừa nghe ngóng. Đêm xuống, bí mật bao la và xa lạ. Đêm giới tuyến xuống như kẻ thù đến. Lầm lỳ và khốc liệt. Tiếng chó sủa ran dưới vùng tối tăm ngờ sợ của xóm lá. Một phát súng bắn vu vơ tan loãng vào bầu trời đoán thấy chỉ còn là vùng đi về mặc sức của gió đêm mùa đông như tiếng than khóc thê lương không cùng của tạo vật. Đứng ngắm nhìn khuôn mặt nghiêm trang của chàng trước phiến gương vỡ đôi, chưa bao giờ trong đời Vinh thấy chàng lẻ loi như thế.

— Cụ Khải.

— Dạ. Người thư ký già hấp tấp đẩy cửa chạy vào.

— Súng của quận trưởng.

Giọng Vinh vô tình mà thoắt đã đổi khác. Rắn đanh, gọn gàng. Giọng nói của người nhận trách nhiệm, nhận thử thách và ra lệnh. Vinh đỡ lấy khẩu « côn-bạt » cụ Khải vừa mang vào. Chàng nắm chặt báng súng, rung rung bàn tay, lượng đoán sức mạnh và sức nặng của khí giới. Vinh cười gằn :

— Tôi chưa bắn một viên đạn nào. Mong rằng không bao giờ phải dùng đến khẩu súng này.

Tiếng chó sủa ngớt đi lại ran lên dưới khu xóm nhà lá. Lại một phát đạn lẻ ném vu vơ lên nền trời giới tuyến. Vinh cẩn thận nhét khẩu súng xuống dưới đệm giường. Chàng nói mạnh bạo và lớn tiếng và đi ra :

— Cho tôi ăn cơm đi.

TIẾNG cỏ rạm lay động lạt sạt. Một mái tóc từ từ nhô lên, rồi là một cặp mắt sắc lạnh như dao, và Niệm đứng lên từ chỗ ẩn nấp um tùm. Trên vùng hoang vu mênh mông không một bóng người, cái bốt gác sừng sững phía sếch tơ như một con mắt to lớn kinh dị vừa khám phá ra sự có mặt bất ngờ của Niệm, và nó đang chăm chú theo dõi Niệm trong từng cử động nhỏ nhặt.

Niệm ném về đến phía đó một cái nhìn e dè. Nhưng không, chỉ là ám ảnh, chỉ là tưởng tượng. Không một kẻ thù nào nhìn thấy Niệm vừa trở về. Yên tâm, Niệm đứng thẳng người, vươn vai. Những đầu xương kêu răng rắc. Thân thể Niệm mỏi nhừ. Mí mắt nặng chĩu muốn ngủ. Lòng bàn chân sưng vù và buốt rứt như có gai nhọn đâm sâu.

Niệm vừa từ « bên kia » về đất tề bên này. Y khởi hành từ buổi trưa. Y đã đi cẩm cúi, mải miết, một đoạn đường dài thẳm qua vùng đất không người, những bước chân đều đều, giòng suy nghĩ miên man bộn bề. Vừa đi vừa nhìn trước trông sau. Chung quanh Niệm, vòng đai trắng phơi bầy một cảnh tượng tận thế. Đất nín thinh, gạch đá lăn lóc, cỏ hoa bần bật, từng bước chân vang động khác thường trong lặng yên nín thở tràn đầy.

Tới rừng phi lao, Niệm dừng lại, chọn một gốc cây lớn, tựa lưng vào đó, mệt mỏi rã rời. Tiếng chuông than văn như một điệu ru não nùng làm Niệm ngủ thiếp đi. Khi Niệm bừng mắt thức dậy, y toát mồ hôi trước giấc ngủ dại dột có thể làm y mất mạng như chơi. Cũng may không một toán lính nào tuần tiễu khu rừng trong khi Niệm ngủ, rừng phi lao chỉ có những gốc cây san sát muôn nghìn tối thẫm dần dần trong buổi chiều đang xuống. Ra khỏi rừng, Niệm cúi lom khom, vượt qua những thuở ruộng bỏ hoang chạy dài trước cửa quận. Đây là đoạn đường cuối cùng và cũng là đoạn đường nguy hiểm nhất, bởi bốn cái bốt gác cao ngất của sếch tơ với những họng súng đen ngòm đã hiện ra trước mặt Niệm. Chiều thấp hẳn, nhưng bóng tối chưa hoàn toàn. Như thế còn sớm quá và Niệm nghĩ y chưa thể từ dưới ruộng hoang đi lên được mặt đê cao. Nằm đợi chờ đêm xuống trong bụi cỏ rạm rạp, Niệm đã nhìn thấy chiếc xe hàng từ Hà Nội sang, đậu lại trước cửa quận, nhìn thấy chàng trẻ tuổi lạ mặt từ trên xe nhảy xuống, rồi là vụ hỏi giấy tờ và khám sét, đám đông, sự can thiệp của người thư ký già, và chàng trẻ tuổi đi vào quận trước những người lính gác bồng súng chào.

Con mắt cực kỳ sắc bén của Niệm đã nhìn thấy được phần nào hình dáng chàng trẻ tuổi lạ mặt in hình lên mặt đê cao. Y lầm bầm « Thằng này trẻ quá chừng ». Và y nghĩ đến một đối thủ đặc biệt, một kẻ thù mới trong những ngày tháng sắp tới.

Nhếch mép cười gằn, Niệm bước men theo những bờ đất lồi lõm. Trên đê, đám đông đã giải tán, cổng quận đóng lại im lìm, bóng người lính đứng gác im sừng như một pho tượng. Buổi tối nhá nhem mặt người, cánh rừng thông bỏ lại sau lưng chỉ còn là một giải sám đen rũ rượi. Gió thổi lồng lộng trong bóng tối dầy thêm. Đêm là thế giới của Niệm. Đêm bao trùm, đêm giăng lưới và Niệm như cá gặp nước, như con thú dữ ẩn mình đến giờ ra khỏi hốc xâu đi lang thang tìm mồi. Những ánh lửa leo lét thắp lên trong những hàng quán trên đê hướng dẫn bước chân Niệm. Tuy vậy mọi cử chỉ của Niệm vẫn thận trọng, ánh mắt sáng quắc vẫn ngó nghiêng tứ phía và vành tai vẫn dương căng trong nghe ngóng không rời.

Lên tới bờ đê trống trải, gió thổi thành lốc làm Niệm rét run. Như một mũi tên đen bắn đi, y lao mình từ bờ đê bên này sang tới bờ đê bên kia trong chớp mắt ngắn ngủi. Niệm vuốt tóc đứng lại trên đầu dốc, mở ra một lối đi nhỏ đưa xuống khu xóm lá tối tăm. Lọt xuống con đường khúc khuỷu dưới thấp, gió không lọt tới, Niệm tiếp nhận với một cảm giác ấm áp thật dễ chịu. Y men theo những đầu hồi, rẽ bên trái, ngoặt bên phải, dáng đi thành thuộc không nhầm lẫn. Tới một căn nhà thấp, thoáng lọt ra ánh đèn yếu ớt. Niệm lắng tai. Không một tiếng động. Y nhìn trước nhìn sau, đoạn gõ cửa ba tiếng thật nhẹ. Không một tiếng trả lời. Niệm ghé sát miệng vào khe cửa :

— Nữ !

Bạn đọc hỏi Nghệ Thuật trả lời

tiếp theo trang 11 ■

nét thẳng. Từ một vệt ánh sáng tới khoảng u ám xa vời. Từ những độ màu khác biệt kết hợp thành nhịp điệu. Từ mặt phẳng, độ cao đến chiều sâu của tác phẩm được phân định rõ ràng, minh bạch. Ở trường hợp này, từ « EFFET » được dùng cho toàn vẹn tác phẩm.

LOẠI B : Trường hợp thứ hai mà từ « EFFET » hay được các họa sĩ xử dụng đến là sự thể hiện cung độ kỹ thuật của từng phần trong một tác phẩm. Thí dụ, một họa phẩm vẽ cảnh vật dưới ánh nắng, mà người họa chỉ chú tâm vào sự diễn tả ánh nắng, để gây cho người thưởng ngoạn cảm giác lung linh, chói chang từ gần đến xa, từ thấp tới cao. Người thưởng ngoạn nếu có đôi chút kiến thức về hội họa sẽ nói « EFFET nắng đẹp quá ! » mà họ không mấy chú ý đến khác hiện diện trong kích thước họa phẩm. Ở trường hợp này, từ EFFET được coi như một *kết quả đặc biệt* của kỹ thuật tạo hình.

Nhưng, trong kích thước của nghệ thuật hôm nay, từ EFFET không còn được các nhà chuyên môn xử dụng nữa, vì người làm hội-họa không còn dùng sự vật để truyền cảm mà trình bày tâm linh họ đối diện với Vô Cùng.

Theo thiển ý chúng tôi, chúng ta nên Việt-Nam hóa từ «ÉP-FÈ» mỗi khi cần xử dụng cũng như chúng ta đã Việt-Nam hóa rất nhiều từ ngữ của Tây-Phương. Còn từ « Đặc hiệu » của Bạn nêu ra không hẳn là sai, nhưng chưa bao hàm được đầy đủ ý nghĩa của từ này trong lãnh vực hội-họa như chúng tôi đã giải thích ở trên.

Người hỏi : Bà TRẦN THỊ KIM LONG (*Long an*)

Vì không được may mắn theo học riêng về ngành Hội Họa, muốn tự học Hội Họa từ bậc Trung học trở lên phải mua sách gì và ở đâu ?

TRẢ LỜI :

— Hiện nay chưa có sách chuyên môn dạy về Hội Họa bậc Trung Học ở trong nước. Chương trình học về môn Họa ở bậc Trung Học Đệ I Cấp gồm trên 100 giờ và có những môn chính như : Truyền chân, Phân độ, Trang trí, Phối cảnh và Ký ức. Mục đích để gây cho học sinh sau 4 năm học có một ý niệm sơ đẳng về Hội Họa hơn là để trở thành Họa sĩ.

Nếu Bạn muốn tự học về Hội Họa, Bạn phải mua sách của nước ngoài. Sách chuyên về Hội Họa có rất nhiều loại do nhiều nhà xuất bản ấn hành. Nhưng muốn học có kết quả, bắt buộc bạn phải học 3 môn chính :

1.— Hình Họa.
2.— Phương pháp pha trộn màu, sắc.
3.— Phối cảnh.

1.— Sách dạy về Hình Họa.

— Encyclopédie pratique du Dessin, JEAN ARESTE IN
— Premières notions de Dessin, H. GRAND'AIGLE

2.— Sách dạy về Màu, Sắc :

— Le mélange des couleurs ERNEST HAREUX

3.— Sách dạy về Phối Cảnh :

— Perspective et tracé des ombres (Théorie et pratique) L. PARRENS

Những loại sách trên, Bạn hỏi mua tại Nhà sách Xuân Thu 185 đường Tự Do, hoặc Viễn Đông Thương Cuộc chuyên bán dụng cụ và sách Hội Họa ở số 157 — 159 đường Nguyễn Trung Trực Saigon.

Nếu 2 nhà sách nói trên không có, Bạn nhờ họ gửi mua dùm ở bên Pháp.

Đón đọc :

QUẬT KHỞI

TUẦN BÁO ĐẤU TRANH XÂY DỰNG XÃ HỘI MỚI

- Tiếng nói của thanh niên và dân nghèo Việt Nam
- Phản kháng thường trực để giải phóng những đau khổ của quần chúng và thực hiện cách mạng dân tộc.

Phát hành mỗi chiều Thứ Bảy

Chủ nhiệm
TRIỀU LINH NGUYỄN GIA PHÁI

Chủ bút
TRẦN ĐÌNH THỌ

TRUYỆN DÀI
doãn quốc sỹ

PHẦN I
Đốt Biên giới

1 doãn quốc sỹ

2

— CHỦ Quát sang Pháp đã lâu quá rồi chị Ninh nhỉ? —ngày đó Thuận hỏi chị.

— Mười lăm năm! —chị Ninh đáp.

— Giá không lấy thím Huyền chú dám ở lì bên đó.

— Có thể.

— Họ cưới nhau ở Paris phải không chị ?

— Tháng trước !

— Vừa rồi chú bảo về đây chú phụ trách công việc ở đâu chị Ninh nhỉ ?

— Cậu không nghe à ? Ở Thủ-Đức ! Trông nom cả nhà máy biến điện ở đấy.

— À vâng em nhớ ra rồi, chú đỗ kỹ sư điện ở bên đó từ lâu, thím Huyền mới đỗ cử nhân vạn-vật-học. Chắc thím Huyền về đây sẽ đi dạy học.

— Chắc thế.

— Thuận sung sướng thấy dòng họ mình có truyền thống cứ gọi nhũ danh người đàn bà, dù nội dù ngoại, không kể là còn không hay đã xuất giá : chị Ninh, anh Bảng, thím Huyền, chú Quát v.v.. Thuận nói :

— Chú Quát hôm nay không gặp anh Bảng rồi.

— Để chủ nhật này anh chị lên Thủ Đức đáp lễ vậy.

— Chị cho em đi với nhé.

— Càng vui chứ sao !

Ấy đấy, Thuận lại bị lôi cuốn vào việc ôn lại kỷ niệm rồi. Cảm giác cho phi cơ lao vào cái trống rỗng vô tận vừa qua không còn, cái trống rỗng vô tận đó giờ đây tràn ứ hình ảnh Huyền. Thuận nâng cao ly bia với các bạn làm như tham dự vào câu chuyện của họ, rồi uống một hơi.

— Nữa chứ mày ?

— Nữa !

— Xin cô bốn chai 33 nữa.

Huyền đẹp như một trái nho mọng ! Chính buổi gặp mặt đầu tiên đó Thuận đã nghĩ như vậy. Cái đẹp có nhiều

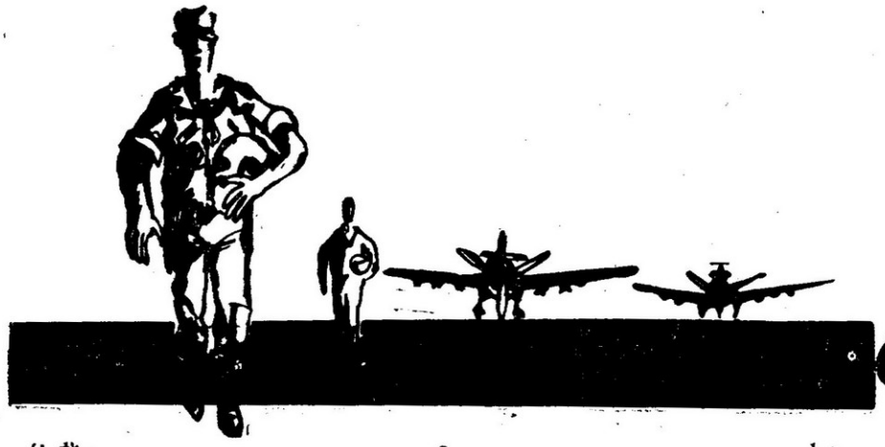

cúi đầu

phúc hậu nhưng vẫn sắc sảo. Khi chú Quát đã mang Huyền ra về rồi — Huyền khoác áo mưa trắng, đi vào trong mưa — Thuận cũng trở về góc cũ của mình, uống nốt ngụm cà phê sữa bỏ dở và đã nguội tanh, chỉ cốt để suy nghĩ. Phải, cái đẹp của Huyền có nhiều phúc hậu nhưng vẫn sắc sảo. Khuôn mặt tròn, khuôn mặt bầu bĩnh, khuôn mặt đó hiếm khi đẹp tuyệt vời, mà sao Thuận thấy Huyền đẹp tuyệt vời! Dáng Huyền vừa phải, không cao thon, Huyền chỉ vừa tầm thước thôi, mà sao rõ ràng Huyền đẹp tuyệt vời! Huyền ứng nơi thẳng ý nghĩ của nàng, vui như tiếng than nổ trong lò sưởi, rồi nàng cười rộn tan, rất thẳng thắn, Huyền có một chút lẳng lơ nào đâu, mà sao Thuận điên đảo tâm hồn! Lúc tiếp chuyện Huyền, Thuận phải gọi bằng « thím » như chị Ninh, lẽ dĩ nhiên, nhưng Thuận hết sức chán việc xưng « cháu ». Huyền còn kém Thuận ít ra là hai tuổi mà. Huyền đã đi vào trong mưa với chú Quát, Huyền khoác áo mưa trắng đi vào một vùng đan lát bằng muôn vàn sợi mưa trang điểm, Huyền đi đã lâu rồi nhưng hình ảnh Huyền càng đầy ắp lên. Thuận biết trước trong giấc ngủ tới sẽ mơ thấy nàng. Quả nhiên Thuận mơ thấy Huyền đến ăn cơm với chị Ninh, Anh Bằng. Trong mơ Huyền mặc áo cánh để hở hai cánh tay trẫu mũm mĩm đúng như Thuận đã ước đoán. Huyền xuất hiện trong mơ nói cười ý hệt bên ngoài, dáng người ý hệt bên ngoài, vẫn bộ ngực nhũn nhận hơi cao một chút, và tròn trịa, và mềm mại, đâu có cao vồng, nhọn hoắt rắn đanh, mà sao Huyền có sức quyến rũ tuyệt vời?

Thuận lại phải cười góp với ba thằng bạn, lại phải nâng ly bia lên cao rồi uống một mạch. Chúng nó đương ca ngợi một đào chiếu bóng Mỹ mà chúng cho là tuyệt thế giai nhân. Chúng thật ngu! Việt Nam mình có Huyền kia thừa đủ đánh đổ bất cứ minh tinh màn bạc quốc tế nào. À phải, cái chết bất ngờ và thảm thương của chú Quát đã mài dũa mọi ý nghĩ quyết liệt của Thuận, mài dũa cho mòn những góc cạnh đi thôi, nhưng chúng vẫn xuất hiện đầy đủ:

« Đã gặp Huyền, chắc chắn Thuận suốt đời không còn thể đam mê một người con gái nào khác nữa, như một người đã nghiện a phiến, không còn thứ nghiện gì vượt nổi thứ nghiện a phiến! »

« Đài phát thanh Hà Nội, chúng thường chửi giai cấp tiểu tư sản, ôi nhan sắc Huyền là một kiêu hãnh cho tiểu tư sản, là một cứu rỗi cho tiểu tư sản, là lý do sống cho cả trái đất này! »

— Đánh đổ được chai băm ba nữa không mày, Thuận?

— Được chứ!

— Xin cô bốn chai 33 nữa!

Lúc đó Thuận mới nói với thằng bạn bên cạnh:

— Ờ mày còn viết văn nữa hả mày tả cho tao nghe một tình yêu, đam mê đi. Mày có thấy tình yêu đam mê đẹp không? Sức mạnh của nó đẩy vút ra tận biên giới vũ trụ, nó còn muốn giúp mình thiêu cháy cả cái biên giới đó nữa, ha ha, được đẩy vút ra tận biên giới vũ trụ thênh thang lắm, thênh thang mà vẫn hướng về tâm điểm, mày có biết tâm điểm đó là tâm điểm gì không? Là tình yêu đam mê đó mày!

Thằng bạn trả lời ra sao, Thuận không nghe rõ, chỉ thấy ùng ùng trong tai, nhưng khi nó dứt lời thì Thuận giải thích tiếp:

— Tao không phải là nhà văn, nhưng tao tin là nhà văn mà không biết đam mê tình yêu thì viết được con mẹ gì. Cả cuộc đời bàng bạc lạnh như Nam, Bắc cực, nặng như băng sơn, đâu có tình yêu làm hỏa diệm sơn làm sao phá vỡ nổi cuộc đời mà thăng hoa lên cao cho thế nhân chiêm ngưỡng?

— Đánh đổ được chai băm ba nữa không mày, Thuận?

— Được chứ, chai thứ tư nếu tao không lầm.

— Xin cô bốn chai 33 nữa. Cô cho ăn luôn đi, có gì ăn nấy. Cô bảo sao? Chỉ còn trứng gà thôi à? Thì làm *omelette* mỗi dĩa bốn quả đi, ăn với bánh mì, chúng tôi chắc chẳng về nữa mà ngủ ngay ở ghế bố kia.

Cô chiêu đãi viên không lạ gì mấy tướng phi công trẻ này, họ đã có vợ con gì đâu, chợt ăn chợt bỏ, chợt đi chợt ở, khi say bí tỉ rồi họ vào một phòng *sơ-cua* dành riêng cho họ ngủ gục trên ghế bố ngon lành như những em đánh giày ngủ gục ngon lành bên hè phố sau một ngày ngược xuôi vất-vả.

Thuận đã ngả lưng trên ghế bố, thoải-mái, mắt díp lại nhưng trí tỉnh. Hôm đó Thuận nhận ra chú Quát trước nhất:

— Ủa chú Quát!

— Kìa anh Thuận.

— Chú đi đâu?

— Tôi đi Vĩnh-Long bằng chiếc Cessna kia. Tôi, người phụ tá và người phi công có ba người! Giá là ngày nghỉ anh muốn đi Vĩnh-Long chơi, tôi có thể để anh đi cùng, còn những ba chỗ nữa cơ mà.

Cả hai cùng cười, chợt chú Quát hỏi:

— Sao anh ở bên phí trường quân sự lại lạc-loài sang bên dân sự này?

— Cháu cũng vừa sang tiễn một người bạn, hắn đi tu nghiệp sáu tháng ở Hawai, có thể là lần sau đến lượt cháu. Thế chú đi Vĩnh-Long làm gì?

— Tôi xuống đó nghiên cứu đặt một máy điện lớn thay cho chiếc máy cũ.

Trên đường trở về phi trường quân sự, Thuận phải nhận là dạo này chú Quát trông trẻ hẳn, tráng kiện hẳn. Người ta bảo người hàng thịt không cần ăn nhiều thịt cũng vẫn béo, người bán hoa quả không cần ăn nhiều hoa quả mà nước da vẫn tươi mát, khoa học giải thích vì có những quang-tử điện-tử gì đó từ những chất đó bắn sang, ảnh hưởng thẳng vào những cơ thể sống gần gũi, vậy thì việc chú Quát được gần-gũi Huyền tất phải trẻ ra, tráng kiện lên là dĩ nhiên rồi! Huyền đẹp như một trái nho mọng! Bao giờ Thuận cũng nghĩ thế. Phóng thanh tin một phi cơ hỏng máy rơi xuống gần một bụi tre Gò-Vấp, nhưng Thuận không hề ngờ đó là *chiếc phi cơ taxi* trên có chú Quát.

còn nữa ■

trận đánh trong rừng dừa

■ tiếp theo trang 10

có một xác chết còn buộc sợi giây thừng ở ngang lưng. Tôi chợt so sánh và chua chát thầm giá một khẩu đại liên của họ đắt có đến ba chục mạng người.

Tự dưng tôi chỉ muốn hét lên, mặt nóng, tay run. Suýt giữa, tôi đã gào to để vãng lục, phản đối cái lối đánh thí quân như thế này. Ba đội viên cùng ràng súng vào cạp quần của nhau. Thấy nặng, thấy vướng, tức là có kẻ đã ngã đạn, ai còn sống thì phải cắt giây, khoác lấy khẩu súng của người chết, đem về. Giắt nút !

Đống rơm đã cháy ra tro, dị hẳn xuống. Ba xác chết, lại ba xác chết nữa đùn cục. Một người chồng mông cắm đầu trong đám tro. Một người co rúm, úp sấp. Một người...

Lý ra, cái kẻ chết ngồi chẳng có gì đáng sợ nữa. Lửa đẽo còn hết da thịt, chỉ còn lại một cái gộc than phẳng phất hình người. Chẳng có gì đáng sợ nữa.

Nhưng hắn ngồi, đầu bị tiễu phẳng ở ngang trán, mường tượng cái bát lật ngửa óc não bầy nhầy, lem luốc phản chiếu mặt trời loang loáng như cái mẻ.

Tôi đoán hắn đã cùng hai đồng đội tháo chạy vào đây, để nấp sau đống rơm, tránh đạn. Nhưng một trái bom xăng đã thiêu rụi cả bọn.

Hắn ngồi, nên trông mới đượm vẻ suy tư, ; Bởi đó. tôi chợt băn khoăn về lai lịch của hắn. Chẳng hạn, tôi muốn biết hắn bao nhiêu tuổi, có vợ chưa còn cha mẹ không, gia đình ở mãi đâu và những kẻ đó sẽ chẳng bao giờ biết đến chỗ ngồi, dáng ngồi của hắn ở đây.

Hình như dưới chân dính dính. Tôi cúi nhìn. Cơm vãi cả một thửa sân dài, những con cá mắm, những quả cóc muối lăn lóc, ngổn-ngang. Gã quăn chân ngồi ở mép phải, trong nếp nhà tranh lụp xụp, tối om, chỉ trông rõ mầu trắng của lớp băng trên trán, và nụ cười :

— Đánh nhau với chúng nó, mình lỗ vốn thấy mồ ! Nếu tôi chết, chúng nó sẽ lấy được cái đồng hồ, cây bút máy, cái nhẫn này nữa, lại còn tờ năm trăm mới toanh chưa kịp tiêu. Còn chúng nó chết, mình chẳng « khai thác» được gì cả !

Câu nói đùa của người lính lại nhắc tôi nghĩ đến gói giấy dầu ban nãy, và càng thêm thắc mắc về thân thế của kẻ chết ngồi ở đằng kia.

Bỗng một phát súng trường nghe thật gần, chắc bắn chỉ thiên, vì tiếng « chíu » ngân ra rất dài. Tôi vẹt những tầu lá dừa, ngó nhìn, vừa lúc, một chiếc thám hạm lướt qua, chỉ trông thấy cái pháo tháp nhô cao. Máy kêu rù rì vẳng lại trầm buồn một hồi lâu.

Tôi lách ra con đường làng, băng qua thửa ruộng khô, lên đứng trên bờ kinh, rồi theo con tầu. Ở đó có một chiếc cầu khỉ gẫy đôi gục xuống nước. Tôi tiến đến chiếc cầu. Chiếc cầu vấy máu, và một xác chết nằm úp sấp bên triền cỏ, chỗ sắp bước lên cầu.

Tôi đã soi ngắm kỹ càng, vẫn không hiểu hắn trúng đạn ở chỗ nào, vì không thấy vết phá sau lưng, cũng không thấy một chút máu vương nào. Hắn nằm sấp, hai tay giang thẳng, hai chân khép kín và cũng ruỗi thẳng, in hệt cây thập giá.

Tôi đoán, trước khi chết, hắn đã giơ tay lên nửa chừng hoặc muốn xin hàng hoặc muốn vỗ mạnh xuống bờ kinh để lấy đà lao chạy qua cầu, nhưng đúng lúc đó, hắn tử thương, cho nên còn giữ nguyên cái dáng điệu này, rồi cứng lại như thế mãi.

Trông hắn, thì tôi tin hắn muốn xin hàng hơn là muốn lao chạy. Nghĩ thế, tôi cứ cảm thấy tiếng tiếc ở chỗ sao hắn không quyết định thái độ vào lúc nào còn có thể được, và sớm hơn chút nữa.

Bên kia con kinh, cánh đồng lúc con gái chạy dài về phía năm ba khu làng xa đến phẳng ra, cả những chiếc xe lội nước, chạy qua chạy lại trông cũng nhỏ đi như một giống côn trùng nào đó.

Tôi ngồi xuống bờ cỏ, hướng thẳng về chân trời ấy. Như thế để hình dung thấy từng nhóm người tán loạn xéo lên nhau mà chạy, cờ rách, súng kéo lê.

Tôi muốn gào lên để gọi họ đứng lại. Nhưng dĩ nhiên tôi vẫn nín thinh, và chỉ có thể ấm ức trong ngực Nỗi niềm còn chen vào mấy vang bóng sau lưng, gói giấy dầu, kẻ chết ngồi, những hạt cơm rơi, mấy con cá mắm be bét, mấy quả cóc muối lăn lóc, và cái tử thi cứng lại thành hình cây thập giá còn đây.

Thốt nhiên tôi moi túi quần sau, lấy cái ví, mở ra để xem lại tấm hình mới chụp của thằng con lên ba. Trong vườn Tao Đàn, bên bức tượng con lân ngồ ngáo, con tôi mũm mĩm sờ mó, nhoẻn cười. Nó xinh xắn ngây thơ quá làm tôi phát khóc. L.Đ. ■

bán sỉ và lẻ thiệp Noël chúc Tết

nhà sách
tinh hoa
51, TRẦN HƯNG ĐẠO SAIGON

PHÁT HÀNH ĐẦY ĐỦ NHẠC MỚI CỦA CÁC NHÀ XUẤT BẢN ●

■ tiếp theo trang 19

Thế mà em nghĩ rằng mọi công việc đã sẵn sàng trong vườn cam rồi chứ.

— Điều đó chẳng còn gì quan trọng lắm, em ạ, em không nghĩ như vậy sao ? Em hãy nhìn kỹ hơn nữa ; họ áp những chiếc áo khoác ngoài của họ lên mặt như để che mưa.

— Nhưng thật ra người ta có thể nói trời đang mưa hay không ? Dường như họ bị mắc phải cơn mưa rào ở xứ này.

— Trận mưa đang quấy rầy họ không phải từ trên trời rơi xuống, em ạ ; đó chính là thứ lọ nồi ngưng tụ lại khi họ tiến đến, ăn dính vào người và nhầy nhụa. Nó sẽ chế ngự được súc vật của họ, những trục xe và những tấm bố che trên mui xe họ, và điều ta không ngờ được, là luôn cả những người yếu nhất trong bọn họ. Chúng ta sẽ chỉ đón tiếp những mảnh thịt rách tả tơi của họ mà thôi.

— Abel mệt rồi đấy.

— Em hãy nhìn đám rước khi đang kéo ra ở một góc núi đá. Anh đã thấy họ rời khỏi chiếc thuyền lớn. Những người đàn bà cầm những cái chảo bằng đồng, và những người đàn ông đội trên đầu họ những chiếc lò nhỏ. Chính những người đầu bếp khi phải lo bữa tiệc lớn cho chúng ta. Con họ đeo lủng lẳng trên cổ những vòng xâu chim mỏ nhác vừa mới giết được. Những con cá vẫn còn dẫy dụa trong giỏ của các bà già đi theo họ.

— Những việc đó sẽ xảy ra không ?

— Anh ta tin chắc chúng buông trôi cả rồi. Trong cái vựa thóc đổ nát kia người ta đã dựng lên một quán rượu. Chúng dàn ra chung quanh quán và sửa soạn nhóm với ý định đóng quân giữa trời trên đống rạ. Chúng làm thế rất hợp lý ; lâu đài không còn ở được nữa. Bọn du đảng đã đập phá những chiếc ghế, và ném mấy khúc xương cháy làm vỡ tan các cửa kính.

— Sao anh biết điều đó ? Tại sao anh không cho em hay trước gì cả ? Và anh là ai ? Và Abel là ai ? Có phải đúng là thằng Abel của em không ? Em không còn nhận ra tiếng nói của anh, cả khuôn mặt của anh nữa ; và chính những bàn tay của em, em cũng nhận ra rất khó khăn ; và cảnh vật trước mặt em, nó dơ bẩn quá ! Trừ phi cái máy khốn nạn của anh đã mê hoặc em,

Nàng không nhìn nữa, đẩy cánh tay tôi ra. Chàng cất ống kính viễn vọng vào túi, và cầm lấy tay nàng. Tôi để họ đi xa xa một tí, để chính mình được ngắm cảnh vật đã biến đổi. Trong vựa thóc, chung quanh cánh cửa đặt trên hai chân ngựa, những thương binh tàn tật đang ngậm ống vố dài bằng đất. Họ đội mũ da, còn những thanh kiếm rỉ sét của họ được cắm vào cột dùng để làm móc áo.

Tôi theo dõi họ bằng câu chuyện của họ.

« Mắt em rất tốt, tai em rất thính. Có phải ngày đang tắt, hạ, là chính em ? Những con ruồi chui vào trong mấy cái nơ em cột tóc, và khí lạnh của rừng cây luồng vào yếm em như những móng tay. Có phải bỗng nhiên em già đi, hay chính cả vũ trụ đang lơi dần ? Abel đã đi quá xa, và tiếng nói của anh chỉ còn đến với em rất khẻ.

— Những gì em nghe không còn là những âm thanh nữa, em ạ, mà chính là những dấu hiệu của mấy ngón tay anh, những dấu hiệu mà trí óc em đọc lên nhưng không nhận thấy được sự thay đổi. Còn khuôn mặt anh, chắc bây giờ em đã thấy rằng nó chỉ là một cái mặt nạ bằng vải gai. Lớp sơn trên má anh đã tróc rồi. Chẳng bao lâu nữa sự hủy hoại dai dẳng đối với một pho tượng dù là gan lì như anh sẽ nông hai lỗ mũi của anh to ra, và anh sẽ mất hết lớp sơn tróc ở ngoài cũng như em, em ạ, em với những lòng bàn tay nứt rạn để lộ những dây gân.

— Rồi chuyện gì sẽ xảy đến ?

— Rồi những đạo sĩ sẽ đến mua những bộ sườn còn lại của chúng ta. Họ sẽ nhờ những cử động của ta để làm linh động sân khấu họ, rồi, đến khi họ đã tận dụng hết mục lục các cử động của chúng ta, họ sẽ vất chúng ta vào trong những cái kho to tướng của họ, và họ sẽ cho người vào xem chúng ta để lấy một ít tiền. Em đã quên rồi là người ta gọi em là phượng hoàng con và em cũng đã gọi anh là ông hoàng sà nhà. Những bực thang của em sụp đổ trong bóng tối và bùn lầy, và những pha lê trên những ngọn bách đăng của em rơi dần qua những lỗ hổng trên vòm mái những nhà vắng tanh của em.

— Và hải cảng, và thành phố, và những bạn gái em, và những cô tớ gái em, và những tên mọi của em, và những con chim hạc, những con ong của em », nàng la lên.

Và chàng lập lại giọng nhỏ hơn :

« Và hải cảng, và thành phố, và những bạn gái em, và những cô tớ gái em, và những tên mọi của em, và những con chim hạc, những con ong của em »

Và nhiều giọng khác lập lại giữa lùm cây nhỏ dần nhỏ dần :

«Và hải cảng, và thành phố và những bạn gái em, và những cô tớ gái em, và những tên mọi của em, và những con chim hạc, những con ong của em, những con ong của em, những con ong của em... »

Chắc chắn là những con chó đã đuổi theo tôi. Cửa rào sắt chợt đóng lại dữ dội sau lưng tôi. Đó không phải là hàng rào sắt, đó là một bức tường.

viết theo vài bức tranh của Alessandro Magnasco

Quý Bạn đang thắc mắc về :

— TRANG TRÍ
— TIỆN NGHI
— MÀU SẮC
— TRƯNG BÀY

cho căn phòng và cơ sở của Quý Bạn

Xin mời lại :

NHÀ TRANG TRÍ và ĐỒ GỖ

beaubois

283/b Hai bà Trưng — SAIGON

☐tiếp theo trang 21

và tôi làm quen được với một diễn viên. Anh ta nói là tôi có thể gia nhập đoàn hát. Nhưng mẹ tôi không chịu. Vì tôi mới có mười lăm tuổi, bà bảo thế. Nhưng anh kép hát nói là tôi có thể trở thành diễn viên. Hồi đó, nếu tôi cứ đi theo đoàn hát, thì tôi đã sống một cuộc đời khác!

Lennie vuốt ve con chó nhỏ. Gã giải thích :

— Còn chúng tôi, chúng tôi sẽ có một cái trại nhỏ... và một bầy thỏ.

Nàng nói tiếp, rất nhanh, trước khi gã kịp ngắt lời nàng :

— Một lần khác tôi đã gặp một anh chàng làm về điện ảnh. Tôi đi nhảy với hắn tại khiêu vũ trường Riverside. Hắn bảo là hắn sẽ giúp tôi đóng phim. Hắn bảo là tôi có khiếu về điện ảnh. Hắn hứa là sau khi về tới Hollywood, hắn sẽ viết thư cho tôi.

Nàng nhìn Lennie chăm chú, để xem gã có xúc động không.

— Tôi không hề nhận được thư của hắn, nàng nói. Tôi vẫn nghĩ là mẹ tôi đã chớp mất lá thư ấy. Dầu sao tôi cũng không thể ở một chỗ tối tăm, tương lai không có, tên tuổi cũng không, và người ta còn ăn cắp thư của tôi nữa. Tôi có hỏi mẹ tôi có phải bà đã chớp lá thư của tôi không, thì mẹ tôi trả lời là không. Thế rồi, tôi lấy Curley. Tôi gặp hắn ở khiêu vũ trường Riverside, cũng buổi tối hôm đó.

Nàng hỏi :

— Anh có nghe tôi nói đấy không ?

— Tôi ấy à ! Có chứ !

— Tôi chưa hề kể chuyện đó cho ai nghe. Đáng lẽ tôi chẳng nên kể. Tôi không yêu Curley. Hắn là người không tốt.

Và bởi vì nàng thổ lộ tâm sự với Lennie nên nàng xích lại và ngồi sát cạnh gã.

— Đáng lẽ tôi đã đóng phim, và may sắm những quần áo đẹp... như các thiếu nữ khác. Tôi ngồi trong những khách sạn lớn, và người ta chụp hình tôi. Tối đầu tiên trình diễn phim tôi đóng, tôi tới tham dự, tôi nói trong máy điện thoại không phải trả tiền, bởi vì tôi là tài tử trong phim. Tôi có những quần áo đẹp như tất cả các thiếu nữ khác. Bởi vì anh chàng đó đã nói là tôi có khiếu về điện ảnh.

Nàng ngước mắt nhìn Lennie, và giơ tay phác một cử chỉ để chứng tỏ là nàng biết diễn xuất.

Lennie thở dài sườn sượt. Ngoài kia, có tiếng sắt va chạm và tiếng hoan hô vang dậy.

Vợ Curley nói :

— Có kẻ đã ném vòng trúng đích rồi đấy!

Lúc này, ánh sáng đã thay đổi theo mặt trời xuống ; những tia nắng leo lên tường, rơi xuống những máng cỏ và trên đầu ngựa.

Lennie nói :

— Có lẽ nếu tôi đem vất con chó con này ra ngoài, George sẽ không hay biết gì cả. Như thế, anh ấy sẽ không cấm tôi chăm nom bầy thỏ.

Vợ Curley la lên, giận dữ :

— Bộ anh không có thể nghĩ đến gì khác ngoài bầy thỏ ấy sao ?

Lennie kiên nhẫn giải thích :

— Chúng tôi sẽ có một cái trại nhỏ, một căn nhà, một thửa vườn, và một khoảng đất trồng linh lăng thảo dành cho bầy thỏ ; tôi sẽ mang một cái bị, tôi chất đầy linh lăng thảo vào đó, và tôi đem cho bầy thỏ ăn.

Nàng hỏi :

- Tại sao anh thích thỏ đến thế ?

Lennie suy nghĩ một lúc lâu trước khi tìm được câu trả lời Gã khẽ nhích lại gần, gần đến chạm vào người nàng.

— Tôi thích vuốt ve những vật gì đẹp. Một hôm, ở chợ phiên, tôi trông thấy những con thỏ lông dài. Thiệt là đẹp Cũng có lúc tôi vuốt ve chuột nhắt, nhưng chỉ khi nào tôi không kiếm được gì hơn.

Vợ Curley hơi lùi ra một chút.

— Anh này coi bộ khùng, nàng nói.

— Không, tôi không khùng, Lennie kiên nhẫn giải thích. George bảo là tôi không khùng. Tôi thích vuốt ve những vật gì đẹp. những vật êm dịu.

Nàng hơi yên tâm một chút.

— Ai chả thích thế, nàng nói. Còn tôi, tôi thích sờ lụa và nhung. Anh có thích sờ nhung không ?

Lennie la lên, khoái trá :

— Trời ! Có chứ ! Hồi trước tôi cũng có một miếng nhung, Có một bà cho tôi, bà đó là dì Clara của tôi. Bà cho tôi một miếng nhung lớn bằng ngần này. Lúc này tôi muốn có miếng nhung ấy.

Gã xịu mặt lại.

— Tôi làm mất rồi. Đã lâu lắm tôi không thấy nó đâu cả.

Vợ Curley chế nhạo gã :

— Anh đúng là khùng. Nhưng dẫu sao anh cũng tử tế. Anh giống hệt một đứa con nít Nhưng tôi bi u anh muốn nói gì. Mỗi khi chải đầu, tôi thường vuốt ve mái tóc tôi, vì nó mượt hết sức.

Nàng vừa nói, vừa đưa những ngón tay vuốt lên đầu.

— Có nhiều người tóc dầy và cứng, nàng vui vẻ nói tiếp. Như Curley chẳng hạn. Tóc hắn như rễ tre. Còn tóc tôi vừa nhỏ vừa mịn màng. Vì tôi luôn luôn dùng bàn chải, nên tóc tôi mới mịn thế. Anh thử sờ xem, chỗ này này...

Nàng cầm bàn tay Lennie, đặt lên đầu nàng.

— Anh sờ chỗ này, chung quanh đây, anh sẽ thấy tóc tôi mịn màng như thế nào.

Lennie bắt đầu vuốt ve mái tóc nàng với những ngón tay to lớn của gã.

— Đừng làm bù đầu tôi, nàng nói.

Lennie nói :

— Ồ ! Thật là êm ! Và gã vuốt mạnh hơn. Ồ ! Thật là êm !

— Coi chừng anh làm bù đầu tôi !

Rồi, nàng la lên, giận dữ :

— Thôi, anh làm xổ hết tóc tôi còn gì !

Nàng hất đầu về phía sau, nhưng Lennie càng nắm chặt hơn.

Nàng lả lớn :

— Buông tôi ra ! Kia, buông tôi ra !

Lennie đâm hoảng sợ. Mặt gã cau lại. Nàng hét lớn. Còn một tay, gã bịt lấy miệng và mũi nàng.

— Đừng, tôi van cô, gã năn nỉ. Tôi van cô, cô đừng làm thế. George sẽ nổi giận.

Nàng cố sức vùng vẫy, dưới đôi bàn tay của gã. Chân nàng đạp đống rơm, và nàng cố vươn mình để thoát khỏi. Lennie bắt đầu la lên vì sợ hãi :

— Tôi van cô, cô đừng kêu lên như thế, gã năn nỉ George lại bảo là tôi làm quấy Anh ấy sẽ không cho tôi chăm nom bầy thỏ nữa.

Gã nới bàn tay ra một chút, và nàng hét lên một tiếng. Lennie bỗng nổi giận.

— Thôi đi ! Tôi không muốn cô la hét như vậy. Cô lại sắp sửa gây ra chuyện lôi thôi, đúng như George đã nói Thôi ! Đừng la như vậy nữa !

Nàng vẫn tiếp tục vùng vẫy, đôi mắt đỏ ngầu vì sợ hãi Còn gã thì lay nàng, tức giận.

— Đừng la hét như vậy nữa ! Gã vừa nói vừa lay nàng, và thân hình nàng gục xuống chư một con cá Rồi nàng không động đậy nữa vì xương cổ nàng đã bị Lennie bóp gẫy.

NGƯỜI ANH HỌ

tiếp theo trang 9 ■

— Ông thấy không, chúng tôi trả tiền đàng hoàng mà. Thế còn những người trước có trả tiền ông không ?

— Không ông ạ, họ đâu có trả đồng xu nào.

Lão đếm tiền lẩm bẩm trong yên lặng : theo như lời viên sĩ quan : « Mỗi người một ly bia » Lão nghĩ, còn những người kia, họ đâu có muốn uống bia. Tất cả là 4 ly cô nhắc mà chẳng được đến một đồng xu. Họ đâu có thèm trả. Lão chủ quán nói lớn và giọng than vãn :

— Trông cửa sổ của tôi kìa, làm sao bây giờ ?

Viên sĩ quan lên tiếng :

— Không sao đâu ông chủ. Chính quyền sẽ đền ông mà lo gì. Ông chỉ việc gửi một lá đơn là được. Nhanh lên rót cho tôi ly cô nhắc đi chứ. Tôi không đủ thì giờ nói chuyện nhảm đâu ông.

Lão chủ quán phàn nàn :

— Ông thấy không ? Bao nhiêu chai cô nhắc vỡ hết. Ai sẽ trả tiền cho tôi bây giờ cơ chứ ?

Viên sĩ quan trả lời :

— Tất cả mọi thứ được đền mà.

— Thế ông để cho tôi xuống hầm rượu lấy vài chai đã chứ.

Lão chủ quán nổi giận với danh từ « trả tiền ». Lão nghĩ, người ta vào quán cà phê của mình phá vỡ các cửa sổ, thế lại còn ra lệnh cho mình và bảo rằng sẽ được đền bù. Ừ thì đền đi, đền đi, đền đi xem nào. Đồ một lá ăn hại xâm nhập quán người ta không trả tiền.

Viên sĩ quan quay lại và khiển trách một người trong bọn vì tựa khẩu tiểu liên vào quầy hàng ;

— Ê, coi chừng đấy chú mày.

Đi đến đầu cầu thang, lão chủ quán ngừng ngay lại. Bọn người đứng trong bóng tối. Ánh sáng của ngọn đèn trong quán đủ làm cho lão thấy rõ một xác người. Lão run lên ghê gớm và tay run run bật một que diêm. Gã thanh niên Đức đầu chúc xuống đất, máu từ đầu nhỏ dọt xuống bậc cầu thang. Đôi mắt gã mở chừng chừng nhìn lão chủ quán với tia nhìn đuối sức, sắp tắt thở. Lão chủ quán không tin là gã thanh niên đã chết. Lão cúi xuống khe khẽ gọi : «Đồng Chí», trong lúc que diêm trên tay dần dần tắt. Lão cố nhớ lại một vài câu tiếng Đức, nhưng không tài nào gợi lại được . Lão cúi thấp xuống và nói nhỏ : « *Mein Bruder* ». Bất chợt lão quay lại và bỏ chạy. đưa đưa hộp diêm trước mặt viên sĩ quan. Lão kêu lên cốt cho viên sĩ quan và bọn người trong quán nghe thấy :

— Đồ bần thỉu, bần thỉu cả lũ.

Viên sĩ quan nói :

— Cái gì thế ? Cái gì thế ? Ông định nói gã thanh niên là em họ ông phải không ? Không thể được.

Viên sĩ quan chau mày khó chịu nhìn lão chủ quán và bỏ lạch cạch những đồng phật lăng vào túi quần. B.N D ■

Truyện **Brother** *trong tuyển tập truyện ngắn* **Nineteen Stories** *của Graham Greene...*

NHẠC HAY CỦA BẠN

Tuyển tập âm nhạc chọn lọc do TRẦN THIỆN THANH và các bạn chủ trương xuất bản.

NHAC HAY CUA BAN

Nơi tập trung đầy đủ nhạc phẩm của những nhạc-sĩ tăm tiếng, được mến chuộng hiện nay : TRÚC-PHƯƠNG — TRẦN THIỆN THANH — ĐỖ KIM BẢNG — HOÀNG THANH — NHẬT BẰNG — ANH CHƯƠNG CH — HOÀNG TRANG — ANH VIỆT THU — ANH THY — HOÀNG BẢO — KIM TUẤN — DUY YÊN — QUỐC KỶ.

NHẠC HAY CỦA BẠN

Đã phát hành 11 ấn phẩm chọn lọc : HAI SẮC HOA TI GÔN. Trần thiện Thanh — GIÂY PHÚT TẠ TỪ. Trần thiện Thanh — MƯA CHIỀU KỶ NIỆM. Duy Yên Quốc kỳ — HÃY TRẢ LỜI EM. Anh Chương CH — NẾU CÒN YÊU NHAU. Hoàng Bảo Kim Tuấn — CHU NHẬT BUỒN. Đỗ Kim Bảng — ĐỜI CÒN NHIỀU GIAN DỐI. Trần Thiện Thanh — NGƯỜI YÊU CUA LÍNH. Anh Chương CH — TRƯỚC MẶT TÌNH YÊU. Trúc Phương — KY NIỆM BUON. Nhật Bằng — MỘT ĐỜI YÊU ANH. Trần thiện Thanh.

NHẠC HAY CỦA BAN

● Sẽ phát hành trong tháng 11-1965 :

● CHỈ MỘT LỜI THÔI — Hoàng Thanh

● HOA BIỂN — Anh Thy

TRONG TẬP NHẠC ĐẦY ĐỦ, CHỌN LỌC CỦA BẠN KHÔNG THỂ THIẾU :

● 11 ấn phẩm NHẠC HAY CỦA BẠN *ĐÃ PHÁT HÀNH KHẮP NƠI*

KỸ NGHỆ IN BÔNG
SAIGON

nhận Lãnh in bông và nhuộm tẩy cáo loại hàng vải

■ VĂN PHÒNG :
47 đường Tôn Thất Đạm
SAIGON
Điện thoại 23188

■ CƠ XƯỞNG :
1614, Hương lộ 14
Xã Phú Thọ Hòa
GIA ĐỊNH

nghệ thuật

TUẦN BÁO RA NGÀY THỨ BẢY

Mỗi số . . . . . 7 đồng
Sáu tháng . . . . . 180 đồng
Một năm . . . . . 300 đồng
Công sở giá gấp đôi
Thư từ bài vở gửi **THANH NAM**
Tiền bạc, ngân phiếu xin đề Ông TỪ NGỌC TOÀN

NHÀ XUẤT BẢN

TIA SÁNG

ĐÃ XUẤT BẢN :

NẮNG SỚM MƯA CHIỀU	*Ngọc-Linh*
CHO MƯỢN CUỘC ĐỜI	*Thanh-Nam*
BƠ VƠ	*An-Khê*
NHỮNG KẺ NGOẠI TÌNH	*Văn-Quang*
TUỔI TÌNH YÊU	*Hoài-điệp-Tử*
YÊU TRONG HOÀNG HÔN	*Ngọc-Linh*

SẮP PHÁT HÀNH :

ĐỪNG HỎI TẠI SAO
Truyện dài của Bình nguyên Lộc
DANH GIÁ
Truyện dài của bà Tô Hoa

ĐANG IN :

MƯA ĐÊM TỈNH NHỎ	*Thanh-Nam*
GIÒNG ĐỜI	*bà Tùng-Long*

20 *truyện ngắn đặc sắc* của nhà văn **BÌNH NGUYÊN LỘC**

trong tác phẩm mới ấn hành của nhà PHÙ-SA :

mưa thu nhớ tằm

● Đã đọc những truyện ngắn của BÌNH NGUYÊN LỘC qua « Nhốt Gió, Ký Thác, Tâm Trạng Hồng » không thể không đọc.

MƯA THU NHỚ TẰM

● **Đã có bán khắp các hiệu sách do nhà SỐNG MỚI tổng phát hành**

LIFA METAL WORKS LTD.
(LIFAMEWO)

GIÀY KẼM GAI
□
LƯỚI KẼM SÁU GÓC
□

Văn phòng
52 Lương như Học
Chợ lớn. ĐT : 36881

Xưởng
660-662 Phạm.v.Chí
Chợ Lớn

In tại THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN 223 Phạm ngũ Lão Saigon

GPXB số 4260/BTTTLC/BC. 4 ngày 29-7-65 K.D. số 2056 BTLC ngày 20-10-65

MỘT NGÀY LÀM VIỆC MỆT NHỌC
PHẢI CÓ MỘT BUỔI TỐI GIẢI TRÍ THOẢI MÁI

Sân khấu

KIM CHUNG

Nơi tập hợp những danh tài ca kịch sáng chói nhất hiện nay sẽ giúp quý vị những giờ giải trí đáng giá nhất.

KIM CHUNG I tại rạp OLYMPIC

Với những [illegible] sẽ tới đây nhiều triển vọng vừa gia nhập đoàn, sẽ ra mắt quý vị trong những vở ca kịch đặc sắc, bên cạnh đó là [illegible] HƯƠNG hào hoa, một BÍCH HỢP dễ thương đào thương Bắc Hà, và những tài năng đã chiếm được trọn vẹn cảm tình của khán giả : NGỌC ẤN, VIỄN PHƯƠNG, TẤN ĐẠT, TÚY ĐỊNH, QUANG HIỆU, CẨM THƯỢNG, NGỌC LUẬN...

ĐÓN COI **CÁNH HỒNG TẢ TƠI**

Một vở [illegible] kịch đặc sắc của VẠN LÝ sẽ được chọn để trình diễn làm vở thử hai tại ngôi sân khấu nhà của cô KIM CHUNG.

Tại rạp Hưng Đạo

TIẾNG HÁT TRÊN SÔNG LOA

Vở ca vũ nhạc kịch phẩm Tây Phương mới nhất của Ngọc Huyên Quân và Thanh Cao

ĐỒ ĐOÀN

KIM CHUNG 4

Trình diễn từ ngày 19-10-65

Với cặp ÚT BẠCH LAN — THANH HẢI cùng những giọng vàng ÁNH HỒNG — Hề VĂN HƯỜNG — KIỀU LỆ TÂM — PHƯỚC HẬU — HỒNG HOA — THANH NHÀN — XUÂN HOA — HOÀNG GHI — VINH QUANG cùng toàn thể đoàn KIM CHUNG 4.